VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 02/2019/TT-BTNMT	*Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2019*

THÔNG TƯ

Ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền thành phố Hải Phòng

Căn cứ Luật Đo đạc và bản đồ ngày 14 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền thành phố Hải Phòng.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2019.

Điều 3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Thị Phương Hoa

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIỀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2019/TT-BTNMT ngày 29 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG

1. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền thành phố Hải Phòng được chuẩn hóa từ địa danh thống kê trên bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000 Hệ VN-2000 khu vực phần đất liền thành phố Hải Phòng.

2. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền thành phố Hải Phòng được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt của các đơn vị hành chính cấp huyện gồm các quận và các huyện, trong đó:

a) Cột "Địa danh" là các địa danh đã được chuẩn hóa, tên gọi khác của địa danh hoặc ghi chú để phân biệt các địa danh cùng trên trong một đơn vị hành chính cấp xã được thể hiện trong ngoặc đơn.

b) Cột "Nhóm đối tượng" là ký hiệu các nhóm địa danh, trong đó: "DC" là nhóm địa danh dân cư; "SV" là nhóm địa danh sơn văn; "TV" là nhóm địa danh thủy văn; "KX" là nhóm địa danh kinh tế - xã hội.

c) Cột "Tên ĐVHC cấp xã" là tên đơn vị hành chính cấp xã, trong đó: P. là chữ viết tắt của "phường"; TT. là chữ viết tắt của "thị trấn".

d) Cột "Tên ĐVHC cấp huyện" là tên đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó: TP. là chữ viết tắt của "thành phố"; H. là chữ viết tắt của "huyện"; Q là chữ viết tắt của "quận".

đ) Cột "Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng" là tọa độ vị trí tương đối của đối tượng địa lý tương ứng với địa danh trong cột "Địa danh", nếu đối tượng địa lý

được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng điểm, dạng vùng thì giá trị tọa độ tương ứng theo cột "Tọa độ trung tâm", nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng đường thì giá trị tọa độ tương ứng theo 2 cột "Tọa độ điểm đầu" và "Tọa độ điểm cuối".

e) Cột "Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình" là ký hiệu mảnh bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000 chứa địa danh chuẩn hóa ở cột "Địa danh".

Phần II
DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIỀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền thành phố Hải Phòng gồm địa danh của các đơn vị hành chính cấp huyện được thống kê trong bảng sau:

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Trang
1	Quận Dương Kinh	
2	Quận Đồ Sơn	
3	Quận Hải An	
4	Quận Hồng Bàng	
5	Quận Kiến An	
6	Quận Lê Chân	
7	Quận Ngô Quyền	
8	Huyện An Dương	
9	Huyện An Lão	
10	Huyện Kiến Thuỵ	
11	Huyện Thủy Nguyên	
12	Huyện Tiên Lãng	
13	Huyện Vĩnh Bảo	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu đô thị Anh Dũng	DC	P. Anh Dũng	Q. Dương Kinh	20° 48' 49"	106° 41' 40"					F-48-82-A-d
khu đô thị Sao Đỏ	DC	P. Anh Dũng	Q. Dương Kinh	20° 49' 00"	106° 41' 51"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Ninh Hải	DC	P. Anh Dũng	Q. Dương Kinh	20° 47' 44"	106° 42' 32"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Phấn Dũng	DC	P. Anh Dũng	Q. Dương Kinh	20° 48' 01"	106° 41' 50"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Phú Hải	DC	P. Anh Dũng	Q. Dương Kinh	20° 49' 18"	106° 41' 51"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Trà Khê	DC	P. Anh Dũng	Q. Dương Kinh	20° 48' 12"	106° 41' 39"					F-48-82-A-d
bảo tàng Hải Quân	KX	P. Anh Dũng	Q. Dương Kinh	20° 49' 38"	106° 41' 54"					F-48-82-A-d
Cầu Rào	KX	P. Anh Dũng	Q. Dương Kinh	20° 49' 44"	106° 41' 51"					F-48-82-A-d
cầu Rào 2	KX	P. Anh Dũng	Q. Dương Kinh	20° 49' 13"	106° 41' 34"					F-48-82-A-d
Công ty cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	KX	P. Anh Dũng	Q. Dương Kinh	20° 47' 37"	106° 41' 34"					F-48-82-A-d
đền Vọng Hải	KX	P. Anh Dũng	Q. Dương Kinh	20° 47' 19"	106° 42' 46"					F-48-82-A-d
đình Phấn Dũng	KX	P. Anh Dũng	Q. Dương Kinh	20° 48' 05"	106° 41' 52"					F-48-82-A-d
Đoàn 6 Hải Quân	KX	P. Anh Dũng	Q. Dương Kinh	20° 49' 29"	106° 41' 59"					F-48-82-A-d
đường Kênh Hòa Bình	KX	P. Anh Dũng	Q. Dương Kinh			20° 47' 38"	106° 42' 49"	20° 47' 01"	106° 39' 56"	F-48-82-A-d
đường Mạc Đăng Doanh	KX	P. Anh Dũng	Q. Dương Kinh			20° 47' 31"	106° 39' 12"	20° 47' 58"	106° 42' 33"	F-48-82-A-d
đường Phạm Văn Đồng	KX	P. Anh Dũng	Q. Dương Kinh			20° 49' 42"	106° 41' 51"	20° 43' 32"	106° 46' 21"	F-48-82-A-d
Đường tỉnh 353	KX	P. Anh Dũng	Q. Dương Kinh			20° 49' 42"	106° 41' 51"	20° 40' 48"	106° 48' 08"	F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 355	KX	P. Anh Dũng	Q. Dương Kinh			20° 48' 15"	106° 37' 26"	20° 47' 58"	106° 42' 33"	F-48-82-A-d
Đường tỉnh 363	KX	P. Anh Dũng	Q. Dương Kinh			20° 47' 38"	106° 42' 49"	20° 42' 59"	106° 40' 06"	F-48-82-A-d
Học viện Kỹ thuật Hải Quân	KX	P. Anh Dũng	Q. Dương Kinh	20° 49' 16"	106° 41' 59"					F-48-82-A-d
nghĩa trang Ninh Hải	KX	P. Anh Dũng	Q. Dương Kinh	20° 48' 23"	106° 42' 10"					F-48-82-A-d
Trung tâm hành chính quận Dương Kinh	KX	P. Anh Dũng	Q. Dương Kinh	20° 47' 40"	106° 42' 16"					F-48-82-A-d
Trung tâm Hội chợ triển lãm Quốc tế	KX	P. Anh Dũng	Q. Dương Kinh	20° 47' 18"	106° 42' 55"					F-48-82-A-d
Trường Cao đẳng Nghề Bách Nghệ Hải Phòng	KX	P. Anh Dũng	Q. Dương Kinh	20° 49' 27"	106° 42' 03"					F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Anh Dũng	KX	P. Anh Dũng	Q. Dương Kinh	20° 48' 11"	106° 41' 49"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Anh Dũng	KX	P. Anh Dũng	Q. Dương Kinh	20° 48' 13"	106° 41' 46"					F-48-82-A-d
Trường Trung học phổ thông Mạc Đĩnh Chi	KX	P. Anh Dũng	Q. Dương Kinh	20° 47' 54"	106° 42' 27"					F-48-82-A-d
Viện Y học Hải Quân	KX	P. Anh Dũng	Q. Dương Kinh	20° 49' 25"	106° 41' 50"					F-48-82-A-d
Sông He	TV	P. Anh Dũng	Q. Dương Kinh			20° 47' 02"	106° 42' 35"	20° 46' 51"	106° 43' 26"	F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Lạch Tray	TV	P. Anh Dũng	Q. Dương Kinh			20° 51' 20"	106° 29' 02"	20° 46' 40"	106° 45' 41"	F-48-82-A-d
tổ dân phố Đông Lãm	DC	P. Đa Phúc	Q. Dương Kinh	20° 48' 29"	106° 39' 46"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Phúc Hải	DC	P. Đa Phúc	Q. Dương Kinh	20° 47' 39"	106° 39' 23"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Quảng Luận	DC	P. Đa Phúc	Q. Dương Kinh	20° 47' 59"	106° 39' 32"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Vân Quan	DC	P. Đa Phúc	Q. Dương Kinh	20° 48' 03"	106° 39' 12"					F-48-82-A-d
chợ Đa Phúc	KX	P. Đa Phúc	Q. Dương Kinh	20° 47' 27"	106° 39' 25"					F-48-82-A-d
chợ Đa Phúc (chợ chiều)	KX	P. Đa Phúc	Q. Dương Kinh	20° 47' 44"	106° 39' 16"					F-48-82-A-d
đình Vân Quan	KX	P. Đa Phúc	Q. Dương Kinh	20° 48' 02"	106° 39' 00"					F-48-82-A-d
đường Đa Phúc	KX	P. Đa Phúc	Q. Dương Kinh			20° 47' 31"	106° 39' 14"	20° 48' 59"	106° 39' 51"	F-48-82-A-d
đường Mạc Đăng Doanh	KX	P. Đa Phúc	Q. Dương Kinh			20° 47' 31"	106° 39' 12"	20° 47' 58"	106° 42' 33"	F-48-82-A-d
đường Nguyễn Như Quế	KX	P. Đa Phúc	Q. Dương Kinh			20° 48' 18"	106° 38' 55"	20° 48' 13"	106° 39' 32"	F-48-82-A-d
Đường tỉnh 355	KX	P. Đa Phúc	Q. Dương Kinh			20° 48' 15"	106° 37' 26"	20° 47' 58"	106° 42' 33"	F-48-82-A-d
Đường tỉnh 361	KX	P. Đa Phúc	Q. Dương Kinh			20° 47' 29"	106° 39' 24"	20° 43' 32"	106° 46' 21"	F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Đa Phúc	KX	P. Đa Phúc	Q. Dương Kinh	20° 48' 02"	106° 39' 24"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Đa Phúc	KX	P. Đa Phúc	Q. Dương Kinh	20° 48' 05"	106° 39' 25"					F-48-82-A-d
kênh trục chính Sông Đa Độ (sông Đa Độ)	TV	P. Đa Phúc	Q. Dương Kinh			20° 50' 24"	106° 29' 46"	20° 42' 00"	106° 40' 50"	F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Lạch Tray	TV	P. Đa Phúc	Q. Dương Kinh			20° 51' 20"	106° 29' 02"	20° 46' 40"	106° 45' 41"	F-48-82-A-d
tổ dân phố Thủy Giang	DC	P. Hải Thành	Q. Dương Kinh	20° 46' 25"	106° 44' 30"					F-48-82-A-d
chợ Hải Thành 1	KX	P. Hải Thành	Q. Dương Kinh	20° 46' 21"	106° 43' 56"					F-48-82-A-d
chợ Hải Thành 2	KX	P. Hải Thành	Q. Dương Kinh	20° 47' 48"	106° 42' 45"					F-48-82-A-d
Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	KX	P. Hải Thành	Q. Dương Kinh			20° 48' 32"	106° 30' 40"	20° 50' 38"	106° 44' 59"	F-48-82-A-d
đường Phạm Văn Đồng	KX	P. Hải Thành	Q. Dương Kinh			20° 49' 42"	106° 41' 51"	20° 43' 32"	106° 46' 21"	F-48-82-A-d
Đường tỉnh 353	KX	P. Hải Thành	Q. Dương Kinh			20° 49' 42"	106° 41' 51"	20° 40' 48"	106° 48' 08"	F-48-82-A-d
Khu liên hợp Thể thao Thành phố	KX	P. Hải Thành	Q. Dương Kinh	20° 47' 26"	106° 43' 06"					F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Hải Thành 1	KX	P. Hải Thành	Q. Dương Kinh	20° 46' 27"	106° 43' 55"					F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Hải Thành 2	KX	P. Hải Thành	Q. Dương Kinh	20° 47' 53"	106° 42' 42"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Hải Thành	KX	P. Hải Thành	Q. Dương Kinh	20° 46' 26"	106° 43' 56"					F-48-82-A-d
sông Lạch Tray	TV	P. Hải Thành	Q. Dương Kinh			20° 51' 20"	106° 29' 02"	20° 46' 40"	106° 45' 41"	F-48-82-A-d
khu dân cư Tĩnh Hải	DC	P. Hòa Nghĩa	Q. Dương Kinh	20° 45' 51"	106° 43' 11"					F-48-82-A-d
khu dân cư Tư Thủy	DC	P. Hòa Nghĩa	Q. Dương Kinh	20° 45' 33"	106° 42' 36"					F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố Số 1	DC	P. Hòa Nghĩa	Q. Dương Kinh	20° 46' 47"	106° 42' 55"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Số 4	DC	P. Hòa Nghĩa	Q. Dương Kinh	20° 46' 18"	106° 43' 02"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Số 11	DC	P. Hòa Nghĩa	Q. Dương Kinh	20° 45' 55"	106° 43' 59"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Số 12	DC	P. Hòa Nghĩa	Q. Dương Kinh	20° 45' 37"	106° 44' 09"					F-48-82-A-d
chợ Hòa Nghĩa	KX	P. Hòa Nghĩa	Q. Dương Kinh	20° 46' 17"	106° 43' 13"					F-48-82-A-d
chùa Đồn Riêng	KX	P. Hòa Nghĩa	Q. Dương Kinh	20° 46' 04"	106° 44' 04"					F-48-82-A-d
chùa Hợp Lễ	KX	P. Hòa Nghĩa	Q. Dương Kinh	20° 46' 19"	106° 42' 51"					F-48-82-A-d
đền Đồn Riêng	KX	P. Hòa Nghĩa	Q. Dương Kinh	20° 46' 04"	106° 44' 04"					F-48-82-A-d
đình An Lạc	KX	P. Hòa Nghĩa	Q. Dương Kinh	20° 45' 46"	106° 42' 24"					F-48-82-A-d
đình Hợp Lễ	KX	P. Hòa Nghĩa	Q. Dương Kinh	20° 46' 19"	106° 42' 51"					F-48-82-A-d
đình Trung Hoa	KX	P. Hòa Nghĩa	Q. Dương Kinh	20° 45' 57"	106° 43' 23"					F-48-82-A-d
Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	KX	P. Hòa Nghĩa	Q. Dương Kinh			20° 48' 32"	106° 30' 40"	20° 50' 38"	106° 44' 59"	F-48-82-A-d
Đường huyện 362	KX	P. Hòa Nghĩa	Q. Dương Kinh			20° 45' 53"	106° 44' 18"	20° 45' 11"	106° 40' 19"	F-48-82-A-d
đường Phạm Văn Đồng	KX	P. Hòa Nghĩa	Q. Dương Kinh			20° 49' 42"	106° 41' 51"	20° 43' 32"	106° 46' 21"	F-48-82-A-d
Đường tỉnh 353	KX	P. Hòa Nghĩa	Q. Dương Kinh			20° 49' 42"	106° 41' 51"	20° 40' 48"	106° 48' 08"	F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Hòa Nghĩa	KX	P. Hòa Nghĩa	Q. Dương Kinh	20° 46' 15"	106° 43' 02"					F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Trung học cơ sở Hòa Nghĩa	KX	P. Hòa Nghĩa	Q. Dương Kinh	20° 46' 13"	106° 42' 56"					F-48-82-A-d
kênh Cầu Đen (Sông Đào)	TV	P. Hòa Nghĩa	Q. Dương Kinh			20° 45' 42"	106° 40' 22"	20° 46' 16"	106° 43' 58"	F-48-82-A-d
kênh trục Sông Lai (Sông Lai)	TV	P. Hòa Nghĩa	Q. Dương Kinh			20° 46' 01"	106° 43' 29"	20° 44' 42"	106° 43' 40"	F-48-82-A-d
Sông He	TV	P. Hòa Nghĩa	Q. Dương Kinh			20° 47' 02"	106° 42' 35"	20° 46' 51"	106° 43' 26"	F-48-82-A-d
khu Phúc Lộc	DC	P. Hưng Đạo	Q. Dương Kinh	20° 48' 15"	106° 40' 30"					F-48-82-A-d
khu Phương Lung	DC	P. Hưng Đạo	Q. Dương Kinh	20° 47' 37"	106° 40' 39"					F-48-82-A-d
khu Tiểu Trà	DC	P. Hưng Đạo	Q. Dương Kinh	20° 48' 04"	106° 41' 02"					F-48-82-A-d
khu Vọng Hải	DC	P. Hưng Đạo	Q. Dương Kinh	20° 47' 23"	106° 40' 01"					F-48-82-A-d
Chợ Hương	KX	P. Hưng Đạo	Q. Dương Kinh	20° 47' 39"	106° 40' 31"					F-48-82-A-d
chùa Hương Hải Tự	KX	P. Hưng Đạo	Q. Dương Kinh	20° 48' 20"	106° 40' 24"					F-48-82-A-d
chùa Hương Linh	KX	P. Hưng Đạo	Q. Dương Kinh	20° 47' 37"	106° 40' 25"					F-48-82-A-d
chùa Khánh Long	KX	P. Hưng Đạo	Q. Dương Kinh	20° 48' 10"	106° 40' 56"					F-48-82-A-d
chùa Trà Linh	KX	P. Hưng Đạo	Q. Dương Kinh	20° 47' 12"	106° 39' 52"					F-48-82-A-d
Di tích Tội ác chiến tranh của Đế quốc Mỹ	KX	P. Hưng Đạo	Q. Dương Kinh	20° 47' 59"	106° 40' 30"					F-48-82-A-d
đình Phúc Lộc	KX	P. Hưng Đạo	Q. Dương Kinh	20° 48' 17"	106° 40' 24"					F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đình Phương Lung	KX	P. Hưng Đạo	Q. Dương Kinh	20° 47' 34"	106° 40' 25"					F-48-82-A-d
đình Tiểu Trà	KX	P. Hưng Đạo	Q. Dương Kinh	20° 48' 09"	106° 40' 53"					F-48-82-A-d
đình Vọng Hải	KX	P. Hưng Đạo	Q. Dương Kinh	20° 47' 31"	106° 39' 52"					F-48-82-A-d
đường Mạc Đăng Doanh	KX	P. Hưng Đạo	Q. Dương Kinh			20° 47' 31"	106° 39' 12"	20° 47' 58"	106° 42' 33"	F-48-82-A-d
Đường tỉnh 355	KX	P. Hưng Đạo	Q. Dương Kinh			20° 48' 15"	106° 37' 26"	20° 47' 58"	106° 42' 33"	F-48-82-A-d
Đường tỉnh 361	KX	P. Hưng Đạo	Q. Dương Kinh			20° 47' 29"	106° 39' 24"	20° 43' 32"	106° 46' 21"	F-48-82-A-d
Trung tâm y tế quận Dương Kinh	KX	P. Hưng Đạo	Q. Dương Kinh	20° 47' 41"	106° 40' 37"					F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Hưng Đạo	KX	P. Hưng Đạo	Q. Dương Kinh	20° 47' 47"	106° 40' 38"					F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Hưng Đạo (Cơ sở 1)	KX	P. Hưng Đạo	Q. Dương Kinh	20° 47' 31"	106° 40' 04"					F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Hưng Đạo (Cơ sở 2)	KX	P. Hưng Đạo	Q. Dương Kinh	20° 48' 09"	106° 41' 11"					F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Hưng Đạo (Cơ sở 3)	KX	P. Hưng Đạo	Q. Dương Kinh	20° 48' 05"	106° 40' 30"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Hưng Đạo	KX	P. Hưng Đạo	Q. Dương Kinh	20° 47' 46"	106° 40' 37"					F-48-82-A-d
kênh trục chính Sông Đa Độ (sông Đa Độ)	TV	P. Hưng Đạo	Q. Dương Kinh			20° 50' 24"	106° 29' 46"	20° 42' 00"	106° 40' 50"	F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Lạch Tray	TV	P. Hưng Đạo	Q. Dương Kinh			20° 51' 20"	106° 29' 02"	20° 46' 40"	106° 45' 41"	F-48-82-A-d
tổ dân phố Tân Hợp	DC	P. Tân Thành	Q. Dương Kinh	20° 45' 20"	106° 45' 13"					F-48-82-B-c
tổ dân phố Tân Lập	DC	P. Tân Thành	Q. Dương Kinh	20° 45' 49"	106° 44' 46"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Tân Tiến	DC	P. Tân Thành	Q. Dương Kinh	20° 45' 05"	106° 45' 05"					F-48-82-B-c
chợ Tân Thành	KX	P. Tân Thành	Q. Dương Kinh	20° 45' 14"	106° 45' 19"					F-48-82-B-c
đường Phạm Văn Đồng	KX	P. Tân Thành	Q. Dương Kinh			20° 49' 42"	106° 41' 51"	20° 43' 32"	106° 46' 21"	F-48-82-A-d, F-48-82-B-c, F-48-82-D-a
Đường tỉnh 353	KX	P. Tân Thành	Q. Dương Kinh			20° 49' 42"	106° 41' 51"	20° 40' 48"	106° 48' 08"	F-48-82-A-d, F-48-82-B-c, F-48-82-D-a
đường Vũ Thị Ngọc Toàn	KX	P. Tân Thành	Q. Dương Kinh			20° 46' 06"	106° 44' 29"	20° 44' 39"	106° 45' 49"	F-48-82-A-d, F-48-82-D-a
Khu công nghiệp Đồ Sơn	KX	P. Tân Thành	Q. Dương Kinh	20° 44' 26"	106° 45' 43"					F-48-82-D-a
phố Mạc Phúc Tư	KX	P. Tân Thành	Q. Dương Kinh			20° 45' 35"	106° 44' 33"	20° 46' 09"	106° 45' 21"	F-48-82-A-d, F-48-82-B-c
phố Tân Thành	KX	P. Tân Thành	Q. Dương Kinh			20° 45' 05"	106° 44' 59"	20° 45' 37"	106° 46' 00"	F-48-82-A-d, F-48-82-B-c
Trường Tiểu học Tân Thành	KX	P. Tân Thành	Q. Dương Kinh	20° 45' 10"	106° 45' 13"					F-48-82-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Trung học cơ sở Tân Thành	KX	P. Tân Thành	Q. Dương Kinh	20° 45' 09"	106° 45' 12"					F-48-82-B-c
sông Lạch Tray	TV	P. Tân Thành	Q. Dương Kinh			20° 51' 20"	106° 29' 02"	20° 46' 40"	106° 45' 41"	F-48-82-A-d, F-48-82-B-c
tổ dân phố Đồng Tiến	DC	P. Bàng La	Q. Đồ Sơn	20° 43' 00"	106° 45' 03"					F-48-82-C-b
tổ dân phố Trung Hải	DC	P. Bàng La	Q. Đồ Sơn	20° 42' 29"	106° 44' 16"					F-48-82-C-b
tổ dân phố Trung Hòa	DC	P. Bàng La	Q. Đồ Sơn	20° 42' 23"	106° 44' 14"					F-48-82-C-b
bảo tàng Hải Dương Học	KX	P. Bàng La	Q. Đồ Sơn	20° 42' 50"	106° 45' 25"					F-48-82-D-a
cầu Sông Họng	KX	P. Bàng La	Q. Đồ Sơn	20° 43' 15"	106° 45' 35"					F-48-82-D-a
chùa Quang Khánh	KX	P. Bàng La	Q. Đồ Sơn	20° 43' 02"	106° 45' 01"					F-48-82-D-a
chùa Thiên Phúc	KX	P. Bàng La	Q. Đồ Sơn	20° 42' 30"	106° 44' 12"					F-48-82-C-b
Đường tỉnh 361	KX	P. Bàng La	Q. Đồ Sơn			20° 47' 29"	106° 39' 24"	20° 43' 32"	106° 46' 21"	F-48-82-C-b, F-48-82-D-a
Trường Tiểu học Bàng La (khu vực A)	KX	P. Bàng La	Q. Đồ Sơn	20° 43' 05"	106° 45' 01"					F-48-82-D-a
Trường Tiểu học Bàng La (khu vực B)	KX	P. Bàng La	Q. Đồ Sơn	20° 42' 25"	106° 44' 06"					F-48-82-C-b
Trường Trung học cơ sở Bàng La	KX	P. Bàng La	Q. Đồ Sơn	20° 42' 41"	106° 44' 17"					F-48-82-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
từ đường họ Nguyễn Khắc	KX	P. Bàng La	Q. Đồ Sơn	20° 42' 42"	106° 44' 21"					F-48-82-C-b
từ đường họ Nguyễn Văn	KX	P. Bàng La	Q. Đồ Sơn	20° 42' 45"	106° 44' 20"					F-48-82-C-b
kênh trục Sông Họng (Sông Họng)	TV	P. Bàng La	Q. Đồ Sơn			20° 43' 28"	106° 44' 09"	20° 42' 58"	106° 45' 55"	F-48-82-C-b, F-48-82-D-a
tổ dân phố Bình Minh	DC	P. Hợp Đức	Q. Đồ Sơn	20° 44' 23"	106° 43' 50"					F-48-82-C-b
tổ dân phố Quý Kim 2	DC	P. Hợp Đức	Q. Đồ Sơn	20° 44' 59"	106° 44' 48"					F-48-82-C-b
tổ dân phố Quyết Tiến 2	DC	P. Hợp Đức	Q. Đồ Sơn	20° 45' 01"	106° 42' 58"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Trung Nghĩa 2	DC	P. Hợp Đức	Q. Đồ Sơn	20° 45' 19"	106° 44' 33"					F-48-82-A-d
chợ Quý Kim	KX	P. Hợp Đức	Q. Đồ Sơn	20° 45' 03"	106° 44' 57"					F-48-82-A-d
đình Đức Hậu	KX	P. Hợp Đức	Q. Đồ Sơn	20° 44' 20"	106° 43' 48"					F-48-82-C-b
đình Quý Kim	KX	P. Hợp Đức	Q. Đồ Sơn	20° 44' 58"	106° 44' 53"					F-48-82-C-b
đường Phạm Văn Đồng	KX	P. Hợp Đức	Q. Đồ Sơn			20° 49' 42"	106° 41' 51"	20° 43' 32"	106° 46' 21"	F-48-82-A-d F-48-82-C-b, F-48-82-D-a
Đường tỉnh 353	KX	P. Hợp Đức	Q. Đồ Sơn			20° 49' 42"	106° 41' 51"	20° 40' 48"	106° 48' 08"	F-48-82-A-d, F-48-82-B-c F-48-82-D-a
Trường Tiểu học Hợp Đức	KX	P. Hợp Đức	Q. Đồ Sơn	20° 44' 29"	106° 44' 04"					F-48-82-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Trung học cơ sở Hợp Đức	KX	P. Hợp Đức	Q. Đồ Sơn	20° 44' 33"	106° 44' 09"					F-48-82-C-b
kênh trục Sông Lai (Sông Lai)	TV	P. Hợp Đức	Q. Đồ Sơn			20° 46' 01"	106° 43' 29"	20° 44' 42"	106° 43' 40"	F-48-82-A-d, F-48-82-C-b
kênh trục Sông Sàng (Sông Sàng)	TV	P. Hợp Đức	Q. Đồ Sơn			20° 44' 42"	106° 43' 40"	20° 43' 28"	106° 44' 09"	F-48-82-C-b
tổ dân phố Nghĩa Phương	DC	P. Minh Đức	Q. Đồ Sơn	20° 44' 02"	106° 44' 56"					F-48-82-C-b
tổ dân phố Ngô Quyền	DC	P. Minh Đức	Q. Đồ Sơn	20° 44' 36"	106° 44' 30"					F-48-82-C-b
tổ dân phố Quang Trung	DC	P. Minh Đức	Q. Đồ Sơn	20° 44' 34"	106° 44' 54"					F-48-82-C-b
đền Thượng Đức	KX	P. Minh Đức	Q. Đồ Sơn	20° 44' 35"	106° 44' 42"					F-48-82-C-b
Đường huyện 403	KX	P. Minh Đức	Q. Đồ Sơn			20° 41' 31"	106° 39' 21"	20° 43' 57"	106° 45' 30"	F-48-82-C-b, F-48-82-D-a
đường Phạm Văn Đồng	KX	P. Minh Đức	Q. Đồ Sơn			20° 49' 42"	106° 41' 51"	20° 43' 32"	106° 46' 21"	F-48-82-D-a
Đường tỉnh 353	KX	P. Minh Đức	Q. Đồ Sơn			20° 49' 42"	106° 41' 51"	20° 40' 48"	106° 48' 08"	F-48-82-D-a
kênh trục Sông Họng (Sông Họng)	TV	P. Minh Đức	Q. Đồ Sơn			20° 43' 28"	106° 44' 09"	20° 42' 58"	106° 45' 55"	F-48-82-C-b, F-48-82-D-a
kênh trục Sông Sàng (Sông Sàng)	TV	P. Minh Đức	Q. Đồ Sơn			20° 44' 42"	106° 43' 40"	20° 43' 28"	106° 44' 09"	F-48-82-C-b
sông Cánh Dán	TV	P. Minh Đức	Q. Đồ Sơn			20° 43' 45"	106° 44' 28"	20° 43' 30"	106° 44' 35"	F-48-82-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cảng cá Ngọc Hải	KX	P. Ngọc Hải	Q. Đồ Sơn	20° 43' 15"	106° 47' 35"					F-48-82-D-a
đền Bà Đế	KX	P. Ngọc Hải	Q. Đồ Sơn	20° 43' 25"	106° 47' 56"					F-48-82-D-a
đình Ngọc Hán	KX	P. Ngọc Hải	Q. Đồ Sơn	20° 42' 58"	106° 47' 13"					F-48-82-D-a
đường Bà Đế	KX	P. Ngọc Hải	Q. Đồ Sơn			20° 43' 11"	106° 47' 25"	20° 43' 25"	106° 47' 57"	F-48-82-D-a
đường Lý Thánh Tông	KX	P. Ngọc Hải	Q. Đồ Sơn			20° 42' 36"	106° 47' 30"	20° 43' 22"	106° 46' 52"	F-48-82-D-a
đường Nguyễn Hữu Cầu	KX	P. Ngọc Hải	Q. Đồ Sơn			20° 43' 32"	106° 46' 21"	20° 42' 41"	106° 47' 21"	F-48-82-D-a
đường Sơn Hải	KX	P. Ngọc Hải	Q. Đồ Sơn			20° 42' 49"	106° 47' 09"	20° 43' 14"	106° 47' 19"	F-48-82-D-a
Đường tỉnh 353	KX	P. Ngọc Hải	Q. Đồ Sơn			20° 49' 42"	106° 41' 51"	20° 40' 48"	106° 48' 08"	F-48-82-D-a
Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên quận Đồ Sơn	KX	P. Ngọc Hải	Q. Đồ Sơn	20° 43' 04"	106° 46' 55"					F-48-82-D-a
Trường Tiểu học Ngọc Hải	KX	P. Ngọc Hải	Q. Đồ Sơn	20° 43' 07"	106° 47' 07"					F-48-82-D-a
Trường Trung học cơ sở Ngọc Hải	KX	P. Ngọc Hải	Q. Đồ Sơn	20° 43' 03"	106° 47' 04"					F-48-82-D-a
Đồi Độc	SV	P. Ngọc Hải	Q. Đồ Sơn	20° 43' 19"	106° 47' 51"					F-48-82-D-a
Tổ 1B	DC	P. Ngọc Xuyên	Q. Đồ Sơn	20° 43' 16"	106° 46' 44"					F-48-82-D-a
tổ dân phố Số 3	DC	P. Ngọc Xuyên	Q. Đồ Sơn	20° 43' 00"	106° 46' 46"					F-48-82-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố Số 5	DC	P. Ngọc Xuyên	Q. Đồ Sơn	20° 42' 51"	106° 46' 23"					F-48-82-D-a
tổ dân phố Số 6	DC	P. Ngọc Xuyên	Q. Đồ Sơn	20° 43' 05"	106° 46' 23"					F-48-82-D-a
tổ dân phố Số 8	DC	P. Ngọc Xuyên	Q. Đồ Sơn	20° 43' 32"	106° 46' 16"					F-48-82-D-a
tổ dân phố Số 9	DC	P. Ngọc Xuyên	Q. Đồ Sơn	20° 43' 25"	106° 46' 26"					F-48-82-D-a
Bệnh viện Đa khoa Đồ Sơn	KX	P. Ngọc Xuyên	Q. Đồ Sơn	20° 43' 10"	106° 46' 51"					F-48-82-D-a
cầu Sông Họng	KX	P. Ngọc Xuyên	Q. Đồ Sơn	20° 43' 15"	106° 45' 35"					F-48-82-D-a
đình Ngọc Xuyên	KX	P. Ngọc Xuyên	Q. Đồ Sơn	20° 42' 50"	106° 46' 28"					F-48-82-D-a
đường Lý Thánh Tông	KX	P. Ngọc Xuyên	Q. Đồ Sơn			20° 42' 36"	106° 47' 30"	20° 43' 22"	106° 46' 52"	F-48-82-D-a
đường Nguyễn Hữu Cầu	KX	P. Ngọc Xuyên	Q. Đồ Sơn			20° 43' 32"	106° 46' 21"	20° 42' 41"	106° 47' 21"	F-48-82-D-a
đường Phạm Ngọc	KX	P. Ngọc Xuyên	Q. Đồ Sơn			20° 43' 30"	106° 46' 22"	20° 43' 08"	106° 46' 11"	F-48-82-D-a
đường Phạm Văn Đồng	KX	P. Ngọc Xuyên	Q. Đồ Sơn			20° 49' 42"	106° 41' 51"	20° 43' 32"	106° 46' 21"	F-48-82-D-a
đường Suối Rồng	KX	P. Ngọc Xuyên	Q. Đồ Sơn			20° 42' 57"	106° 46' 52"	20° 43' 08"	106° 46' 11"	F-48-82-D-a
đường Thanh Niên	KX	P. Ngọc Xuyên	Q. Đồ Sơn			20° 42' 56"	106° 46' 43"	20° 43' 04"	106° 46' 23"	F-48-82-D-a
Đường tỉnh 353	KX	P. Ngọc Xuyên	Q. Đồ Sơn			20° 49' 42"	106° 41' 51"	20° 40' 48"	106° 48' 08"	F-48-82-D-a
Đường tỉnh 361	KX	P. Ngọc Xuyên	Q. Đồ Sơn			20° 47' 29"	106° 39' 24"	20° 43' 32"	106° 46' 21"	F-48-82-D-a
Khu công nghiệp Đồ Sơn	KX	P. Ngọc Xuyên	Q. Đồ Sơn	20° 44' 26"	106° 45' 43"					F-48-82-D-a
phế tích tháp Tường Long	KX	P. Ngọc Xuyên	Q. Đồ Sơn	20° 42' 54"	106° 46' 06"					F-48-82-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Tiểu học Ngọc Xuyên	KX	P. Ngọc Xuyên	Q. Đồ Sơn	20° 42' 60"	106° 46' 39"					F-48-82-D-a
Trường Trung học phổ thông Đồ Sơn	KX	P. Ngọc Xuyên	Q. Đồ Sơn	20° 43' 04"	106° 46' 48"					F-48-82-D-a
núi Chòi Mòng	SV	P. Ngọc Xuyên	Q. Đồ Sơn	20° 42' 27"	106° 46' 40"					F-48-82-D-a
núi Mẫu Sơn	SV	P. Ngọc Xuyên	Q. Đồ Sơn	20° 42' 56"	106° 46' 06"					F-48-82-D-a
kênh trục Sông Họng (Sông Họng)	TV	P. Ngọc Xuyên	Q. Đồ Sơn			20° 43' 28"	106° 44' 09"	20° 42' 58"	106° 45' 55"	F-48-82-D-a
tổ dân phố Số 1	DC	P. Vạn Hương	Q. Đồ Sơn	20° 43' 16"	106° 46' 16"					F-48-82-D-a
tổ dân phố Số 2	DC	P. Vạn Hương	Q. Đồ Sơn	20° 43' 07"	106° 46' 04"					F-48-82-D-a
tổ dân phố Số 3	DC	P. Vạn Hương	Q. Đồ Sơn	20° 43' 01"	106° 45' 56"					F-48-82-D-a
tổ dân phố Số 4	DC	P. Vạn Hương	Q. Đồ Sơn	20° 42' 51"	106° 46' 00"					F-48-82-D-a
tổ dân phố Số 5	DC	P. Vạn Hương	Q. Đồ Sơn	20° 42' 47"	106° 46' 02"					F-48-82-D-a
tổ dân phố Số 6	DC	P. Vạn Hương	Q. Đồ Sơn	20° 42' 55"	106° 45' 58"					F-48-82-D-a
tổ dân phố Số 7	DC	P. Vạn Hương	Q. Đồ Sơn	20° 42' 40"	106° 46' 05"					F-48-82-D-a
tổ dân phố Số 8	DC	P. Vạn Hương	Q. Đồ Sơn	20° 41' 48"	106° 47' 27"					F-48-82-D-a
Bến Nghiêng	KX	P. Vạn Hương	Q. Đồ Sơn	20° 41' 04"	106° 47' 56"					F-48-82-D-a
bến Tầu không số K15	KX	P. Vạn Hương	Q. Đồ Sơn	20° 40' 45"	106° 47' 54"					F-48-82-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Công ty trách nhiệm hữu hạn Liên doanh Du lịch Quốc tế Hải Phòng	KX	P. Vạn Hương	Q. Đồ Sơn	20° 40' 36"	106° 48' 09"					F-48-82-D-a
Đền Nghè	KX	P. Vạn Hương	Q. Đồ Sơn	20° 43' 03"	106° 45' 59"					F-48-82-D-a
đền Vạn Chài	KX	P. Vạn Hương	Q. Đồ Sơn	20° 41' 51"	106° 47' 40"					F-48-82-D-a
đường Lý Thái Tổ	KX	P. Vạn Hương	Q. Đồ Sơn			20° 42' 36"	106° 47' 30"	20° 41' 46"	106° 47' 29"	F-48-82-D-a
đường Phạm Ngọc	KX	P. Vạn Hương	Q. Đồ Sơn			20° 43' 30"	106° 46' 22"	20° 43' 08"	106° 46' 11"	F-48-82-D-a
đường Suối Rồng	KX	P. Vạn Hương	Q. Đồ Sơn			20° 42' 57"	106° 46' 52"	20° 43' 08"	106° 46' 11"	F-48-82-D-a
Đường tỉnh 353	KX	P. Vạn Hương	Q. Đồ Sơn			20° 49' 42"	106° 41' 51"	20° 40' 48"	106° 48' 08"	F-48-82-D-a
đường Vạn Hoa	KX	P. Vạn Hương	Q. Đồ Sơn			20° 41' 46"	106° 47' 29"	20° 40' 43"	106° 48' 10"	F-48-82-D-a
đường Vạn Hương	KX	P. Vạn Hương	Q. Đồ Sơn			20° 41' 50"	106° 47' 30"	20° 41' 05"	106° 47' 39"	F-48-82-D-a
đường Vạn Lê	KX	P. Vạn Hương	Q. Đồ Sơn			20° 42' 59"	106° 45' 56"	20° 42' 10"	106° 47' 04"	F-48-82-D-a
đường Yết Kiêu	KX	P. Vạn Hương	Q. Đồ Sơn			20° 42' 35"	106° 47' 32"	20° 41' 46"	106° 47' 29"	F-48-82-D-a
Trường Tiểu học Vạn Hương	KX	P. Vạn Hương	Q. Đồ Sơn	20° 43' 15"	106° 46' 20"					F-48-82-D-a
Trường Trung học cơ sở Vạn Hương	KX	P. Vạn Hương	Q. Đồ Sơn	20° 43' 20"	106° 46' 17"					F-48-82-D-a
Viện Điều dưỡng và Phục hồi chức năng Hải Phòng	KX	P. Vạn Hương	Q. Đồ Sơn	20° 42' 06"	106° 47' 09"					F-48-82-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đồi 46	SV	P. Vạn Hương	Q. Đồ Sơn	20° 41' 40"	106° 47' 39"					F-48-82-D-a
núi Ba Đì	SV	P. Vạn Hương	Q. Đồ Sơn	20° 42' 01"	106° 47' 15"					F-48-82-D-a
núi Chòi Mòng	SV	P. Vạn Hương	Q. Đồ Sơn	20° 42' 27"	106° 46' 40"					F-48-82-D-a
núi Đầu Chòi	SV	P. Vạn Hương	Q. Đồ Sơn	20° 40' 38"	106° 48' 14"					F-48-82-D-a
núi Đầu Nở	SV	P. Vạn Hương	Q. Đồ Sơn	20° 40' 59"	106° 48' 00"					F-48-82-D-a
núi Đồ Sơn	SV	P. Vạn Hương	Q. Đồ Sơn	20° 42' 24"	106° 47' 07"					F-48-82-D-a
núi Mái Nhà	SV	P. Vạn Hương	Q. Đồ Sơn	20° 41' 01"	106° 47' 43"					F-48-82-D-a
núi Mẫu Sơn	SV	P. Vạn Hương	Q. Đồ Sơn	20° 42' 56"	106° 46' 06"					F-48-82-D-a
kênh trục Sông Họng (Sông Họng)	TV	P. Vạn Hương	Q. Đồ Sơn			20° 43' 28"	106° 44' 09"	20° 42' 58"	106° 45' 55"	F-48-82-D-a
tổ dân phố Chẽ	DC	P. Vạn Sơn	Q. Đồ Sơn	20° 42' 37"	106° 46' 59"					F-48-82-D-a
tổ dân phố Đại Đồng	DC	P. Vạn Sơn	Q. Đồ Sơn	20° 42' 41"	106° 47' 29"					F-48-82-D-a
tổ dân phố Hang Dơi	DC	P. Vạn Sơn	Q. Đồ Sơn	20° 42' 40"	106° 47' 10"					F-48-82-D-a
Bưu điện Đồ Sơn	KX	P. Vạn Sơn	Q. Đồ Sơn	20° 42' 46"	106° 47' 08"					F-48-82-D-a
chợ Cầu Vồng	KX	P. Vạn Sơn	Q. Đồ Sơn	20° 42' 47"	106° 47' 05"					F-48-82-D-a
Chùa Hang	KX	P. Vạn Sơn	Q. Đồ Sơn	20° 42' 31"	106° 47' 27"					F-48-82-D-a
Đền Trần	KX	P. Vạn Sơn	Q. Đồ Sơn	20° 42' 35"	106° 46' 59"					F-48-82-D-a
đường Lý Thái Tổ	KX	P. Vạn Sơn	Q. Đồ Sơn			20° 42' 36"	106° 47' 30"	20° 41' 46"	106° 47' 29"	F-48-82-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường Lý Thánh Tông	KX	P. Vạn Sơn	Q. Đồ Sơn			20° 42' 36"	106° 47' 30"	20° 43' 22"	106° 46' 52"	F-48-82-D-a
đường Nguyễn Hữu Cầu	KX	P. Vạn Sơn	Q. Đồ Sơn			20° 43' 32"	106° 46' 21"	20° 42' 41"	106° 47' 21"	F-48-82-D-a
đường Sơn Hải	KX	P. Vạn Sơn	Q. Đồ Sơn			20° 42' 49"	106° 47' 09"	20° 43' 14"	106° 47' 19"	F-48-82-D-a
đường Suối Rồng	KX	P. Vạn Sơn	Q. Đồ Sơn			20° 42' 57"	106° 46' 52"	20° 43' 08"	106° 46' 11"	F-48-82-D-a
Đường tỉnh 353	KX	P. Vạn Sơn	Q. Đồ Sơn			20° 49' 42"	106° 41' 51"	20° 40' 48"	106° 48' 08"	F-48-82-D-a
đường Yết Kiêu	KX	P. Vạn Sơn	Q. Đồ Sơn			20° 42' 35"	106° 47' 32"	20° 41' 46"	106° 47' 29"	F-48-82-D-a
khách sạn Điện Lực	KX	P. Vạn Sơn	Q. Đồ Sơn	20° 42' 47"	106° 47' 29"					F-48-82-D-a
kho xăng Đồ Sơn	KX	P. Vạn Sơn	Q. Đồ Sơn	20° 42' 33"	106° 47' 29"					F-48-82-D-a
Trường Tiểu học Ngọc Xuyên	KX	P. Vạn Sơn	Q. Đồ Sơn	20° 42' 57"	106° 46' 57"					F-48-82-D-a
Trường Tiểu học Vạn Sơn	KX	P. Vạn Sơn	Q. Đồ Sơn	20° 42' 37"	106° 47' 25"					F-48-82-D-a
Trường Trung học cơ sở Yết Kiêu	KX	P. Vạn Sơn	Q. Đồ Sơn	20° 42' 56"	106° 47' 01"					F-48-82-D-a
Trường Trung học phổ thông Nội trú Đồ Sơn	KX	P. Vạn Sơn	Q. Đồ Sơn	20° 42' 40"	106° 47' 29"					F-48-82-D-a
núi Chòi Mòng	SV	P. Vạn Sơn	Q. Đồ Sơn	20° 42' 27"	106° 46' 40"					F-48-82-D-a
núi Đồ Sơn	SV	P. Vạn Sơn	Q. Đồ Sơn	20° 42' 24"	106° 47' 07"					F-48-82-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Cầu Rào	KX	P. Cát Bi	Q. Hải An	20° 49' 44"	106° 41' 51"					F-48-82-A-d
đường Cát Bi	KX	P. Cát Bi	Q. Hải An			20° 49' 49"	106° 41' 53"	20° 49' 27"	106° 42' 47"	F-48-82-A-d
đường Đồng Xá	KX	P. Cát Bi	Q. Hải An			20° 49' 36"	106° 42' 26"	20° 48' 22"	106° 43' 08"	F-48-82-A-d
đường Ngô Gia Tự	KX	P. Cát Bi	Q. Hải An			20° 49' 51"	106° 41' 51"	20° 49' 22"	106° 44' 46"	F-48-82-A-d
đường Nguyễn Văn Hới	KX	P. Cát Bi	Q. Hải An			20° 49' 48"	106° 42' 32"	20° 49' 27"	106° 42' 47"	F-48-82-A-d
đường Trần Văn Lan	KX	P. Cát Bi	Q. Hải An			20° 49' 48"	106° 42' 30"	20° 49' 39"	106° 42' 17"	F-48-82-A-d
phố Lạch Tray	KX	P. Cát Bi	Q. Hải An			20° 51' 11"	106° 41' 03"	20° 49' 51"	106° 41' 51"	F-48-82-A-d
Trường Cao đẳng Công nghệ Viettronics	KX	P. Cát Bi	Q. Hải An	20° 49' 41"	106° 42' 07"					F-48-82-A-d
Trường Khiếm thính Hải Phòng	KX	P. Cát Bi	Q. Hải An	20° 49' 46"	106° 42' 08"					F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Cát Bi	KX	P. Cát Bi	Q. Hải An	20° 49' 35"	106° 42' 30"					F-48-82-A-d
Trường Trung cấp Văn Hóa nghệ thuật và du lịch Hải Phòng	KX	P. Cát Bi	Q. Hải An	20° 49' 45"	106° 42' 13"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Lê Lợi	KX	P. Cát Bi	Q. Hải An	20° 49' 36"	106° 42' 28"					F-48-82-A-d
Trường Trung học phổ thông Lê Quý Đôn	KX	P. Cát Bi	Q. Hải An	20° 49' 37"	106° 42' 18"					F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Lạch Tray	TV	P. Cát Bi	Q. Hải An			20° 51' 20"	106° 29' 02"	20° 46' 40"	106° 45' 41"	F-48-82-A-d
chợ Hạ Lũng	KX	P. Đằng Hải	Q. Hải An	20° 50' 37"	106° 42' 50"					F-48-82-A-d
đình Hạ Lũng	KX	P. Đằng Hải	Q. Hải An	20° 50' 25"	106° 42' 55"					F-48-82-A-d
đình Lũng Bắc	KX	P. Đằng Hải	Q. Hải An	20° 50' 37"	106° 42' 52"					F-48-82-A-d
đường Chợ Lũng	KX	P. Đằng Hải	Q. Hải An			20° 50' 51"	106° 42' 51"	20° 50' 22"	106° 42' 45"	F-48-82-A-d
đường Hàng Tổng	KX	P. Đằng Hải	Q. Hải An			20° 50' 27"	106° 43' 24"	20° 50' 27"	106° 44' 10"	F-48-82-A-d
đường Lê Hồng Phong	KX	P. Đằng Hải	Q. Hải An			20° 51' 45"	106° 41' 38"	20° 49' 30"	106° 43' 31"	F-48-82-A-d
đường Ngô Gia Tự	KX	P. Đằng Hải	Q. Hải An			20° 49' 51"	106° 41' 51"	20° 49' 22"	106° 44' 46"	F-48-82-A-d
đường Nguyễn Bỉnh Khiêm	KX	P. Đằng Hải	Q. Hải An			20° 50' 30"	106° 41' 32"	20° 51' 24"	106° 43' 41"	F-48-82-A-d
miếu Hạ Lũng	KX	P. Đằng Hải	Q. Hải An	20° 50' 16"	106° 42' 52"					F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Đằng Hải	KX	P. Đằng Hải	Q. Hải An	20° 50' 08"	106° 43' 23"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Đằng Hải	KX	P. Đằng Hải	Q. Hải An	20° 50' 24"	106° 42' 57"					F-48-82-A-d
tổ dân phố An Khê 1	DC	P. Đằng Lâm	Q. Hải An	20° 49' 58"	106° 42' 01"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Kiều Sơn	DC	P. Đằng Lâm	Q. Hải An	20° 50' 29"	106° 42' 19"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Thư Trung 1	DC	P. Đằng Lâm	Q. Hải An	20° 49' 59"	106° 42' 18"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Trung Hành 6	DC	P. Đằng Lâm	Q. Hải An	20° 50' 08"	106° 42' 49"					F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố Trung Hành 7	DC	P. Đằng Lâm	Q. Hải An	20° 50' 00"	106° 42' 58"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Trung Thành 5	DC	P. Đằng Lâm	Q. Hải An	20° 50' 05"	106° 42' 36"					F-48-82-A-d
cầu vượt Nguyễn Bỉnh Khiêm	KX	P. Đằng Lâm	Q. Hải An	20° 50' 42"	106° 42' 27"					F-48-82-A-d
chợ Đằng Lâm	KX	P. Đằng Lâm	Q. Hải An	20° 49' 52"	106° 42' 33"					F-48-82-A-d
chùa Trung Hành	KX	P. Đằng Lâm	Q. Hải An	20° 50' 15"	106° 42' 47"					F-48-82-A-d
đình Lực Hành	KX	P. Đằng Lâm	Q. Hải An	20° 49' 54"	106° 42' 25"					F-48-82-A-d
đường Lê Hồng Phong	KX	P. Đằng Lâm	Q. Hải An			20° 51' 45"	106° 41' 38"	20° 49' 30"	106° 43' 31"	F-48-82-A-d
đường Ngô Gia Tự	KX	P. Đằng Lâm	Q. Hải An			20° 49' 51"	106° 41' 51"	20° 49' 22"	106° 44' 46"	F-48-82-A-d
đường Nguyễn Bỉnh Khiêm	KX	P. Đằng Lâm	Q. Hải An			20° 50' 30"	106° 41' 32"	20° 51' 24"	106° 43' 41"	F-48-82-A-d
đường Trung Hành	KX	P. Đằng Lâm	Q. Hải An			20° 50' 20"	106° 42' 47"	20° 49' 48"	106° 42' 37"	F-48-82-A-d
miếu Trung Hành	KX	P. Đằng Lâm	Q. Hải An	20° 50' 18"	106° 42' 47"					F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Đằng Lâm	KX	P. Đằng Lâm	Q. Hải An	20° 50' 02"	106° 42' 28"					F-48-82-A-d
Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hải Phòng	KX	P. Đằng Lâm	Q. Hải An	20° 49' 53"	106° 42' 37"					F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Trung học cơ sở Đằng Lâm	KX	P. Đằng Lâm	Q. Hải An	20° 49' 57"	106° 42' 33"					F-48-82-A-d
Trường Trung học phổ thông Hải An	KX	P. Đằng Lâm	Q. Hải An	20° 50' 19"	106° 42' 29"					F-48-82-A-d
Trường Trung học phổ thông Phan Chu Trinh	KX	P. Đằng Lâm	Q. Hải An	20° 49' 54"	106° 42' 35"					F-48-82-A-d
từ đường họ Bùi	KX	P. Đằng Lâm	Q. Hải An	20° 50' 12"	106° 42' 51"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Đoạn Xá 1	DC	P. Đông Hải 1	Q. Hải An	20° 51' 35"	106° 42' 53"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Phương Lưu 1	DC	P. Đông Hải 1	Q. Hải An	20° 51' 05"	106° 42' 57"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Phương Lưu 2	DC	P. Đông Hải 1	Q. Hải An	20° 51' 11"	106° 42' 43"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Thượng Đoạn 2	DC	P. Đông Hải 1	Q. Hải An	20° 51' 27"	106° 43' 15"					F-48-82-A-d
cảng Chùa Vẽ	KX	P. Đông Hải 1	Q. Hải An	20° 51' 39"	106° 43' 33"					F-48-82-A-d
cảng Đoạn Xá	KX	P. Đông Hải 1	Q. Hải An	20° 51' 48"	106° 43' 29"					F-48-82-A-d
chợ Đông Hải	KX	P. Đông Hải 1	Q. Hải An	20° 51' 14"	106° 42' 57"					F-48-82-A-d
Chùa Vẽ	KX	P. Đông Hải 1	Q. Hải An	20° 51' 47"	106° 43' 04"					F-48-82-A-d
Đàn Thiện	KX	P. Đông Hải 1	Q. Hải An	20° 51' 00"	106° 42' 53"					F-48-82-A-d
đền Phú Xá	KX	P. Đông Hải 1	Q. Hải An	20° 51' 10"	106° 43' 16"					F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đình Phương Lưu	KX	P. Đông Hải 1	Q. Hải An	20° 51' 02"	106° 43' 00"					F-48-82-A-d
đường Bùi Thị Từ Nhiên	KX	P. Đông Hải 1	Q. Hải An			20° 51' 37"	106° 43' 26"	20° 51' 12"	106° 42' 47"	F-48-82-A-d
đường Chùa Vẽ	KX	P. Đông Hải 1	Q. Hải An			20° 51' 43"	106° 43' 14"	20° 51' 24"	106° 43' 41"	F-48-82-A-d
đường Đà Nẵng	KX	P. Đông Hải 1	Q. Hải An			20° 51' 45"	106° 41' 25"	20° 51' 43"	106° 43' 14"	F-48-82-A-d
đường Đoạn Xá	KX	P. Đông Hải 1	Q. Hải An			20° 51' 56"	106° 42' 47"	20° 51' 44"	106° 42' 47"	F-48-82-A-d
đường Lê Hồng Phong	KX	P. Đông Hải 1	Q. Hải An			20° 51' 45"	106° 41' 38"	20° 49' 30"	106° 43' 31"	F-48-82-A-d
đường Lê Thánh Tông	KX	P. Đông Hải 1	Q. Hải An			20° 52' 00"	106° 41' 14"	20° 51' 43"	106° 43' 14"	F-48-82-A-d
đường Nguyễn Bỉnh Khiêm	KX	P. Đông Hải 1	Q. Hải An			20° 50' 30"	106° 41' 32"	20° 51' 24"	106° 43' 41"	F-48-82-A-d
đường Phủ Thượng Đoạn	KX	P. Đông Hải 1	Q. Hải An			20° 51' 44"	106° 42' 47"	20° 51' 00"	106° 43' 05"	F-48-82-A-d
đường Phương Lưu	KX	P. Đông Hải 1	Q. Hải An			20° 51' 27"	106° 42' 35"	20° 50' 53"	106° 42' 54"	F-48-82-A-d
miếu Phương Lưu	KX	P. Đông Hải 1	Q. Hải An	20° 51' 14"	106° 42' 51"					F-48-82-A-d
miếu Thượng Đoạn Xá	KX	P. Đông Hải 1	Q. Hải An	20° 51' 18"	106° 42' 54"					F-48-82-A-d
phủ Thượng Đoạn	KX	P. Đông Hải 1	Q. Hải An	20° 51' 25"	106° 42' 54"					F-48-82-A-d
Trường Cao đẳng Hàng Hải	KX	P. Đông Hải 1	Q. Hải An	20° 51' 40"	106° 43' 11"					F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Đông Hải 1	KX	P. Đông Hải 1	Q. Hải An	20° 51' 12"	106° 42' 52"					F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Trung học cơ sở Đông Hải	KX	P. Đông Hải 1	Q. Hải An	20° 51' 09"	106° 43' 01"					F-48-82-A-d
từ đường họ Trịnh	KX	P. Đông Hải 1	Q. Hải An	20° 51' 04"	106° 42' 46"					F-48-82-A-d
sông Bạch Đằng	TV	P. Đông Hải 1	Q. Hải An			20° 59' 34"	106° 45' 14"	20° 50' 01"	106° 48' 06"	F-48-82-A-b, F-48-82-B-a, F-48-82-B-c
Sông Cấm	TV	P. Đông Hải 1	Q. Hải An			20° 56' 52"	106° 35' 22"	20° 50' 58"	106° 45' 33"	F-48-82-A-d, F-48-82-B-c
sông Ruột Lợn	TV	P. Đông Hải 1	Q. Hải An			20° 52' 50"	106° 42' 13"	20° 52' 48"	106° 44' 54"	F-48-82-A-b
tổ dân phố Hạ Đoạn 2	DC	P. Đông Hải 2	Q. Hải An	20° 50' 60"	106° 44' 03"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Hạ Đoạn 4	DC	P. Đông Hải 2	Q. Hải An	20° 50' 30"	106° 44' 09"					F-48-82-A-d
Cảng 128	KX	P. Đông Hải 2	Q. Hải An	20° 51' 24"	106° 44' 11"					F-48-82-A-d
cảng Đình Vũ	KX	P. Đông Hải 2	Q. Hải An	20° 50' 28"	106° 46' 00"					F-48-82-B-c
cầu Tân Vũ - Lạch Huyện	KX	P. Đông Hải 2	Q. Hải An	20° 48' 28"	106° 49' 05"					F-48-82-B-c
chùa Hạ Đoạn	KX	P. Đông Hải 2	Q. Hải An	20° 50' 33"	106° 43' 56"					F-48-82-A-d
Công ty cổ phần Việt - Pháp Sản xuất thức ăn gia súc PROCONCO	KX	P. Đông Hải 2	Q. Hải An	20° 50' 40"	106° 45' 49"					F-48-82-B-c
Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	KX	P. Đông Hải 2	Q. Hải An			20° 48' 32"	106° 30' 40"	20° 50' 38"	106° 44' 59"	F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường Hạ Đoạn	KX	P. Đông Hải 2	Q. Hải An			20° 51' 02"	106° 44' 06"	20° 50' 42"	106° 43' 37"	F-48-82-A-d
đường Hàng Tổng	KX	P. Đông Hải 2	Q. Hải An			20° 50' 27"	106° 43' 24"	20° 50' 27"	106° 44' 10"	F-48-82-A-d
đường Kiều Hạ	KX	P. Đông Hải 2	Q. Hải An			20° 51' 11"	106° 43' 56"	20° 50' 48"	106° 43' 16"	F-48-82-A-d
đường Nguyễn Bỉnh Khiêm	KX	P. Đông Hải 2	Q. Hải An			20° 50' 30"	106° 41' 32"	20° 51' 24"	106° 43' 41"	F-48-82-A-d
Đường tỉnh 356	KX	P. Đông Hải 2	Q. Hải An			20° 51' 24"	106° 43' 41"	20° 49' 01"	106° 48' 45"	F-48-82-A-d, F-48-82-B-c
miếu Ngô Quyền	KX	P. Đông Hải 2	Q. Hải An	20° 50' 33"	106° 43' 54"					F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Đông Hải 2	KX	P. Đông Hải 2	Q. Hải An	20° 50' 43"	106° 43' 38"					F-48-82-A-d
từ đường họ Ngô	KX	P. Đông Hải 2	Q. Hải An	20° 50' 35"	106° 44' 01"					F-48-82-A-d
cửa Nam Triệu	TV	P. Đông Hải 2	Q. Hải An	20° 49' 51"	106° 48' 05"					F-48-82-A-d
đảo Đình Vũ	TV	P. Đông Hải 2	Q. Hải An	20° 50' 32"	106° 45' 44"					F-48-82-A-d
sông Bạch Đằng	TV	P. Đông Hải 2	Q. Hải An			20° 59' 34"	106° 45' 14"	20° 50' 01"	106° 48' 06"	F-48-82-B-c
Sông Cấm	TV	P. Đông Hải 2	Q. Hải An			20° 56' 52"	106° 35' 22"	20° 50' 58"	106° 45' 33"	F-48-82-A-d, F-48-82-B-c
Sông Cấm (nhánh 2)	TV	P. Đông Hải 2	Q. Hải An			20° 50' 24"	106° 45' 06"	20° 47' 52"	106° 46' 26"	F-48-82-B-c
tổ dân phố Số 5	DC	P. Nam Hải	Q. Hải An	20° 49' 44"	106° 44' 10"					F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố Số 14	DC	P. Nam Hải	Q. Hải An	20° 49' 33"	106° 44' 14"					F-48-82-A-d
chợ Nam Hải	KX	P. Nam Hải	Q. Hải An	20° 49' 29"	106° 44' 15"					F-48-82-A-d
chùa Xâm Bồ	KX	P. Nam Hải	Q. Hải An	20° 50' 08"	106° 44' 10"					F-48-82-A-d
đình Lương Xâm	KX	P. Nam Hải	Q. Hải An	20° 49' 32"	106° 44' 21"					F-48-82-A-d
đình Xâm Bồ	KX	P. Nam Hải	Q. Hải An	20° 50' 00"	106° 44' 19"					F-48-82-A-d
Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	KX	P. Nam Hải	Q. Hải An			20° 48' 32"	106° 30' 40"	20° 50' 38"	106° 44' 59"	F-48-82-A-d
đường Hàng Tổng	KX	P. Nam Hải	Q. Hải An			20° 50' 27"	106° 43' 24"	20° 50' 27"	106° 44' 10"	F-48-82-A-d
đường Liên Phường	KX	P. Nam Hải	Q. Hải An			20° 50' 11"	106° 44' 20"	20° 48' 27"	106° 44' 40"	F-48-82-A-d
đường Nam Hải	KX	P. Nam Hải	Q. Hải An			20° 49' 27"	106° 44' 16"	20° 50' 27"	106° 44' 10"	F-48-82-A-d
đường Ngô Gia Tự	KX	P. Nam Hải	Q. Hải An			20° 49' 51"	106° 41' 51"	20° 49' 22"	106° 44' 46"	F-48-82-A-d
miếu Xâm Bồ	KX	P. Nam Hải	Q. Hải An	20° 50' 06"	106° 44' 10"					F-48-82-A-d
nhà thờ Xâm Bồ	KX	P. Nam Hải	Q. Hải An	20° 49' 51"	106° 44' 11"					F-48-82-A-d
phố Đông Phong	KX	P. Nam Hải	Q. Hải An			20° 49' 50"	106° 44' 10"	20° 49' 29"	106° 44' 08"	F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Nam Hải	KX	P. Nam Hải	Q. Hải An	20° 49' 50"	106° 44' 00"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Nam Hải	KX	P. Nam Hải	Q. Hải An	20° 49' 46"	106° 44' 27"					F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Trung học phổ thông Hải An	KX	P. Nam Hải	Q. Hải An	20° 49' 38"	106° 43' 56"					F-48-82-A-d
từ Lương Xâm	KX	P. Nam Hải	Q. Hải An	20° 50' 13"	106° 44' 03"					F-48-82-A-d
Sông Cấm (nhánh 2)	TV	P. Nam Hải	Q. Hải An			20° 50' 24"	106° 45' 06"	20° 47' 52"	106° 46' 26"	F-48-82-B-c
chợ Cát Bi	KX	P. Thành Tô	Q. Hải An	20° 49' 30"	106° 42' 36"					F-48-82-A-d
đường Cát Bi	KX	P. Thành Tô	Q. Hải An			20° 49' 49"	106° 41' 53"	20° 49' 27"	106° 42' 47"	F-48-82-A-d
đường Đồng Xá	KX	P. Thành Tô	Q. Hải An			20° 49' 36"	106° 42' 26"	20° 48' 22"	106° 43' 08"	F-48-82-A-d
đường Lê Hồng Phong	KX	P. Thành Tô	Q. Hải An			20° 51' 45"	106° 41' 38"	20° 49' 30"	106° 43' 31"	F-48-82-A-d
đường Ngô Gia Tự	KX	P. Thành Tô	Q. Hải An			20° 49' 51"	106° 41' 51"	20° 49' 22"	106° 44' 46"	F-48-82-A-d
đường Nguyễn Văn Hới	KX	P. Thành Tô	Q. Hải An			20° 49' 48"	106° 42' 32"	20° 49' 27"	106° 42' 47"	F-48-82-A-d
sân bay Cát Bi	KX	P. Thành Tô	Q. Hải An	20° 49' 13"	106° 43' 23"					F-48-82-A-d
sông Lạch Tray	TV	P. Thành Tô	Q. Hải An			20° 51' 20"	106° 29' 02"	20° 46' 40"	106° 45' 41"	F-48-82-A-d
tổ dân phố Cát Bi 3	DC	P. Tràng Cát	Q. Hải An	20° 48' 41"	106° 44' 24"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Cát Khê	DC	P. Tràng Cát	Q. Hải An	20° 48' 31"	106° 44' 13"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Lương Khê 4	DC	P. Tràng Cát	Q. Hải An	20° 49' 06"	106° 44' 19"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Tân Vũ 1	DC	P. Tràng Cát	Q. Hải An	20° 48' 10"	106° 44' 42"					F-48-82-A-d
chùa Trực Cát	KX	P. Tràng Cát	Q. Hải An	20° 48' 22"	106° 43' 29"					F-48-82-A-d
đền Trực Cát	KX	P. Tràng Cát	Q. Hải An	20° 48' 27"	106° 43' 28"					F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đình Cát Bi	KX	P. Tràng Cát	Q. Hải An	20° 48' 45"	106° 44' 24"					F-48-82-A-d
đình Cát Khê	KX	P. Tràng Cát	Q. Hải An	20° 48' 47"	106° 43' 55"					F-48-82-A-d
đình Đình Vũ	KX	P. Tràng Cát	Q. Hải An	20° 48' 18"	106° 44' 16"					F-48-82-A-d
đình Lương Khê	KX	P. Tràng Cát	Q. Hải An	20° 49' 16"	106° 44' 09"					F-48-82-A-d
Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	KX	P. Tràng Cát	Q. Hải An			20° 48' 32"	106° 30' 40"	20° 50' 38"	106° 44' 59"	F-48-82-A-d
đường Cát Linh	KX	P. Tràng Cát	Q. Hải An			20° 49' 26"	106° 44' 20"	20° 48' 22"	106° 44' 22"	F-48-82-A-d
đường Cát Vũ	KX	P. Tràng Cát	Q. Hải An			20° 48' 35"	106° 43' 53"	20° 48' 03"	106° 44' 47"	F-48-82-A-d
đường Đồng Xá	KX	P. Tràng Cát	Q. Hải An			20° 49' 36"	106° 42' 26"	20° 48' 22"	106° 43' 08"	F-48-82-A-d
đường Liên Phường	KX	P. Tràng Cát	Q. Hải An			20° 50' 11"	106° 44' 20"	20° 48' 27"	106° 44' 40"	F-48-82-A-d
đường Ngô Gia Tự	KX	P. Tràng Cát	Q. Hải An			20° 49' 51"	106° 41' 51"	20° 49' 22"	106° 44' 46"	F-48-82-A-d
đường Thành Tô	KX	P. Tràng Cát	Q. Hải An			20° 49' 28"	106° 44' 11"	20° 48' 22"	106° 43' 08"	F-48-82-A-d
đường Tràng Cát	KX	P. Tràng Cát	Q. Hải An			20° 48' 51"	106° 44' 02"	20° 48' 41"	106° 44' 45"	F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Tràng Cát	KX	P. Tràng Cát	Q. Hải An	20° 48' 47"	106° 43' 59"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Tràng Cát	KX	P. Tràng Cát	Q. Hải An	20° 48' 44"	106° 44' 00"					F-48-82-A-d
Sông Cấm (nhánh 2)	TV	P. Tràng Cát	Q. Hải An			20° 50' 24"	106° 45' 06"	20° 47' 52"	106° 46' 26"	F-48-82-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Lạch Tray	TV	P. Tràng Cát	Q. Hải An			20° 51' 20"	106° 29' 02"	20° 46' 40"	106° 45' 41"	F-48-82-A-d, F-48-82-B-c
cầu Lạc Long	KX	P. Hạ Lý	Q. Hồng Bàng	20° 51' 47"	106° 40' 36"					F-48-82-A-d
cầu Thượng Lý	KX	P. Hạ Lý	Q. Hồng Bàng	20° 51' 46"	106° 40' 04"					F-48-82-A-d
cầu vượt sông Tam Bạc	KX	P. Hạ Lý	Q. Hồng Bàng	20° 51' 27"	106° 40' 06"					F-48-82-A-d
Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đóng tàu Bạch Đằng	KX	P. Hạ Lý	Q. Hồng Bàng	20° 51' 56"	106° 40' 11"					F-48-82-A-d
đường Bạch Đằng	KX	P. Hạ Lý	Q. Hồng Bàng			20° 51' 46"	106° 40' 35"	20° 51' 46"	106° 40' 04"	F-48-82-A-d
đường Chương Dương	KX	P. Hạ Lý	Q. Hồng Bàng			20° 51' 35"	106° 40' 05"	20° 51' 47"	106° 40' 06"	F-48-82-A-d
phố Hạ Lý	KX	P. Hạ Lý	Q. Hồng Bàng			20° 51' 46"	106° 40' 34"	20° 51' 35"	106° 40' 05"	F-48-82-A-d
phố Phạm Phú Thứ	KX	P. Hạ Lý	Q. Hồng Bàng			20° 51' 46"	106° 40' 19"	20° 51' 34"	106° 40' 19"	F-48-82-A-d
Trường Dạy nghề Bạch Đằng	KX	P. Hạ Lý	Q. Hồng Bàng	20° 51' 45"	106° 40' 24"					F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Trần Văn Ơn	KX	P. Hạ Lý	Q. Hồng Bàng	20° 51' 43"	106° 40' 21"					F-48-82-A-d
Trường Trung cấp Nghề Đóng tàu Bạch Đằng	KX	P. Hạ Lý	Q. Hồng Bàng	20° 51' 48"	106° 40' 14"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Trần Văn Ơn	KX	P. Hạ Lý	Q. Hồng Bàng	20° 51' 42"	106° 40' 19"					F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Trung học phổ thông Lê Hồng Phong	KX	P. Hạ Lý	Q. Hồng Bàng	20° 51' 38"	106° 40' 16"					F-48-82-A-d
Sông Cấm	TV	P. Hạ Lý	Q. Hồng Bàng			20° 56' 52"	106° 35' 22"	20° 50' 58"	106° 45' 33"	F-48-82-A-d
sông Tam Bạc	TV	P. Hạ Lý	Q. Hồng Bàng			20° 51' 40"	106° 38' 55"	20° 52' 02"	106° 40' 27"	F-48-82-A-d
sông Thượng Lý	TV	P. Hạ Lý	Q. Hồng Bàng			20° 51' 27"	106° 40' 04"	20° 52' 11"	106° 40' 07"	F-48-82-A-d
Bệnh viện Phụ sản	KX	P. Hoàng Văn Thụ	Q. Hồng Bàng	20° 51' 38"	106° 40' 52"					F-48-82-A-d
đường Điện Biên Phủ	KX	P. Hoàng Văn Thụ	Q. Hồng Bàng			20° 51' 45"	106° 40' 39"	20° 51' 45"	106° 41' 25"	F-48-82-A-d
đường Đinh Tiên Hoàng	KX	P. Hoàng Văn Thụ	Q. Hồng Bàng			20° 51' 54"	106° 40' 51"	20° 51' 26"	106° 40' 50"	F-48-82-A-d
đường Hoàng Văn Thụ	KX	P. Hoàng Văn Thụ	Q. Hồng Bàng			20° 51' 25"	106° 40' 47"	20° 52' 01"	106° 40' 46"	F-48-82-A-d
đường Lê Đại Hành	KX	P. Hoàng Văn Thụ	Q. Hồng Bàng			20° 51' 55"	106° 40' 54"	20° 51' 29"	106° 40' 56"	F-48-82-A-d
đường Minh Khai	KX	P. Hoàng Văn Thụ	Q. Hồng Bàng			20° 51' 57"	106° 40' 59"	20° 51' 32"	106° 41' 02"	F-48-82-A-d
đường Trần Hưng Đạo	KX	P. Hoàng Văn Thụ	Q. Hồng Bàng			20° 51' 59"	106° 41' 11"	20° 51' 28"	106° 40' 47"	F-48-82-A-d
đường Trần Quang Khải	KX	P. Hoàng Văn Thụ	Q. Hồng Bàng			20° 51' 40"	106° 40' 39"	20° 51' 39"	106° 41' 05"	F-48-82-A-d
khách sạn Classic Hoàng Long	KX	P. Hoàng Văn Thụ	Q. Hồng Bàng	20° 51' 39"	106° 40' 48"					F-48-82-A-d
khách sạn Hải Quân	KX	P. Hoàng Văn Thụ	Q. Hồng Bàng	20° 51' 44"	106° 41' 06"					F-48-82-A-d
Nhà hát Tháng Tám	KX	P. Hoàng Văn Thụ	Q. Hồng Bàng	20° 51' 32"	106° 40' 51"					F-48-82-A-d
Nhà hát Thành phố	KX	P. Hoàng Văn Thụ	Q. Hồng Bàng	20° 51' 31"	106° 40' 48"					F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Tiểu học Đinh Tiên Hoàng	KX	P. Hoàng Văn Thụ	Q. Hồng Bàng	20° 51' 41"	106° 40' 48"					F-48-82-A-d
tổ dân phố An Trì 2	DC	P. Hùng Vương	Q. Hồng Bàng	20° 52' 04"	106° 38' 29"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Cam Lộ 3	DC	P. Hùng Vương	Q. Hồng Bàng	20° 52' 23"	106° 38' 16"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Quỳnh Cư 4	DC	P. Hùng Vương	Q. Hồng Bàng	20° 52' 39"	106° 37' 21"					F-48-82-A-a
Bệnh viện Giao thông vận tải	KX	P. Hùng Vương	Q. Hồng Bàng	20° 52' 10"	106° 38' 27"					F-48-82-A-d
chùa Cam Lộ	KX	P. Hùng Vương	Q. Hồng Bàng	20° 52' 08"	106° 37' 53"					F-48-82-A-d
Công ty cổ phần LISEMCO	KX	P. Hùng Vương	Q. Hồng Bàng	20° 52' 45"	106° 38' 42"					F-48-82-A-b
Công ty cổ phần Vận tải thủy Số 4	KX	P. Hùng Vương	Q. Hồng Bàng	20° 52' 43"	106° 38' 20"					F-48-82-A-b
đình An Trì	KX	P. Hùng Vương	Q. Hồng Bàng	20° 51' 59"	106° 38' 23"					F-48-82-A-d
đình Cam Lộ	KX	P. Hùng Vương	Q. Hồng Bàng	20° 52' 05"	106° 37' 51"					F-48-82-A-d
đình Quỳnh Cư	KX	P. Hùng Vương	Q. Hồng Bàng	20° 52' 27"	106° 37' 19"					F-48-82-A-c
Đò Lâm	KX	P. Hùng Vương	Q. Hồng Bàng	20° 52' 54"	106° 38' 38"					F-48-82-A-b
đường An Trì	KX	P. Hùng Vương	Q. Hồng Bàng			20° 52' 23"	106° 38' 47"	20° 52' 04"	106° 38' 37"	F-48-82-A-d
đường Hùng Vương	KX	P. Hùng Vương	Q. Hồng Bàng			20° 51' 17"	106° 39' 52"	20° 53' 37"	106° 35' 31"	F-48-82-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường Lệnh Bá Chính Trọng	KX	P. Hùng Vương	Q. Hồng Bàng			20° 52' 47"	106° 37' 29"	20° 52' 28"	106° 37' 22"	F-48-82-A-a, F-48-82-A-c
đường Trương Văn Lực	KX	P. Hùng Vương	Q. Hồng Bàng			20° 52' 29"	106° 36' 45"	20° 52' 14"	106° 38' 09"	F-48-82-A-a, F-48-82-A-b, F-48-82-A-d
Quốc lộ 5	KX	P. Hùng Vương	Q. Hồng Bàng			20° 56' 42"	106° 32' 29"	20° 51' 58"	106° 38' 56"	F-48-82-A-c, F-48-82-A-d
Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật Bắc Bộ	KX	P. Hùng Vương	Q. Hồng Bàng	20° 52' 24"	106° 37' 44"					F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Hùng Vương	KX	P. Hùng Vương	Q. Hồng Bàng	20° 52' 20"	106° 38' 01"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Hùng Vương	KX	P. Hùng Vương	Q. Hồng Bàng	20° 52' 08"	106° 38' 06"					F-48-82-A-d
kênh trục chính Sông Rế (Sông Rế)	TV	P. Hùng Vương	Q. Hồng Bàng			20° 52' 07"	106° 34' 42"	20° 51' 40"	106° 38' 55"	F-48-82-A-c, F-48-82-A-d
Sông Cấm	TV	P. Hùng Vương	Q. Hồng Bàng			20° 56' 52"	106° 35' 22"	20° 50' 58"	106° 45' 33"	F-48-82-A-d
bảo tàng Hải Phòng	KX	P. Minh Khai	Q. Hồng Bàng	20° 51' 47"	106° 40' 52"					F-48-82-A-d
Bệnh viện Đa khoa Hồng Phúc	KX	P. Minh Khai	Q. Hồng Bàng	20° 51' 49"	106° 41' 03"					F-48-82-A-d
Bưu điện thành phố Hải Phòng	KX	P. Minh Khai	Q. Hồng Bàng	20° 51' 54"	106° 40' 48"					F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Lạc Long	KX	P. Minh Khai	Q. Hồng Bàng	20° 51' 47"	106° 40' 36"					F-48-82-A-d
đường Bến Bính	KX	P. Minh Khai	Q. Hồng Bàng			20° 52' 01"	106° 40' 34"	20° 51' 46"	106° 40' 42"	F-48-82-A-d
đường Điện Biên Phủ	KX	P. Minh Khai	Q. Hồng Bàng			20° 51' 45"	106° 40' 39"	20° 51' 45"	106° 41' 25"	F-48-82-A-d
đường Đinh Tiên Hoàng	KX	P. Minh Khai	Q. Hồng Bàng			20° 51' 54"	106° 40' 51"	20° 51' 26"	106° 40' 50"	F-48-82-A-d
đường Hoàng Diệu	KX	P. Minh Khai	Q. Hồng Bàng			20° 51' 55"	106° 40' 54"	20° 52' 00"	106° 41' 14"	F-48-82-A-d
đường Hoàng Văn Thụ	KX	P. Minh Khai	Q. Hồng Bàng			20° 51' 25"	106° 40' 47"	20° 52' 01"	106° 40' 46"	F-48-82-A-d
đường Lê Đại Hành	KX	P. Minh Khai	Q. Hồng Bàng			20° 51' 55"	106° 40' 54"	20° 51' 29"	106° 40' 56"	F-48-82-A-d
đường Minh Khai	KX	P. Minh Khai	Q. Hồng Bàng			20° 51' 57"	106° 40' 59"	20° 51' 32"	106° 41' 02"	F-48-82-A-d
đường Tam Bạc	KX	P. Minh Khai	Q. Hồng Bàng			20° 51' 21"	106° 40' 06"	20° 51' 58"	106° 40' 30"	F-48-82-A-d
đường Trần Hưng Đạo	KX	P. Minh Khai	Q. Hồng Bàng			20° 51' 59"	106° 41' 11"	20° 51' 28"	106° 40' 47"	F-48-82-A-d
đường Trần Phú	KX	P. Minh Khai	Q. Hồng Bàng			20° 51' 25"	106° 40' 47"	20° 52' 00"	106° 41' 14"	F-48-82-A-d
khách sạn Draco Thăng Long	KX	P. Minh Khai	Q. Hồng Bàng	20° 51' 56"	106° 40' 44"					F-48-82-A-d
Phà Bính	KX	P. Minh Khai	Q. Hồng Bàng	20° 52' 07"	106° 40' 34"					F-48-82-A-d
Trường Kỹ thuật nghiệp vụ Cảng	KX	P. Minh Khai	Q. Hồng Bàng	20° 51' 54"	106° 40' 39"					F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Nguyễn Tri Phương	KX	P. Minh Khai	Q. Hồng Bàng	20° 51' 55"	106° 40' 49"					F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Trung học cơ sở Hồng Bàng	KX	P. Minh Khai	Q. Hồng Bàng	20° 51' 52"	106° 40' 49"					F-48-82-A-d
Trường Trung học phổ thông Lương Thế Vinh	KX	P. Minh Khai	Q. Hồng Bàng	20° 51' 54"	106° 40' 35"					F-48-82-A-d
Sông Cấm	TV	P. Minh Khai	Q. Hồng Bàng			20° 56' 52"	106° 35' 22"	20° 50' 58"	106° 45' 33"	F-48-82-A-d
sông Tam Bạc	TV	P. Minh Khai	Q. Hồng Bàng			20° 51' 40"	106° 38' 55"	20° 52' 02"	106° 40' 27"	F-48-82-A-d
cầu vượt sông Tam Bạc	KX	P. Phạm Hồng Thái	Q. Hồng Bàng	20° 51' 27"	106° 40' 06"					F-48-82-A-d
Chợ Sắt	KX	P. Phạm Hồng Thái	Q. Hồng Bàng	20° 51' 23"	106° 40' 07"					F-48-82-A-d
đường Phan Bội Châu	KX	P. Phạm Hồng Thái	Q. Hồng Bàng			20° 51' 31"	106° 40' 46"	20° 51' 24"	106° 40' 11"	F-48-82-A-d
đường Quang Trung	KX	P. Phạm Hồng Thái	Q. Hồng Bàng			20° 51' 28"	106° 40' 47"	20° 51' 21"	106° 40' 06"	F-48-82-A-d
đường Tam Bạc	KX	P. Phạm Hồng Thái	Q. Hồng Bàng			20° 51' 21"	106° 40' 06"	20° 51' 58"	106° 40' 30"	F-48-82-A-d
hồ Tam Bạc	TV	P. Phạm Hồng Thái	Q. Hồng Bàng	20° 51' 21"	106° 40' 21"					F-48-82-A-d
sông Tam Bạc	TV	P. Phạm Hồng Thái	Q. Hồng Bàng			20° 51' 40"	106° 38' 55"	20° 52' 02"	106° 40' 27"	F-48-82-A-d
chợ Tam Bạc (Chợ Đổ)	KX	P. Phan Bội Châu	Q. Hồng Bàng	20° 51' 28"	106° 40' 28"					F-48-82-A-d
đường Lãn Ông	KX	P. Phan Bội Châu	Q. Hồng Bàng			20° 51' 26"	106° 40' 38"	20° 51' 32"	106° 40' 35"	F-48-82-A-d
đường Lý Thường Kiệt	KX	P. Phan Bội Châu	Q. Hồng Bàng			20° 51' 28"	106° 40' 20"	20° 51' 46"	106° 40' 40"	F-48-82-A-d
đường Nguyễn Đức Cảnh	KX	P. Phan Bội Châu	Q. Hồng Bàng			20° 51' 25"	106° 40' 47"	20° 51' 14"	106° 39' 54"	F-48-82-A-d
đường Phan Bội Châu	KX	P. Phan Bội Châu	Q. Hồng Bàng			20° 51' 31"	106° 40' 46"	20° 51' 24"	106° 40' 11"	F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường Quang Trung	KX	P. Phan Bội Châu	Q. Hồng Bàng			20° 51' 28"	106° 40' 47"	20° 51' 21"	106° 40' 06"	F-48-82-A-d
đường Tam Bạc	KX	P. Phan Bội Châu	Q. Hồng Bàng			20° 51' 21"	106° 40' 06"	20° 51' 58"	106° 40' 30"	F-48-82-A-d
nhà Số 2 phố Tôn Đản	KX	P. Phan Bội Châu	Q. Hồng Bàng	20° 51' 29"	106° 40' 24"					F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Đinh Tiên Hoàng	KX	P. Phan Bội Châu	Q. Hồng Bàng	20° 51' 26"	106° 40' 27"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Phan Bội Châu	KX	P. Phan Bội Châu	Q. Hồng Bàng	20° 51' 29"	106° 40' 33"					F-48-82-A-d
hồ Tam Bạc	TV	P. Phan Bội Châu	Q. Hồng Bàng	20° 51' 21"	106° 40' 21"					F-48-82-A-d
sông Tam Bạc	TV	P. Phan Bội Châu	Q. Hồng Bàng			20° 51' 40"	106° 38' 55"	20° 52' 02"	106° 40' 27"	F-48-82-A-d
Khu 1	DC	P. Quán Toan	Q. Hồng Bàng	20° 53' 45"	106° 36' 05"					F-48-82-A-a
Khu 6	DC	P. Quán Toan	Q. Hồng Bàng	20° 53' 24"	106° 36' 07"					F-48-82-A-a
cảng Vật Cách	KX	P. Quán Toan	Q. Hồng Bàng	20° 53' 20"	106° 36' 55"					F-48-82-A-a
chợ Quán Toan	KX	P. Quán Toan	Q. Hồng Bàng	20° 53' 39"	106° 36' 13"					F-48-82-A-a
Cơ sở khám chữa bệnh Đa khoa khu vực Quán Toan	KX	P. Quán Toan	Q. Hồng Bàng	20° 53' 28"	106° 36' 13"					F-48-82-A-a
Công ty cổ phần Quốc tế SAMNEC	KX	P. Quán Toan	Q. Hồng Bàng	20° 53' 45"	106° 36' 13"					F-48-82-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Công ty Liên doanh Thép Việt - Úc	KX	P. Quán Toan	Q. Hồng Bàng	20° 53' 25"	106° 36' 32"					F-48-82-A-a
đường Hải Triều	KX	P. Quán Toan	Q. Hồng Bàng			20° 54' 01"	106° 36' 14"	20° 53' 23"	106° 36' 03"	F-48-82-A-a
đường Hùng Vương	KX	P. Quán Toan	Q. Hồng Bàng			20° 51' 17"	106° 39' 52"	20° 53' 37"	106° 35' 31"	F-48-82-A-a
Đường tỉnh 351	KX	P. Quán Toan	Q. Hồng Bàng			20° 48' 15"	106° 37' 26"	20° 53' 25"	106° 36' 11"	F-48-82-A-a
Quốc lộ 10	KX	P. Quán Toan	Q. Hồng Bàng			20° 39' 41"	106° 26' 16"	21° 00' 23"	106° 41' 03"	F-48-82-A-a
Trung tâm Dạy nghề Nam Sơn	KX	P. Quán Toan	Q. Hồng Bàng	20° 53' 30"	106° 36' 02"					F-48-82-A-a
Trường Cao đẳng Nghề VMU	KX	P. Quán Toan	Q. Hồng Bàng	20° 53' 50"	106° 36' 18"					F-48-82-A-a
Trường Tiểu học Quán Toan	KX	P. Quán Toan	Q. Hồng Bàng	20° 53' 31"	106° 36' 16"					F-48-82-A-a
Trường Trung học cơ sở Quán Toan	KX	P. Quán Toan	Q. Hồng Bàng	20° 53' 31"	106° 36' 19"					F-48-82-A-a
Sông Cấm	TV	P. Quán Toan	Q. Hồng Bàng			20° 56' 52"	106° 35' 22"	20° 50' 58"	106° 45' 33"	F-48-82-A-d
chợ Trần Quang Khải	KX	P. Quang Trung	Q. Hồng Bàng	20° 51' 37"	106° 40' 43"					F-48-82-A-d
đường Điện Biên Phủ	KX	P. Quang Trung	Q. Hồng Bàng			20° 51' 45"	106° 40' 39"	20° 51' 45"	106° 41' 25"	F-48-82-A-d
đường Hoàng Văn Thụ	KX	P. Quang Trung	Q. Hồng Bàng			20° 51' 25"	106° 40' 47"	20° 52' 01"	106° 40' 46"	F-48-82-A-d
đường Lãn Ông	KX	P. Quang Trung	Q. Hồng Bàng			20° 51' 26"	106° 40' 38"	20° 51' 32"	106° 40' 35"	F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường Lý Thường Kiệt	KX	P. Quang Trung	Q. Hồng Bàng			20° 51' 28"	106° 40' 20"	20° 51' 46"	106° 40' 40"	F-48-82-A-d
đường Nguyễn Đức Cảnh	KX	P. Quang Trung	Q. Hồng Bàng			20° 51' 25"	106° 40' 47"	20° 51' 14"	106° 39' 54"	F-48-82-A-d
đường Phan Bội Châu	KX	P. Quang Trung	Q. Hồng Bàng			20° 51' 31"	106° 40' 46"	20° 51' 24"	106° 40' 11"	F-48-82-A-d
đường Quang Trung	KX	P. Quang Trung	Q. Hồng Bàng			20° 51' 28"	106° 40' 47"	20° 51' 21"	106° 40' 06"	F-48-82-A-d
đường Tam Bạc	KX	P. Quang Trung	Q. Hồng Bàng			20° 51' 21"	106° 40' 06"	20° 51' 58"	106° 40' 30"	F-48-82-A-d
nhà thờ lớn Hải Phòng	KX	P. Quang Trung	Q. Hồng Bàng	20° 51' 41"	106° 40' 44"					F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Nguyễn Huệ	KX	P. Quang Trung	Q. Hồng Bàng	20° 51' 31"	106° 40' 44"					F-48-82-A-d
sông Tam Bạc	TV	P. Quang Trung	Q. Hồng Bàng			20° 51' 40"	106° 38' 55"	20° 52' 02"	106° 40' 27"	F-48-82-A-d
tổ dân phố An Lạc 3	DC	P. Sở Dầu	Q. Hồng Bàng	20° 52' 02"	106° 39' 07"					F-48-82-A-d
tổ dân phố An Lạc 5	DC	P. Sở Dầu	Q. Hồng Bàng	20° 51' 58"	106° 39' 05"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Kiến Thiết 3	DC	P. Sở Dầu	Q. Hồng Bàng	20° 52' 10"	106° 39' 27"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Mặt Bằng 1	DC	P. Sở Dầu	Q. Hồng Bàng	20° 51' 49"	106° 39' 01"					F-48-82-A-d
Cầu Bính	KX	P. Sở Dầu	Q. Hồng Bàng	20° 52' 35"	106° 39' 56"					F-48-82-A-b
chợ Sở Dầu	KX	P. Sở Dầu	Q. Hồng Bàng	20° 52' 19"	106° 39' 04"					F-48-82-A-a
chùa An Lạc	KX	P. Sở Dầu	Q. Hồng Bàng	20° 52' 11"	106° 39' 02"					F-48-82-A-a
cống Cái Tắt	KX	P. Sở Dầu	Q. Hồng Bàng	20° 51' 40"	106° 38' 55"					F-48-82-A-d
đại lộ Tôn Đức Thắng	KX	P. Sở Dầu	Q. Hồng Bàng			20° 50' 58"	106° 39' 32"	20° 52' 20"	106° 39' 07"	F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đình An Lạc	KX	P. Sở Dầu	Q. Hồng Bàng	20° 52' 11"	106° 39' 02"					F-48-82-A-a
đường Cầu Bính	KX	P. Sở Dầu	Q. Hồng Bàng			20° 52' 28"	106° 39' 52"	20° 51' 52"	106° 39' 32"	F-48-82-A-d
đường Dầu Lửa	KX	P. Sở Dầu	Q. Hồng Bàng			20° 52' 32"	106° 38' 52"	20° 52' 23"	106° 38' 47"	F-48-82-A-b, F-48-82-A-d
đường Hồng Bàng	KX	P. Sở Dầu	Q. Hồng Bàng			20° 51' 47"	106° 39' 37"	20° 51' 58"	106° 38' 56"	F-48-82-A-d
đường Hùng Vương	KX	P. Sở Dầu	Q. Hồng Bàng			20° 51' 17"	106° 39' 52"	20° 53' 37"	106° 35' 31"	F-48-82-A-b, F-48-82-A-d
ga Thượng Lý	KX	P. Sở Dầu	Q. Hồng Bàng	20° 52' 02"	106° 39' 21"					F-48-82-A-d
Quốc lộ 5	KX	P. Sở Dầu	Q. Hồng Bàng			20° 56' 42"	106° 32' 29"	20° 51' 58"	106° 38' 56"	F-48-82-A-d
siêu thị Mega Market	KX	P. Sở Dầu	Q. Hồng Bàng	20° 51' 52"	106° 39' 08"					F-48-82-A-a
Trường Tiểu học Bạch Đằng (Khu A)	KX	P. Sở Dầu	Q. Hồng Bàng	20° 52' 09"	106° 39' 02"					F-48-82-A-a
Trường Tiểu học Bạch Đằng (Khu B)	KX	P. Sở Dầu	Q. Hồng Bàng	20° 52' 08"	106° 39' 02"					F-48-82-A-a
Trường Trung cấp Dạy nghề Kỹ thuật Xi Măng	KX	P. Sở Dầu	Q. Hồng Bàng	20° 51' 57"	106° 39' 32"					F-48-82-A-a
Trường Trung học cơ sở Bạch Đằng	KX	P. Sở Dầu	Q. Hồng Bàng	20° 52' 04"	106° 38' 54"					F-48-82-A-a
Trường Trung học phổ thông Hồng Bàng	KX	P. Sở Dầu	Q. Hồng Bàng	20° 52' 03"	106° 38' 56"					F-48-82-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xí nghiệp Sông Đà 12.4	KX	P. Sở Dầu	Q. Hồng Bàng	20° 52' 35"	106° 39' 01"					F-48-82-A-b
kênh trục chính Sông Rế (Sông Rế)	TV	P. Sở Dầu	Q. Hồng Bàng			20° 52' 07"	106° 34' 42"	20° 51' 40"	106° 38' 55"	F-48-82-A-d
Sông Cấm	TV	P. Sở Dầu	Q. Hồng Bàng			20° 56' 52"	106° 35' 22"	20° 50' 58"	106° 45' 33"	F-48-82-A-d
sông Tam Bạc	TV	P. Sở Dầu	Q. Hồng Bàng			20° 51' 40"	106° 38' 55"	20° 52' 02"	106° 40' 27"	F-48-82-A-d
Khu đô thị Vinhomes Impreria	DC	P. Thượng Lý	Q. Hồng Bàng	20° 52' 05"	106° 39' 57"					F-48-82-A-d
Cầu Bính	KX	P. Thượng Lý	Q. Hồng Bàng	20° 52' 35"	106° 39' 56"					F-48-82-A-b
Cầu Quay	KX	P. Thượng Lý	Q. Hồng Bàng	20° 51' 16"	106° 39' 52"					F-48-82-A-d
cầu Tam Bạc	KX	P. Thượng Lý	Q. Hồng Bàng	20° 51' 17"	106° 39' 54"					F-48-82-A-d
cầu Thượng Lý	KX	P. Thượng Lý	Q. Hồng Bàng	20° 51' 46"	106° 40' 04"					F-48-82-A-d
chợ Hòa Bình	KX	P. Thượng Lý	Q. Hồng Bàng	20° 51' 42"	106° 39' 50"					F-48-82-A-d
Cơ sở khám chữa bệnh Đa khoa khu vực Thượng Lý	KX	P. Thượng Lý	Q. Hồng Bàng	20° 51' 37"	106° 39' 52"					F-48-82-A-d
Đền Hạ	KX	P. Thượng Lý	Q. Hồng Bàng	20° 51' 41"	106° 39' 51"					F-48-82-A-d
đường Cầu Bính	KX	P. Thượng Lý	Q. Hồng Bàng			20° 52' 28"	106° 39' 52"	20° 51' 52"	106° 39' 32"	F-48-82-A-d
đường Hà Nội	KX	P. Thượng Lý	Q. Hồng Bàng			20° 51' 46"	106° 40' 04"	20° 51' 47"	106° 39' 37"	F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường Hùng Duệ Vương	KX	P. Thượng Lý	Q. Hồng Bàng			20° 51' 46"	106° 39' 54"	20° 51' 26"	106° 39' 55"	F-48-82-A-d
đường Hùng Vương	KX	P. Thượng Lý	Q. Hồng Bàng			20° 51' 17"	106° 39' 52"	20° 53' 37"	106° 35' 31"	F-48-82-A-d
đường Vạn Kiếp	KX	P. Thượng Lý	Q. Hồng Bàng			20° 51' 47"	106° 40' 02"	20° 51' 26"	106° 39' 55"	F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Ngô Gia Tự	KX	P. Thượng Lý	Q. Hồng Bàng	20° 51' 32"	106° 39' 52"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Ngô Gia Tự	KX	P. Thượng Lý	Q. Hồng Bàng	20° 51' 32"	106° 39' 50"					F-48-82-A-d
Sông Cấm	TV	P. Thượng Lý	Q. Hồng Bàng			20° 56' 52"	106° 35' 22"	20° 50' 58"	106° 45' 33"	F-48-82-A-d
sông Tam Bạc	TV	P. Thượng Lý	Q. Hồng Bàng			20° 51' 40"	106° 38' 55"	20° 52' 02"	106° 40' 27"	F-48-82-A-d
sông Thượng Lý	TV	P. Thượng Lý	Q. Hồng Bàng			20° 51' 27"	106° 40' 04"	20° 52' 11"	106° 40' 07"	F-48-82-A-d
Cầu Quay	KX	P. Trại Chuối	Q. Hồng Bàng	20° 51' 16"	106° 39' 52"					F-48-82-A-d
chợ Trại Chuối	KX	P. Trại Chuối	Q. Hồng Bàng	20° 51' 32"	106° 39' 38"					F-48-82-A-d
đường Hồng Bàng	KX	P. Trại Chuối	Q. Hồng Bàng			20° 51' 47"	106° 39' 37"	20° 51' 58"	106° 38' 56"	F-48-82-A-d
đường Hùng Vương	KX	P. Trại Chuối	Q. Hồng Bàng			20° 51' 17"	106° 39' 52"	20° 53' 37"	106° 35' 31"	F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Nguyễn Trãi	KX	P. Trại Chuối	Q. Hồng Bàng	20° 51' 28"	106° 39' 35"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Nguyễn Trãi	KX	P. Trại Chuối	Q. Hồng Bàng	20° 51' 28"	106° 39' 36"					F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Tam Bạc	TV	P. Trại Chuối	Q. Hồng Bàng			20° 51' 40"	106° 38' 55"	20° 52' 02"	106° 40' 27"	F-48-82-A-d
tổ dân phố Số 10	DC	P. Bắc Sơn	Q. Kiến An	20° 49' 14"	106° 38' 07"					F-48-82-A-d
bảo tàng Quân khu 3	KX	P. Bắc Sơn	Q. Kiến An	20° 49' 26"	106° 38' 05"					F-48-82-A-d
chợ Bến Phà	KX	P. Bắc Sơn	Q. Kiến An	20° 49' 05"	106° 37' 23"					F-48-82-A-c
chùa Hồng Phúc	KX	P. Bắc Sơn	Q. Kiến An	20° 49' 15"	106° 37' 59"					F-48-82-A-d
đường Cựu Viên	KX	P. Bắc Sơn	Q. Kiến An			20° 49' 24"	106° 38' 01"	20° 49' 05"	106° 38' 41"	F-48-82-A-d
Đường tỉnh 351	KX	P. Bắc Sơn	Q. Kiến An			20° 48' 15"	106° 37' 26"	20° 53' 25"	106° 36' 11"	F-48-82-A-c
nhà thờ Cựu Viên	KX	P. Bắc Sơn	Q. Kiến An	20° 49' 13"	106° 38' 34"					F-48-82-A-d
phố Hoàng Thiết Tâm	KX	P. Bắc Sơn	Q. Kiến An			20° 49' 12"	106° 37' 37"	20° 49' 02"	106° 37' 19"	F-48-82-A-d
phố Lê Duẩn	KX	P. Bắc Sơn	Q. Kiến An			20° 49' 23"	106° 38' 50"	20° 49' 12"	106° 37' 37"	F-48-82-A-c
trạm T20	KX	P. Bắc Sơn	Q. Kiến An	20° 49' 33"	106° 38' 06"					F-48-82-A-d
Trường Cao đẳng Nghề Người tàn tật Hải Phòng	KX	P. Bắc Sơn	Q. Kiến An	20° 49' 06"	106° 37' 27"					F-48-82-A-c
Trường Cao đẳng Nghề Số 3 Quân Khu 3	KX	P. Bắc Sơn	Q. Kiến An	20° 49' 30"	106° 38' 10"					F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Quang Trung	KX	P. Bắc Sơn	Q. Kiến An	20° 49' 06"	106° 38' 31"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Bắc Sơn	KX	P. Bắc Sơn	Q. Kiến An	20° 49' 04"	106° 37' 29"					F-48-82-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Thiên Văn	SV	P. Bắc Sơn	Q. Kiến An	20° 48' 46"	106° 37' 51"					F-48-82-A-d
sông Lạch Tray	TV	P. Bắc Sơn	Q. Kiến An			20° 51' 20"	106° 29' 02"	20° 46' 40"	106° 45' 41"	F-48-82-A-c, F-48-82-A-d
tổ dân phố Đống Khê 2	DC	P. Đồng Hoà	Q. Kiến An	20° 49' 21"	106° 39' 19"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Lãm Khê	DC	P. Đồng Hoà	Q. Kiến An	20° 49' 35"	106° 39' 21"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Mỹ Khê Tây	DC	P. Đồng Hoà	Q. Kiến An	20° 49' 07"	106° 39' 40"					F-48-82-A-d
chùa Long Vân	KX	P. Đồng Hoà	Q. Kiến An	20° 49' 20"	106° 39' 10"					F-48-82-A-d
đình Đống Khê	KX	P. Đồng Hoà	Q. Kiến An	20° 49' 20"	106° 39' 12"					F-48-82-A-d
đình Lãm Khê	KX	P. Đồng Hoà	Q. Kiến An	20° 49' 05"	106° 39' 36"					F-48-82-A-d
đình Mỹ Khê	KX	P. Đồng Hoà	Q. Kiến An	20° 49' 06"	106° 39' 34"					F-48-82-A-d
đường Bắc Sơn - Nam Hải	KX	P. Đồng Hoà	Q. Kiến An			20° 52' 18"	106° 34' 49"	20° 49' 51"	106° 41' 51"	F-48-82-A-d
đường Đồng Hòa	KX	P. Đồng Hoà	Q. Kiến An			20° 49' 23"	106° 38' 50"	20° 49' 07"	106° 39' 50"	F-48-82-A-d
Trường Cao đẳng Nghề Bắc Nam	KX	P. Đồng Hoà	Q. Kiến An	20° 49' 55"	106° 39' 42"					F-48-82-A-d
Trường Cao đẳng Nghề Bách Nghệ	KX	P. Đồng Hoà	Q. Kiến An	20° 49' 51"	106° 39' 43"					F-48-82-A-d
Trường Cao đẳng Nghề Duyên Hải	KX	P. Đồng Hoà	Q. Kiến An	20° 49' 47"	106° 39' 51"					F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Nuôi dạy trẻ Khiếm thị Hải Phòng	KX	P. Đồng Hòa	Q. Kiến An	20° 49' 44"	106° 39' 52"					F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Đồng Hòa	KX	P. Đồng Hòa	Q. Kiến An	20° 49' 24"	106° 39' 12"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Đồng Hòa	KX	P. Đồng Hòa	Q. Kiến An	20° 49' 23"	106° 39' 12"					F-48-82-A-d
Trường Trung học phổ thông Đồng Hòa	KX	P. Đồng Hòa	Q. Kiến An	20° 49' 19"	106° 39' 09"					F-48-82-A-d
sông Lạch Tray	TV	P. Đồng Hòa	Q. Kiến An			20° 51' 20"	106° 29' 02"	20° 46' 40"	106° 45' 41"	F-48-82-A-d
tổ dân phố Số 5	DC	P. Lãm Hà	Q. Kiến An	20° 50' 28"	106° 39' 21"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Số 10	DC	P. Lãm Hà	Q. Kiến An	20° 50' 03"	106° 39' 37"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Số 16	DC	P. Lãm Hà	Q. Kiến An	20° 50' 06"	106° 39' 23"					F-48-82-A-d
Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng	KX	P. Lãm Hà	Q. Kiến An	20° 49' 57"	106° 39' 34"					F-48-82-A-d
Đường tỉnh 360	KX	P. Lãm Hà	Q. Kiến An			20° 50' 18"	106° 39' 42"	20° 50' 01"	106° 29' 45"	F-48-82-A-c
phố Trường Chinh	KX	P. Lãm Hà	Q. Kiến An			20° 50' 18"	106° 39' 42"	20° 49' 23"	106° 38' 50"	F-48-82-A-c
Trường Tiểu học Nguyễn Du	KX	P. Lãm Hà	Q. Kiến An	20° 49' 58"	106° 39' 23"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Trần Hưng Đạo	KX	P. Lãm Hà	Q. Kiến An	20° 49' 56"	106° 39' 21"					F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Lạch Tray	TV	P. Lãm Hà	Q. Kiến An			20° 51' 20"	106° 29' 02"	20° 46' 40"	106° 45' 41"	F-48-82-A-d
tổ dân phố Kha Lâm 3	DC	P. Nam Sơn	Q. Kiến An	20° 48' 41"	106° 38' 21"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Lệ Tảo 3	DC	P. Nam Sơn	Q. Kiến An	20° 48' 39"	106° 38' 55"					F-48-82-A-d
chợ Kha Lâm	KX	P. Nam Sơn	Q. Kiến An	20° 48' 23"	106° 38' 15"					F-48-82-A-d
đền Kha Lâm	KX	P. Nam Sơn	Q. Kiến An	20° 48' 08"	106° 38' 25"					F-48-82-A-d
đình Lệ Tảo	KX	P. Nam Sơn	Q. Kiến An	20° 48' 19"	106° 38' 54"					F-48-82-A-d
đường Chiêu Chinh	KX	P. Nam Sơn	Q. Kiến An			20° 48' 36"	106° 38' 14"	20° 47' 34"	106° 38' 34"	F-48-82-A-d
đường Cựu Viên	KX	P. Nam Sơn	Q. Kiến An			20° 49' 24"	106° 38' 01"	20° 49' 05"	106° 38' 41"	F-48-82-A-d
đường Lệ Tảo	KX	P. Nam Sơn	Q. Kiến An			20° 48' 44"	106° 38' 42"	20° 48' 18"	106° 38' 55"	F-48-82-A-d
đường Nguyễn Như Quế	KX	P. Nam Sơn	Q. Kiến An			20° 48' 18"	106° 38' 55"	20° 48' 13"	106° 39' 32"	F-48-82-A-d
đường Trần Nhân Tông	KX	P. Nam Sơn	Q. Kiến An			20° 49' 23"	106° 38' 50"	20° 48' 15"	106° 37' 26"	F-48-82-A-d
Trường Cao đẳng Cộng đồng Hải Phòng	KX	P. Nam Sơn	Q. Kiến An	20° 49' 00"	106° 38' 33"					F-48-82-A-d
Trường Cao đẳng Nghề Thủy sản Miền Bắc	KX	P. Nam Sơn	Q. Kiến An	20° 48' 27"	106° 38' 06"					F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Nam Hà (Cơ sở 1)	KX	P. Nam Sơn	Q. Kiến An	20° 48' 11"	106° 38' 24"					F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Nam Hà (Cơ sở 2)	KX	P. Nam Sơn	Q. Kiến An	20° 48' 37"	106° 38' 59"					F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Trung cấp Nghề Giao thông công chính Hải Phòng	KX	P. Nam Sơn	Q. Kiến An	20° 48' 51"	106° 38' 28"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Nam Hà	KX	P. Nam Sơn	Q. Kiến An	20° 48' 33"	106° 38' 13"					F-48-82-A-d
núi Thiên Văn	SV	P. Nam Sơn	Q. Kiến An	20° 48' 46"	106° 37' 51"					F-48-82-A-d
đình Khúc Trì	KX	P. Ngọc Sơn	Q. Kiến An	20° 48' 40"	106° 37' 09"					F-48-82-A-c
Đường tỉnh 351	KX	P. Ngọc Sơn	Q. Kiến An			20° 48' 15"	106° 37' 26"	20° 53' 25"	106° 36' 11"	F-48-82-A-c
Đường tỉnh 360	KX	P. Ngọc Sơn	Q. Kiến An			20° 50' 18"	106° 39' 42"	20° 50' 01"	106° 29' 45"	F-48-82-A-c
phố Phan Đăng Lưu	KX	P. Ngọc Sơn	Q. Kiến An			20° 48' 54"	106° 37' 19"	20° 48' 15"	106° 37' 26"	F-48-82-A-c
Trường Đại học Hải Phòng	KX	P. Ngọc Sơn	Q. Kiến An	20° 48' 28"	106° 37' 10"					F-48-82-A-c
Trường Tiểu học Ngọc Sơn	KX	P. Ngọc Sơn	Q. Kiến An	20° 48' 37"	106° 37' 02"					F-48-82-A-c
Trường Trung cấp Nghề Xây dựng Hải Phòng	KX	P. Ngọc Sơn	Q. Kiến An	20° 48' 49"	106° 37' 07"					F-48-82-A-c
Trường Trung học cơ sở Lương Khánh Thiện	KX	P. Ngọc Sơn	Q. Kiến An	20° 48' 41"	106° 37' 18"					F-48-82-A-c
Trường Trung học phổ thông Kiến An	KX	P. Ngọc Sơn	Q. Kiến An	20° 48' 44"	106° 37' 19"					F-48-82-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Cột Cờ	SV	P. Ngọc Sơn	Q. Kiến An	20° 47' 44"	106° 36' 44"					F-48-82-A-c
sông Lạch Tray	TV	P. Ngọc Sơn	Q. Kiến An			20° 51' 20"	106° 29' 02"	20° 46' 40"	106° 45' 41"	F-48-82-A-c
tổ dân phố Đồng Tử 2	DC	P. Phù Liễn	Q. Kiến An	20° 47' 34"	106° 37' 46"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Đồng Tử 3	DC	P. Phù Liễn	Q. Kiến An	20° 46' 60"	106° 38' 22"					F-48-82-A-d
Bệnh viện Kiến An	KX	P. Phù Liễn	Q. Kiến An	20° 48' 03"	106° 37' 23"					F-48-82-A-c
chợ Gò Công	KX	P. Phù Liễn	Q. Kiến An	20° 48' 09"	106° 37' 28"					F-48-82-A-c
đình Đồng Tử	KX	P. Phù Liễn	Q. Kiến An	20° 47' 39"	106° 37' 32"					F-48-82-A-c
đình Quy Tức	KX	P. Phù Liễn	Q. Kiến An	20° 47' 48"	106° 37' 33"					F-48-82-A-c
đường Nguyễn Lương Bằng	KX	P. Phù Liễn	Q. Kiến An			20° 48' 15"	106° 37' 26"	20° 47' 31"	106° 39' 11"	F-48-82-A-c, F-48-82-A-d
đường Quy Tức	KX	P. Phù Liễn	Q. Kiến An			20° 48' 04"	106° 37' 33"	20° 47' 21"	106° 37' 14"	F-48-82-A-c, F-48-82-A-d
Đường tỉnh 354	KX	P. Phù Liễn	Q. Kiến An			20° 48' 15"	106° 37' 26"	20° 38' 40"	106° 32' 31"	F-48-82-A-c
Đường tỉnh 355	KX	P. Phù Liễn	Q. Kiến An			20° 48' 15"	106° 37' 26"	20° 47' 58"	106° 42' 33"	F-48-82-A-c, F-48-82-A-d
phố Trần Tất Văn	KX	P. Phù Liễn	Q. Kiến An			20° 48' 15"	106° 37' 26"	20° 46' 55"	106° 36' 46"	F-48-82-A-c
Trường Tiểu học Lý Tự Trọng	KX	P. Phù Liễn	Q. Kiến An	20° 47' 38"	106° 37' 41"					F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Trung học cơ sở Bắc Hà	KX	P. Phù Liễn	Q. Kiến An	20° 47' 37"	106° 37' 43"					F-48-82-A-d
núi Cột Cờ	SV	P. Phù Liễn	Q. Kiến An	20° 47' 44"	106° 36' 44"					F-48-82-A-c
Núi Vọ	SV	P. Phù Liễn	Q. Kiến An	20° 46' 54"	106° 38' 09"					F-48-82-A-d
kênh trục chính Sông Đa Độ (sông Đa Độ)	TV	P. Phù Liễn	Q. Kiến An			20° 50' 24"	106° 29' 46"	20° 42' 00"	106° 40' 50"	F-48-82-A-d
tổ dân phố Lê Duẩn 2	DC	P. Quán Trữ	Q. Kiến An	20° 49' 33"	106° 38' 28"					F-48-82-A-d
chợ Đầm Triều	KX	P. Quán Trữ	Q. Kiến An	20° 49' 33"	106° 39' 00"					F-48-82-A-d
đình Trữ Khê	KX	P. Quán Trữ	Q. Kiến An	20° 49' 26"	106° 39' 05"					F-48-82-A-d
đường Bắc Sơn - Nam Hải	KX	P. Quán Trữ	Q. Kiến An			20° 52' 18"	106° 34' 49"	20° 49' 51"	106° 41' 51"	F-48-82-A-d
đường Cựu Viên	KX	P. Quán Trữ	Q. Kiến An			20° 49' 24"	106° 38' 01"	20° 49' 05"	106° 38' 41"	F-48-82-A-d
đường Đồng Hòa	KX	P. Quán Trữ	Q. Kiến An			20° 49' 23"	106° 38' 50"	20° 49' 07"	106° 39' 50"	F-48-82-A-d
đường Trần Nhân Tông	KX	P. Quán Trữ	Q. Kiến An			20° 49' 23"	106° 38' 50"	20° 48' 15"	106° 37' 26"	F-48-82-A-d
phố Lê Duẩn	KX	P. Quán Trữ	Q. Kiến An			20° 49' 23"	106° 38' 50"	20° 49' 12"	106° 37' 37"	F-48-82-A-d
phố Trường Chinh	KX	P. Quán Trữ	Q. Kiến An			20° 50' 18"	106° 39' 42"	20° 49' 23"	106° 38' 50"	F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Quán Trữ	KX	P. Quán Trữ	Q. Kiến An	20° 49' 27"	106° 38' 47"					F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Lạch Tray	TV	P. Quán Trữ	Q. Kiến An			20° 51' 20"	106° 29' 02"	20° 46' 40"	106° 45' 41"	F-48-82-A-d
đền Tây Sơn	KX	P. Trần Thành Ngọ	Q. Kiến An	20° 48' 38"	106° 37' 39"					F-48-82-A-d
đường Tây Sơn	KX	P. Trần Thành Ngọ	Q. Kiến An			20° 48' 35"	106° 37' 26"	20° 48' 59"	106° 37' 30"	F-48-82-A-c, F-48-82-A-d
Đường tỉnh 351	KX	P. Trần Thành Ngọ	Q. Kiến An			20° 48' 15"	106° 37' 26"	20° 53' 25"	106° 36' 11"	F-48-82-A-c
Đường tỉnh 354	KX	P. Trần Thành Ngọ	Q. Kiến An			20° 48' 15"	106° 37' 26"	20° 38' 40"	106° 32' 31"	F-48-82-A-c
đường Trần Nhân Tông	KX	P. Trần Thành Ngọ	Q. Kiến An			20° 49' 23"	106° 38' 50"	20° 48' 15"	106° 37' 26"	F-48-82-A-c, F-48-82-A-d
phố Phan Đăng Lưu	KX	P. Trần Thành Ngọ	Q. Kiến An			20° 48' 54"	106° 37' 19"	20° 48' 15"	106° 37' 26"	F-48-82-A-c
phố Trần Tất Văn	KX	P. Trần Thành Ngọ	Q. Kiến An			20° 48' 15"	106° 37' 26"	20° 46' 55"	106° 36' 46"	F-48-82-A-c
phố Trần Thành Ngọ	KX	P. Trần Thành Ngọ	Q. Kiến An			20° 48' 55"	106° 37' 26"	20° 48' 15"	106° 37' 26"	F-48-82-A-c
siêu thị Điện Máy Xanh	KX	P. Trần Thành Ngọ	Q. Kiến An	20° 48' 38"	106° 37' 27"					F-48-82-A-c
Trường Thực hành Tiểu học Tổ dân phố Số 12	KX	P. Trần Thành Ngọ	Q. Kiến An	20° 48' 20"	106° 37' 23"					F-48-82-A-c
Trường Tiểu học Trần Thành Ngọ	KX	P. Trần Thành Ngọ	Q. Kiến An	20° 48' 54"	106° 37' 32"					F-48-82-A-d
núi Thiên Văn	SV	P. Trần Thành Ngọ	Q. Kiến An	20° 48' 46"	106° 37' 51"					F-48-82-A-c, F-48-82-A-d
tổ dân phố Minh Khai 3	DC	P. Tràng Minh	Q. Kiến An	20° 47' 42"	106° 37' 07"					F-48-82-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố Thi Đua 2	DC	P. Tràng Minh	Q. Kiến An	20° 47' 28"	106° 37' 14"					F-48-82-A-c
Bệnh viện Bệnh lao và bệnh phổi Hải Phòng	KX	P. Tràng Minh	Q. Kiến An	20° 47' 30"	106° 36' 54"					F-48-82-A-c
cầu Nguyệt Áng	KX	P. Tràng Minh	Q. Kiến An	20° 46' 54"	106° 36' 45"					F-48-82-A-c
đình Phù Lưu	KX	P. Tràng Minh	Q. Kiến An	20° 47' 17"	106° 37' 00"					F-48-82-A-c
đường Phù Lưu	KX	P. Tràng Minh	Q. Kiến An			20° 47' 27"	106° 37' 02"	20° 47' 05"	106° 37' 48"	F-48-82-A-c, F-48-82-A-d
đường Quy Tức	KX	P. Tràng Minh	Q. Kiến An			20° 48' 04"	106° 37' 33"	20° 47' 21"	106° 37' 14"	F-48-82-A-c
Đường tỉnh 354	KX	P. Tràng Minh	Q. Kiến An			20° 48' 15"	106° 37' 26"	20° 38' 40"	106° 32' 31"	F-48-82-A-c
phố Trần Tất Văn	KX	P. Tràng Minh	Q. Kiến An			20° 48' 15"	106° 37' 26"	20° 46' 55"	106° 36' 46"	F-48-82-A-c
Trường Tiểu học Trần Quốc Toản	KX	P. Tràng Minh	Q. Kiến An	20° 47' 23"	106° 37' 14"					F-48-82-A-c
từ đường họ Phạm Đức	KX	P. Tràng Minh	Q. Kiến An	20° 47' 17"	106° 37' 23"					F-48-82-A-c
núi Cột Cờ	SV	P. Tràng Minh	Q. Kiến An	20° 47' 44"	106° 36' 44"					F-48-82-A-c
kênh trục chính Sông Đa Độ (sông Đa Độ)	TV	P. Tràng Minh	Q. Kiến An			20° 50' 24"	106° 29' 46"	20° 42' 00"	106° 40' 50"	F-48-82-A-c, F-48-82-A-d
tổ dân phố Đẩu Sơn 4	DC	P. Văn Đẩu	Q. Kiến An	20° 47' 26"	106° 39' 02"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Đẩu Vũ 2	DC	P. Văn Đẩu	Q. Kiến An	20° 48' 04"	106° 38' 03"					F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đình Đẩu Sơn	KX	P. Văn Đẩu	Q. Kiến An	20° 47' 24"	106° 38' 49"					F-48-82-A-d
đường Chiêu Chinh	KX	P. Văn Đẩu	Q. Kiến An			20° 48' 36"	106° 38' 14"	20° 47' 34"	106° 38' 34"	F-48-82-A-d
đường Nguyễn Lương Bằng	KX	P. Văn Đẩu	Q. Kiến An			20° 48' 15"	106° 37' 26"	20° 47' 31"	106° 39' 11"	F-48-82-A-c, F-48-82-A-d
Đường tỉnh 355	KX	P. Văn Đẩu	Q. Kiến An			20° 48' 15"	106° 37' 26"	20° 47' 58"	106° 42' 33"	F-48-82-A-c, F-48-82-A-d
đường Trần Nhân Tông	KX	P. Văn Đẩu	Q. Kiến An			20° 49' 23"	106° 38' 50"	20° 48' 15"	106° 37' 26"	F-48-82-A-c, F-48-82-A-d
nghĩa trang Kiến An	KX	P. Văn Đẩu	Q. Kiến An	20° 47' 28"	106° 38' 13"					F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Kim Đồng (Cơ sở 1)	KX	P. Văn Đẩu	Q. Kiến An	20° 47' 24"	106° 38' 50"					F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Kim Đồng (Cơ sở 2)	KX	P. Văn Đẩu	Q. Kiến An	20° 48' 00"	106° 38' 03"					F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Lê Hồng Phong (Cơ sở 1)	KX	P. Văn Đẩu	Q. Kiến An	20° 48' 11"	106° 37' 32"					F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Lê Hồng Phong (Cơ sở 2)	KX	P. Văn Đẩu	Q. Kiến An	20° 48' 04"	106° 37' 37"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Trần Phú	KX	P. Văn Đẩu	Q. Kiến An	20° 48' 06"	106° 37' 36"					F-48-82-A-d
núi Thiên Văn	SV	P. Văn Đẩu	Q. Kiến An	20° 48' 46"	106° 37' 51"					F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh trục chính Sông Đa Độ (sông Đa Độ)	TV	P. Văn Đẩu	Q. Kiến An			20° 50' 24"	106° 29' 46"	20° 42' 00"	106° 40' 50"	F-48-82-A-d
Cơ sở Đảng (1929 - 1930)	KX	P. An Biên	Q. Lê Chân	20° 51' 18"	106° 40' 39"					F-48-82-A-d
Đền Nghè	KX	P. An Biên	Q. Lê Chân	20° 51' 20"	106° 40' 43"					F-48-82-A-d
đình An Biên	KX	P. An Biên	Q. Lê Chân	20° 51' 19"	106° 40' 35"					F-48-82-A-d
đường Cát Cụt	KX	P. An Biên	Q. Lê Chân			20° 51' 05"	106° 40' 31"	20° 51' 21"	106° 40' 27"	F-48-82-A-d
đường Mê Linh	KX	P. An Biên	Q. Lê Chân			20° 51' 24"	106° 40' 41"	20° 51' 07"	106° 40' 44"	F-48-82-A-d
đường Nguyễn Đức Cảnh	KX	P. An Biên	Q. Lê Chân			20° 51' 25"	106° 40' 47"	20° 51' 14"	106° 39' 54"	F-48-82-A-d
phố Hai Bà Trưng	KX	P. An Biên	Q. Lê Chân			20° 51' 08"	106° 40' 08"	20° 51' 17"	106° 40' 55"	F-48-82-A-d
Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên quận Lê Chân	KX	P. An Biên	Q. Lê Chân	20° 51' 16"	106° 40' 35"					F-48-82-A-d
Trung tâm Y tế dự phòng quận Lê Chân	KX	P. An Biên	Q. Lê Chân	20° 51' 21"	106° 40' 30"					F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Minh Khai	KX	P. An Biên	Q. Lê Chân	20° 51' 20"	106° 40' 44"					F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Nguyễn Văn Tố	KX	P. An Biên	Q. Lê Chân	20° 51' 11"	106° 40' 28"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Ngô Quyền	KX	P. An Biên	Q. Lê Chân	20° 51' 21"	106° 40' 36"					F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Trung học phổ thông Ngô Quyền	KX	P. An Biên	Q. Lê Chân	20° 51' 22"	106° 40' 40"					F-48-82-A-d
Trường Trung học Văn Hóa nghệ thuật Hải Phòng	KX	P. An Biên	Q. Lê Chân	20° 51' 16"	106° 40' 49"					F-48-82-A-d
hồ Tam Bạc	TV	P. An Biên	Q. Lê Chân	20° 51' 21"	106° 40' 21"					F-48-82-A-d
chùa An Dương	KX	P. An Dương	Q. Lê Chân	20° 50' 56"	106° 39' 48"					F-48-82-A-d
đường Nguyễn Công Hòa	KX	P. An Dương	Q. Lê Chân			20° 50' 46"	106° 40' 08"	20° 50' 51"	106° 39' 30"	F-48-82-A-d
đường Tôn Đức Thắng	KX	P. An Dương	Q. Lê Chân			20° 51' 01"	106° 40' 10"	20° 50' 58"	106° 39' 32"	F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Nguyễn Bá Ngọc	KX	P. An Dương	Q. Lê Chân	20° 50' 59"	106° 39' 54"					F-48-82-A-d
Trường Trung học phổ thông Trần Nguyên Hãn	KX	P. An Dương	Q. Lê Chân	20° 50' 50"	106° 39' 52"					F-48-82-A-d
Bệnh viện Hữu Nghị Việt - Tiệp	KX	P. Cát Dài	Q. Lê Chân	20° 51' 12"	106° 40' 11"					F-48-82-A-d
Cầu Quay	KX	P. Cát Dài	Q. Lê Chân	20° 51' 16"	106° 39' 52"					F-48-82-A-d
cầu Tam Bạc	KX	P. Cát Dài	Q. Lê Chân	20° 51' 17"	106° 39' 54"					F-48-82-A-d
Công ty cổ phần Thảm len Hàng Kênh	KX	P. Cát Dài	Q. Lê Chân	20° 51' 17"	106° 40' 14"					F-48-82-A-d
đường Nguyễn Đức Cảnh	KX	P. Cát Dài	Q. Lê Chân			20° 51' 25"	106° 40' 47"	20° 51' 14"	106° 39' 54"	F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường Trần Nguyên Hãn	KX	P. Cát Dài	Q. Lê Chân			20° 50' 22"	106° 39' 47"	20° 51' 17"	106° 40' 06"	F-48-82-A-d
nhà 1A Bệnh viện Việt Tiệp	KX	P. Cát Dài	Q. Lê Chân	20° 50' 17"	106° 40' 14"					F-48-82-A-d
phố Hai Bà Trưng	KX	P. Cát Dài	Q. Lê Chân			20° 51' 08"	106° 40' 08"	20° 51' 17"	106° 40' 55"	F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Trần Phú	KX	P. Cát Dài	Q. Lê Chân	20° 51' 18"	106° 40' 24"					F-48-82-A-d
hồ Tam Bạc	TV	P. Cát Dài	Q. Lê Chân	20° 51' 21"	106° 40' 21"					F-48-82-A-d
sông Tam Bạc	TV	P. Cát Dài	Q. Lê Chân			20° 51' 40"	106° 38' 55"	20° 52' 02"	106° 40' 27"	F-48-82-A-d
đường Chợ Hàng	KX	P. Đông Hải	Q. Lê Chân			20° 50' 42"	106° 41' 03"	20° 50' 12"	106° 40' 37"	F-48-82-A-d
đường Đình Đông	KX	P. Đông Hải	Q. Lê Chân			20° 50' 40"	106° 41' 27"	20° 50' 42"	106° 41' 03"	F-48-82-A-d
đường Hàng Kênh	KX	P. Đông Hải	Q. Lê Chân			20° 51' 10"	106° 40' 59"	20° 50' 42"	106° 41' 03"	F-48-82-A-d
đường Nguyễn Văn Linh	KX	P. Đông Hải	Q. Lê Chân			20° 50' 30"	106° 41' 32"	20° 50' 43"	106° 39' 25"	F-48-82-A-d
phố Lạch Tray	KX	P. Đông Hải	Q. Lê Chân			20° 51' 11"	106° 41' 03"	20° 49' 51"	106° 41' 51"	F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Tân Trào	KX	P. Đông Hải	Q. Lê Chân	20° 50' 44"	106° 41' 09"					F-48-82-A-d
chợ Cột Đèn	KX	P. Dư Hàng	Q. Lê Chân	20° 50' 57"	106° 40' 33"					F-48-82-A-d
chùa Hàng Kênh	KX	P. Dư Hàng	Q. Lê Chân	20° 50' 49"	106° 40' 45"					F-48-82-A-d
đường Chùa Hàng	KX	P. Dư Hàng	Q. Lê Chân			20° 51' 05"	106° 40' 31"	20° 50' 38"	106° 40' 24"	F-48-82-A-d
đường Dư Hàng	KX	P. Dư Hàng	Q. Lê Chân			20° 50' 52"	106° 40' 47"	20° 51' 02"	106° 40' 30"	F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường Hồ Sen	KX	P. Dư Hàng	Q. Lê Chân			20° 51' 07"	106° 40' 44"	20° 50' 40"	106° 40' 46"	F-48-82-A-d
đường Miếu Hai Xã	KX	P. Dư Hàng	Q. Lê Chân			20° 50' 52"	106° 40' 44"	20° 50' 12"	106° 40' 37"	F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Dư Hàng	KX	P. Dư Hàng	Q. Lê Chân	20° 50' 47"	106° 40' 28"					F-48-82-A-d
Chợ Hàng	KX	P. Dư Hàng Kênh	Q. Lê Chân	20° 50' 09"	106° 40' 33"					F-48-82-A-d
chùa Phổ Chiếu	KX	P. Dư Hàng Kênh	Q. Lê Chân	20° 50' 36"	106° 40' 32"					F-48-82-A-d
Cơ sở Đảng CSVN 1936 - 1939	KX	P. Dư Hàng Kênh	Q. Lê Chân	20° 50' 31"	106° 40' 52"					F-48-82-A-d
Công ty cổ phần May Đại Việt	KX	P. Dư Hàng Kênh	Q. Lê Chân	20° 50' 26"	106° 41' 12"					F-48-82-A-d
đình Dư Hàng	KX	P. Dư Hàng Kênh	Q. Lê Chân	20° 50' 43"	106° 40' 29"					F-48-82-A-d
đường Chợ Hàng	KX	P. Dư Hàng Kênh	Q. Lê Chân			20° 50' 42"	106° 41' 03"	20° 50' 12"	106° 40' 37"	F-48-82-A-d
đường Chùa Hàng	KX	P. Dư Hàng Kênh	Q. Lê Chân			20° 51' 05"	106° 40' 31"	20° 50' 38"	106° 40' 24"	F-48-82-A-d
đường Dân Lập	KX	P. Dư Hàng Kênh	Q. Lê Chân			20° 50' 27"	106° 41' 01"	20° 50' 19"	106° 41' 13"	F-48-82-A-d
đường Hoàng Minh Thảo	KX	P. Dư Hàng Kênh	Q. Lê Chân			20° 50' 07"	106° 40' 38"	20° 50' 46"	106° 40' 08"	F-48-82-A-d
đường Miếu Hai Xã	KX	P. Dư Hàng Kênh	Q. Lê Chân			20° 50' 52"	106° 40' 44"	20° 50' 12"	106° 40' 37"	F-48-82-A-d
đường Nguyễn Văn Linh	KX	P. Dư Hàng Kênh	Q. Lê Chân			20° 50' 30"	106° 41' 32"	20° 50' 43"	106° 39' 25"	F-48-82-A-d
Trường Đại học Dân lập Hải Phòng	KX	P. Dư Hàng Kênh	Q. Lê Chân	20° 50' 22"	106° 41' 09"					F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Tiểu học Dư Hàng Kênh	KX	P. Dư Hàng Kênh	Q. Lê Chân	20° 50' 10"	106° 40' 54"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Dư Hàng Kênh	KX	P. Dư Hàng Kênh	Q. Lê Chân	20° 50' 13"	106° 40' 36"					F-48-82-A-d
từ đường họ Dương	KX	P. Dư Hàng Kênh	Q. Lê Chân	20° 50' 13"	106° 40' 40"					F-48-82-A-d
hồ Dư Hàng	TV	P. Dư Hàng Kênh	Q. Lê Chân	20° 50' 31"	106° 40' 28"					F-48-82-A-d
Công ty cổ phần Da giầy và Phát triển Hải Phòng	KX	P. Hàng Kênh	Q. Lê Chân	20° 50' 47"	106° 41' 02"					F-48-82-A-d
Đình Kênh	KX	P. Hàng Kênh	Q. Lê Chân	20° 50' 50"	106° 40' 56"					F-48-82-A-d
đường Hàng Kênh	KX	P. Hàng Kênh	Q. Lê Chân			20° 51' 10"	106° 40' 59"	20° 50' 42"	106° 41' 03"	F-48-82-A-d
đường Hồ Sen	KX	P. Hàng Kênh	Q. Lê Chân			20° 51' 07"	106° 40' 44"	20° 50' 40"	106° 40' 46"	F-48-82-A-d
đường Nguyễn Công Trứ	KX	P. Hàng Kênh	Q. Lê Chân			20° 50' 55"	106° 41' 01"	20° 50' 49"	106° 40' 48"	F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Nguyễn Công Trứ	KX	P. Hàng Kênh	Q. Lê Chân	20° 50' 48"	106° 40' 53"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Hoàng Diệu	KX	P. Hàng Kênh	Q. Lê Chân	20° 50' 49"	106° 40' 58"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Trương Công Định	KX	P. Hàng Kênh	Q. Lê Chân	20° 50' 48"	106° 40' 51"					F-48-82-A-d
chùa Dư Hàng	KX	P. Hồ Nam	Q. Lê Chân	20° 50' 54"	106° 40' 27"					F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường Cát Cụt	KX	P. Hồ Nam	Q. Lê Chân			20° 51' 05"	106° 40' 31"	20° 51' 21"	106° 40' 27"	F-48-82-A-d
đường Chùa Hàng	KX	P. Hồ Nam	Q. Lê Chân			20° 51' 05"	106° 40' 31"	20° 50' 38"	106° 40' 24"	F-48-82-A-d
phố Tô Hiệu	KX	P. Hồ Nam	Q. Lê Chân			20° 51' 01"	106° 40' 10"	20° 51' 11"	106° 41' 03"	F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Tô Hiệu	KX	P. Hồ Nam	Q. Lê Chân	20° 51' 01"	106° 40' 18"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Số 5	DC	P. Kênh Dương	Q. Lê Chân	20° 50' 02"	106° 41' 05"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Số 10	DC	P. Kênh Dương	Q. Lê Chân	20° 50' 06"	106° 41' 31"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Số 11	DC	P. Kênh Dương	Q. Lê Chân	20° 49' 52"	106° 41' 14"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Số 12	DC	P. Kênh Dương	Q. Lê Chân	20° 50' 05"	106° 40' 35"					F-48-82-A-d
đình Hào Khê	KX	P. Kênh Dương	Q. Lê Chân	20° 49' 57"	106° 41' 23"					F-48-82-A-d
đường Bắc Sơn - Nam Hải	KX	P. Kênh Dương	Q. Lê Chân			20° 52' 18"	106° 34' 49"	20° 49' 51"	106° 41' 51"	F-48-82-A-d
đường Nguyễn Bình	KX	P. Kênh Dương	Q. Lê Chân			20° 50' 27"	106° 41' 53"	20° 50' 14"	106° 41' 17"	F-48-82-A-d
đường Nguyễn Văn Linh	KX	P. Kênh Dương	Q. Lê Chân			20° 50' 30"	106° 41' 32"	20° 50' 43"	106° 39' 25"	F-48-82-A-d
đường Thiên Lôi	KX	P. Kênh Dương	Q. Lê Chân			20° 50' 32"	106° 39' 55"	20° 49' 46"	106° 41' 52"	F-48-82-A-d
đường Võ Nguyên Giáp	KX	P. Kênh Dương	Q. Lê Chân			20° 50' 08"	106° 40' 53"	20° 49' 05"	106° 41' 43"	F-48-82-A-d
phố Kênh Dương	KX	P. Kênh Dương	Q. Lê Chân			20° 50' 19"	106° 41' 13"	20° 50' 05"	106° 41' 26"	F-48-82-A-d
phố Lạch Tray	KX	P. Kênh Dương	Q. Lê Chân			20° 51' 11"	106° 41' 03"	20° 49' 51"	106° 41' 51"	F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
phố Nguyễn Tất Tố	KX	P. Kênh Dương	Q. Lê Chân			20° 49' 56"	106° 41' 10"	20° 50' 07"	106° 41' 24"	F-48-82-A-d
phố Trại Lẻ	KX	P. Kênh Dương	Q. Lê Chân			20° 50' 09"	106° 40' 57"	20° 49' 49"	106° 41' 16"	F-48-82-A-d
Trường Cao đẳng Nghề Thủy sản Miền Bắc	KX	P. Kênh Dương	Q. Lê Chân	20° 49' 47"	106° 41' 29"					F-48-82-A-d
Trường Đại học Hàng Hải Việt Nam	KX	P. Kênh Dương	Q. Lê Chân	20° 50' 17"	106° 41' 36"					F-48-82-A-d
Trường Trung học phổ thông Dân lập Hàng Hải	KX	P. Kênh Dương	Q. Lê Chân	20° 50' 14"	106° 41' 37"					F-48-82-A-d
Viện Y học biển Việt Nam	KX	P. Kênh Dương	Q. Lê Chân	20° 49' 53"	106° 40' 59"					F-48-82-A-d
Bệnh viện Đa khoa Lê Chân	KX	P. Lam Sơn	Q. Lê Chân	20° 50' 59"	106° 39' 44"					F-48-82-A-d
Bệnh viện Mắt Hải Phòng	KX	P. Lam Sơn	Q. Lê Chân	20° 50' 49"	106° 39' 33"					F-48-82-A-d
cầu An Dương	KX	P. Lam Sơn	Q. Lê Chân	20° 50' 58"	106° 39' 32"					F-48-82-A-d
cầu An Đồng	KX	P. Lam Sơn	Q. Lê Chân	20° 50' 44"	106° 39' 23"					F-48-82-A-d
Cầu Quay	KX	P. Lam Sơn	Q. Lê Chân	20° 51' 16"	106° 39' 52"					F-48-82-A-d
đường Lam Sơn	KX	P. Lam Sơn	Q. Lê Chân			20° 50' 56"	106° 39' 45"	20° 51' 12"	106° 39' 46"	F-48-82-A-d
đường Nguyễn Công Hòa	KX	P. Lam Sơn	Q. Lê Chân			20° 50' 46"	106° 40' 08"	20° 50' 51"	106° 39' 30"	F-48-82-A-d
đường Nguyên Hồng	KX	P. Lam Sơn	Q. Lê Chân			20° 51' 00"	106° 39' 35"	20° 50' 56"	106° 39' 42"	F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường Nguyễn Văn Linh	KX	P. Lam Sơn	Q. Lê Chân			20° 50' 30"	106° 41' 32"	20° 50' 43"	106° 39' 25"	F-48-82-A-d
đường Tôn Đức Thắng	KX	P. Lam Sơn	Q. Lê Chân			20° 51' 01"	106° 40' 10"	20° 50' 58"	106° 39' 32"	F-48-82-A-d
phố Đinh Nhu	KX	P. Lam Sơn	Q. Lê Chân			20° 50' 48"	106° 39' 27"	20° 50' 41"	106° 39' 41"	F-48-82-A-d
phố Lán Bè	KX	P. Lam Sơn	Q. Lê Chân			20° 51' 14"	106° 39' 54"	20° 50' 43"	106° 39' 25"	F-48-82-A-d
Trường Mầm non 1 - 6	KX	P. Lam Sơn	Q. Lê Chân	20° 51' 09"	106° 39' 49"					F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Nguyễn Đức Cảnh	KX	P. Lam Sơn	Q. Lê Chân	20° 51' 05"	106° 39' 51"					F-48-82-A-d
Trường Trung cấp Nghề Giao thông vận tải đường Thủy	KX	P. Lam Sơn	Q. Lê Chân	20° 50' 44"	106° 39' 31"					F-48-82-A-d
kênh đào Thượng Lý	TV	P. Lam Sơn	Q. Lê Chân			20° 51' 13"	106° 39' 42"	20° 50' 42"	106° 39' 22"	F-48-82-A-d
sông Lạch Tray	TV	P. Lam Sơn	Q. Lê Chân			20° 51' 20"	106° 29' 02"	20° 46' 40"	106° 45' 41"	F-48-82-A-d
sông Tam Bạc	TV	P. Lam Sơn	Q. Lê Chân			20° 51' 40"	106° 38' 55"	20° 52' 02"	106° 40' 27"	F-48-82-A-d
Cầu Niệm	KX	P. Nghĩa Xá	Q. Lê Chân	20° 50' 20"	106° 39' 44"					F-48-82-A-d
chợ Đôn Niệm	KX	P. Nghĩa Xá	Q. Lê Chân	20° 50' 28"	106° 40' 03"					F-48-82-A-d
đường Hoàng Minh Thảo	KX	P. Nghĩa Xá	Q. Lê Chân			20° 50' 07"	106° 40' 38"	20° 50' 46"	106° 40' 08"	F-48-82-A-d
đường Nguyễn Văn Linh	KX	P. Nghĩa Xá	Q. Lê Chân			20° 50' 30"	106° 41' 32"	20° 50' 43"	106° 39' 25"	F-48-82-A-d
đường Thiên Lôi	KX	P. Nghĩa Xá	Q. Lê Chân			20° 50' 32"	106° 39' 55"	20° 49' 46"	106° 41' 52"	F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường Trần Nguyên Hãn	KX	P. Nghĩa Xá	Q. Lê Chân			20° 50' 22"	106° 39' 47"	20° 51' 17"	106° 40' 06"	F-48-82-A-d
phố Phạm Tử Nghi	KX	P. Nghĩa Xá	Q. Lê Chân			20° 50' 26"	106° 40' 02"	20° 50' 14"	106° 40' 02"	F-48-82-A-d
phố Vũ Chí Thắng	KX	P. Nghĩa Xá	Q. Lê Chân			20° 50' 24"	106° 40' 22"	20° 50' 46"	106° 40' 07"	F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Trưng Vương	KX	P. Nghĩa Xá	Q. Lê Chân	20° 50' 42"	106° 40' 12"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Lê Chân	KX	P. Nghĩa Xá	Q. Lê Chân	20° 50' 35"	106° 40' 16"					F-48-82-A-d
từ Chính Nghĩa Xá	KX	P. Nghĩa Xá	Q. Lê Chân	20° 50' 28"	106° 39' 57"					F-48-82-A-d
sông Lạch Tray	TV	P. Nghĩa Xá	Q. Lê Chân			20° 51' 20"	106° 29' 02"	20° 46' 40"	106° 45' 41"	F-48-82-A-d
Bệnh viện Phụ sản Quốc tế	KX	P. Niệm Nghĩa	Q. Lê Chân	20° 50' 35"	106° 39' 38"					F-48-82-A-d
Cầu Niệm	KX	P. Niệm Nghĩa	Q. Lê Chân	20° 50' 20"	106° 39' 44"					F-48-82-A-d
đường Nguyễn Công Hòa	KX	P. Niệm Nghĩa	Q. Lê Chân			20° 50' 46"	106° 40' 08"	20° 50' 51"	106° 39' 30"	F-48-82-A-d
đường Nguyễn Văn Linh	KX	P. Niệm Nghĩa	Q. Lê Chân			20° 50' 30"	106° 41' 32"	20° 50' 43"	106° 39' 25"	F-48-82-A-d
đường Trần Nguyên Hãn	KX	P. Niệm Nghĩa	Q. Lê Chân			20° 50' 22"	106° 39' 47"	20° 51' 17"	106° 40' 06"	F-48-82-A-d
miếu An Dương	KX	P. Niệm Nghĩa	Q. Lê Chân	20° 50' 40"	106° 40' 00"					F-48-82-A-d
phố Đinh Nhu	KX	P. Niệm Nghĩa	Q. Lê Chân			20° 50' 48"	106° 39' 27"	20° 50' 41"	106° 39' 41"	F-48-82-A-d
phố Phạm Hữu Điều	KX	P. Niệm Nghĩa	Q. Lê Chân			20° 50' 35"	106° 39' 58"	20° 50' 42"	106° 39' 46"	F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Tiểu học Võ Thị Sáu	KX	P. Niệm Nghĩa	Q. Lê Chân	20° 50' 42"	106° 39' 58"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Võ Thị Sáu	KX	P. Niệm Nghĩa	Q. Lê Chân	20° 50' 41"	106° 39' 58"					F-48-82-A-d
sông Lạch Tray	TV	P. Niệm Nghĩa	Q. Lê Chân			20° 51' 20"	106° 29' 02"	20° 46' 40"	106° 45' 41"	F-48-82-A-d
Bệnh viện Đa khoa Lê Chân	KX	P. Trại Cau	Q. Lê Chân	20° 51' 07"	106° 40' 43"					F-48-82-A-d
Chợ Con	KX	P. Trại Cau	Q. Lê Chân	20° 51' 05"	106° 40' 57"					F-48-82-A-d
đường Chợ Con	KX	P. Trại Cau	Q. Lê Chân			20° 51' 04"	106° 41' 00"	20° 51' 03"	106° 40' 45"	F-48-82-A-d
đường Chùa Hàng	KX	P. Trại Cau	Q. Lê Chân			20° 51' 05"	106° 40' 31"	20° 50' 38"	106° 40' 24"	F-48-82-A-d
đường Hàng Kênh	KX	P. Trại Cau	Q. Lê Chân			20° 51' 10"	106° 40' 59"	20° 50' 42"	106° 41' 03"	F-48-82-A-d
đường Hồ Sen	KX	P. Trại Cau	Q. Lê Chân			20° 51' 07"	106° 40' 44"	20° 50' 40"	106° 40' 46"	F-48-82-A-d
đường Mê Linh	KX	P. Trại Cau	Q. Lê Chân			20° 51' 24"	106° 40' 41"	20° 51' 07"	106° 40' 44"	F-48-82-A-d
phố Tô Hiệu	KX	P. Trại Cau	Q. Lê Chân			20° 51' 01"	106° 40' 10"	20° 51' 11"	106° 41' 03"	F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Lê Văn Tám	KX	P. Trại Cau	Q. Lê Chân	20° 51' 06"	106° 40' 51"					F-48-82-A-d
chợ An Dương	KX	P. Trần Nguyên Hãn	Q. Lê Chân	20° 51' 03"	106° 40' 06"					F-48-82-A-d
đường Hoàng Minh Thảo	KX	P. Trần Nguyên Hãn	Q. Lê Chân			20° 50' 07"	106° 40' 38"	20° 50' 46"	106° 40' 08"	F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường Nguyễn Công Hòa	KX	P. Trần Nguyên Hãn	Q. Lê Chân			20° 50' 46"	106° 40' 08"	20° 50' 51"	106° 39' 30"	F-48-82-A-d
đường Tôn Đức Thắng	KX	P. Trần Nguyên Hãn	Q. Lê Chân			20° 51' 01"	106° 40' 10"	20° 50' 58"	106° 39' 32"	F-48-82-A-d
đường Trần Nguyên Hãn	KX	P. Trần Nguyên Hãn	Q. Lê Chân			20° 50' 22"	106° 39' 47"	20° 51' 17"	106° 40' 06"	F-48-82-A-d
phố Tô Hiệu	KX	P. Trần Nguyên Hãn	Q. Lê Chân			20° 51' 01"	106° 40' 10"	20° 51' 11"	106° 41' 03"	F-48-82-A-d
Trường Cao đẳng Y tế Hải Phòng	KX	P. Trần Nguyên Hãn	Q. Lê Chân	20° 50' 51"	106° 40' 13"					F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Trần Hưng Đạo	KX	P. Trần Nguyên Hãn	Q. Lê Chân	20° 51' 03"	106° 40' 15"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Số 24	DC	P. Vĩnh Niệm	Q. Lê Chân	20° 49' 35"	106° 40' 35"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Số 25	DC	P. Vĩnh Niệm	Q. Lê Chân	20° 49' 32"	106° 40' 32"					F-48-82-A-d
chùa Hải Ninh	KX	P. Vĩnh Niệm	Q. Lê Chân	20° 49' 56"	106° 40' 25"					F-48-82-A-d
chùa Linh Quang	KX	P. Vĩnh Niệm	Q. Lê Chân	20° 50' 20"	106° 40' 00"					F-48-82-A-d
Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm	KX	P. Vĩnh Niệm	Q. Lê Chân	20° 49' 50"	106° 40' 16"					F-48-82-A-d
đình Niệm Nghĩa	KX	P. Vĩnh Niệm	Q. Lê Chân	20° 49' 59"	106° 40' 17"					F-48-82-A-d
đường Bắc Sơn - Nam Hải	KX	P. Vĩnh Niệm	Q. Lê Chân			20° 52' 18"	106° 34' 49"	20° 49' 51"	106° 41' 51"	F-48-82-A-d
đường Nguyễn Văn Linh	KX	P. Vĩnh Niệm	Q. Lê Chân			20° 50' 30"	106° 41' 32"	20° 50' 43"	106° 39' 25"	F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường Thiên Lôi	KX	P. Vĩnh Niệm	Q. Lê Chân			20° 50' 32"	106° 39' 55"	20° 49' 46"	106° 41' 52"	F-48-82-A-d
đường Võ Nguyên Giáp	KX	P. Vĩnh Niệm	Q. Lê Chân			20° 50' 08"	106° 40' 53"	20° 49' 05"	106° 41' 43"	F-48-82-A-d
lăng Đôn Nghĩa	KX	P. Vĩnh Niệm	Q. Lê Chân	20° 50' 17"	106° 39' 59"					F-48-82-A-d
phố Nguyễn Sơn Hà	KX	P. Vĩnh Niệm	Q. Lê Chân			20° 50' 05"	106° 40' 15"	20° 49' 41"	106° 40' 15"	F-48-82-A-d
phố Phạm Tử Nghi	KX	P. Vĩnh Niệm	Q. Lê Chân			20° 50' 26"	106° 40' 02"	20° 50' 14"	106° 40' 02"	F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Vĩnh Niệm	KX	P. Vĩnh Niệm	Q. Lê Chân	20° 49' 58"	106° 40' 33"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Vĩnh Niệm	KX	P. Vĩnh Niệm	Q. Lê Chân	20° 49' 43"	106° 40' 39"					F-48-82-A-d
sông Lạch Tray	TV	P. Vĩnh Niệm	Q. Lê Chân			20° 51' 20"	106° 29' 02"	20° 46' 40"	106° 45' 41"	F-48-82-A-d
Chợ Ga	KX	P. Cầu Đất	Q. Ngô Quyền	20° 51' 23"	106° 40' 58"					F-48-82-A-d
đường Lương Khánh Thiện	KX	P. Cầu Đất	Q. Ngô Quyền			20° 51' 17"	106° 40' 55"	20° 51' 45"	106° 41' 25"	F-48-82-A-d
đường Trần Phú	KX	P. Cầu Đất	Q. Ngô Quyền			20° 51' 25"	106° 40' 47"	20° 52' 00"	106° 41' 14"	F-48-82-A-d
phố Cầu Đất	KX	P. Cầu Đất	Q. Ngô Quyền			20° 51' 25"	106° 40' 47"	20° 51' 11"	106° 41' 03"	F-48-82-A-d
phố Hai Bà Trưng	KX	P. Cầu Đất	Q. Ngô Quyền			20° 51' 08"	106° 40' 08"	20° 51' 17"	106° 40' 55"	F-48-82-A-d
phố Lê Lợi	KX	P. Cầu Đất	Q. Ngô Quyền			20° 51' 45"	106° 41' 38"	20° 51' 11"	106° 41' 03"	F-48-82-A-d
phố Tô Hiệu	KX	P. Cầu Đất	Q. Ngô Quyền			20° 51' 01"	106° 40' 10"	20° 51' 11"	106° 41' 03"	F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Tiểu học Nguyễn Khuyến	KX	P. Cầu Đất	Q. Ngô Quyền	20° 51' 20"	106° 41' 01"					F-48-82-A-d
đường Đà Nẵng	KX	P. Cầu Tre	Q. Ngô Quyền			20° 51' 45"	106° 41' 25"	20° 51' 43"	106° 43' 14"	F-48-82-A-d
đường Lê Thánh Tông	KX	P. Cầu Tre	Q. Ngô Quyền			20° 52' 00"	106° 41' 14"	20° 51' 43"	106° 43' 14"	F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Thái Phiên	KX	P. Cầu Tre	Q. Ngô Quyền	20° 51' 38"	106° 42' 01"					F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Trần Quốc Toản	KX	P. Cầu Tre	Q. Ngô Quyền	20° 51' 50"	106° 42' 13"					F-48-82-A-d
Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật và Công nghệ Hải Phòng	KX	P. Cầu Tre	Q. Ngô Quyền	20° 51' 39"	106° 42' 15"					F-48-82-A-d
Trường Trung học phổ thông Thái Phiên	KX	P. Cầu Tre	Q. Ngô Quyền	20° 51' 42"	106° 42' 15"					F-48-82-A-d
tổ dân phố An Đà Ngoại 2	DC	P. Đằng Giang	Q. Ngô Quyền	20° 50' 51"	106° 41' 45"					F-48-82-A-d
tổ dân phố Tổ 4 - Nam Pháp 2	DC	P. Đằng Giang	Q. Ngô Quyền	20° 50' 02"	106° 41' 52"					F-48-82-A-d
Bệnh viện Công An	KX	P. Đằng Giang	Q. Ngô Quyền	20° 50' 32"	106° 42' 04"					F-48-82-A-d
Bệnh viện Văn Cao	KX	P. Đằng Giang	Q. Ngô Quyền	20° 50' 08"	106° 42' 00"					F-48-82-A-d
Cầu Rào	KX	P. Đằng Giang	Q. Ngô Quyền	20° 49' 44"	106° 41' 51"					F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Cây đa 13 gốc	KX	P. Đằng Giang	Q. Ngô Quyền	20° 50' 26"	106° 42' 11"					F-48-82-A-d
chợ Cầu Rào	KX	P. Đằng Giang	Q. Ngô Quyền	20° 49' 57"	106° 41' 49"					F-48-82-A-d
chùa An Đà	KX	P. Đằng Giang	Q. Ngô Quyền	20° 51' 12"	106° 41' 29"					F-48-82-A-d
chùa Phụng Pháp (chùa Bảo Quang)	KX	P. Đằng Giang	Q. Ngô Quyền	20° 50' 24"	106° 42' 01"					F-48-82-A-d
đình Nam Pháp	KX	P. Đằng Giang	Q. Ngô Quyền	20° 49' 58"	106° 41' 50"					F-48-82-A-d
đình Phụng Pháp	KX	P. Đằng Giang	Q. Ngô Quyền	20° 50' 23"	106° 42' 01"					F-48-82-A-d
đường An Đà	KX	P. Đằng Giang	Q. Ngô Quyền			20° 50' 40"	106° 41' 27"	20° 50' 40"	106° 42' 19"	F-48-82-A-d
đường Bắc Sơn - Nam Hải	KX	P. Đằng Giang	Q. Ngô Quyền			20° 52' 18"	106° 34' 49"	20° 49' 51"	106° 41' 51"	F-48-82-A-d
đường Đông Khê	KX	P. Đằng Giang	Q. Ngô Quyền			20° 51' 20"	106° 41' 31"	20° 50' 49"	106° 42' 04"	F-48-82-A-d
đường Lê Hồng Phong	KX	P. Đằng Giang	Q. Ngô Quyền			20° 51' 45"	106° 41' 38"	20° 49' 30"	106° 43' 31"	F-48-82-A-d
đường Nguyễn Bình	KX	P. Đằng Giang	Q. Ngô Quyền			20° 50' 27"	106° 41' 53"	20° 50' 14"	106° 41' 17"	F-48-82-A-d
đường Nguyễn Bỉnh Khiêm	KX	P. Đằng Giang	Q. Ngô Quyền			20° 50' 30"	106° 41' 32"	20° 51' 24"	106° 43' 41"	F-48-82-A-d
đường Thiên Lôi	KX	P. Đằng Giang	Q. Ngô Quyền			20° 50' 32"	106° 39' 55"	20° 49' 46"	106° 41' 52"	F-48-82-A-d
miếu An Đà	KX	P. Đằng Giang	Q. Ngô Quyền	20° 50' 57"	106° 41' 40"					F-48-82-A-d
phố Lạch Tray	KX	P. Đằng Giang	Q. Ngô Quyền			20° 51' 11"	106° 41' 03"	20° 49' 51"	106° 41' 51"	F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
phố Văn Cao	KX	P. Đằng Giang	Q. Ngô Quyền			20° 50' 33"	106° 41' 51"	20° 49' 52"	106° 42' 05"	F-48-82-A-d
siêu thị Big C	KX	P. Đằng Giang	Q. Ngô Quyền	20° 50' 46"	106° 42' 20"					F-48-82-A-d
siêu thị PICO	KX	P. Đằng Giang	Q. Ngô Quyền	20° 50' 08"	106° 41' 45"					F-48-82-A-d
Trung tâm thương mại Thùy Dương Plaza	KX	P. Đằng Giang	Q. Ngô Quyền	20° 50' 50"	106° 42' 17"					F-48-82-A-d
Trường Đại học Hàng hải Việt Nam	KX	P. Đằng Giang	Q. Ngô Quyền	20° 49' 57"	106° 41' 43"					F-48-82-A-d
Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	KX	P. Đằng Giang	Q. Ngô Quyền	20° 50' 40"	106° 41' 45"					F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Đằng Giang	KX	P. Đằng Giang	Q. Ngô Quyền	20° 50' 47"	106° 41' 50"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở An Đà	KX	P. Đằng Giang	Q. Ngô Quyền	20° 50' 51"	106° 41' 57"					F-48-82-A-d
Trường Trung học phổ thông Tư thục Marie Curie	KX	P. Đằng Giang	Q. Ngô Quyền	20° 50' 17"	106° 41' 45"					F-48-82-A-d
hồ An Biên	TV	P. Đằng Giang	Q. Ngô Quyền	20° 51' 04"	106° 41' 30"					F-48-82-A-d
sông Lạch Tray	TV	P. Đằng Giang	Q. Ngô Quyền			20° 51' 20"	106° 29' 02"	20° 46' 40"	106° 45' 41"	F-48-82-A-d
tổ dân phố Số 6	DC	P. Đông Khê	Q. Ngô Quyền	20° 51' 21"	106° 41' 50"					F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố Số 30	DC	P. Đông Khê	Q. Ngô Quyền	20° 51' 15"	106° 42' 11"					F-48-82-A-d
Bệnh viện Tâm thần Hải Phòng	KX	P. Đông Khê	Q. Ngô Quyền	20° 51' 05"	106° 41' 56"					F-48-82-A-d
chợ Đông Khê	KX	P. Đông Khê	Q. Ngô Quyền	20° 50' 57"	106° 41' 53"					F-48-82-A-d
chùa Đông Khê	KX	P. Đông Khê	Q. Ngô Quyền	20° 51' 13"	106° 41' 34"					F-48-82-A-d
Công ty cổ phần Hapaco	KX	P. Đông Khê	Q. Ngô Quyền	20° 51' 28"	106° 41' 54"					F-48-82-A-d
đình Đông Khê	KX	P. Đông Khê	Q. Ngô Quyền	20° 51' 03"	106° 41' 46"					F-48-82-A-d
đường An Đà	KX	P. Đông Khê	Q. Ngô Quyền			20° 50' 40"	106° 41' 27"	20° 50' 40"	106° 42' 19"	F-48-82-A-d
đường Đông Khê	KX	P. Đông Khê	Q. Ngô Quyền			20° 51' 20"	106° 41' 31"	20° 50' 49"	106° 42' 04"	F-48-82-A-d
đường Lê Hồng Phong	KX	P. Đông Khê	Q. Ngô Quyền			20° 51' 45"	106° 41' 38"	20° 49' 30"	106° 43' 31"	F-48-82-A-d
siêu thị Điện máy Media Mart	KX	P. Đông Khê	Q. Ngô Quyền	20° 51' 27"	106° 41' 49"					F-48-82-A-d
siêu thị Điện Ngũ Phúc	KX	P. Đông Khê	Q. Ngô Quyền	20° 51' 25"	106° 41' 56"					F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Nguyễn Trãi	KX	P. Đông Khê	Q. Ngô Quyền	20° 51' 06"	106° 41' 59"					F-48-82-A-d
Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng	KX	P. Đồng Quốc Bình	Q. Ngô Quyền	20° 50' 18"	106° 41' 41"					F-48-82-A-d
chợ Đồng Quốc Bình	KX	P. Đồng Quốc Bình	Q. Ngô Quyền	20° 50' 21"	106° 41' 41"					F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam	KX	P. Đồng Quốc Bình	Q. Ngô Quyền	20° 50' 14"	106° 41' 42"					F-48-82-A-d
đường Nguyễn Bình	KX	P. Đồng Quốc Bình	Q. Ngô Quyền			20° 50' 27"	106° 41' 53"	20° 50' 14"	106° 41' 17"	F-48-82-A-d
phố Lạch Tray	KX	P. Đồng Quốc Bình	Q. Ngô Quyền			20° 51' 11"	106° 41' 03"	20° 49' 51"	106° 41' 51"	F-48-82-A-d
Trường Chính trị Tô Hiệu	KX	P. Đồng Quốc Bình	Q. Ngô Quyền	20° 50' 23"	106° 41' 33"					F-48-82-A-d
Trường Đại học Hải Phòng	KX	P. Đồng Quốc Bình	Q. Ngô Quyền	20° 50' 22"	106° 41' 27"					F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Lê Hồng Phong	KX	P. Đồng Quốc Bình	Q. Ngô Quyền	20° 50' 19"	106° 41' 43"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Lê Hồng Phong	KX	P. Đồng Quốc Bình	Q. Ngô Quyền	20° 50' 19"	106° 41' 45"					F-48-82-A-d
chùa Linh Quang	KX	P. Gia Viên	Q. Ngô Quyền	20° 51' 22"	106° 41' 27"					F-48-82-A-d
chùa Vân Quang	KX	P. Gia Viên	Q. Ngô Quyền	20° 51' 25"	106° 41' 23"					F-48-82-A-d
đình Gia Viên	KX	P. Gia Viên	Q. Ngô Quyền	20° 51' 24"	106° 41' 28"					F-48-82-A-d
nhà Số 168 phố Lê Lợi	KX	P. Gia Viên	Q. Ngô Quyền	20° 51' 29"	106° 41' 21"					F-48-82-A-d
nhà Số 174 gác 2 phố Lê Lợi	KX	P. Gia Viên	Q. Ngô Quyền	20° 51' 28"	106° 41' 20"					F-48-82-A-d
nhà thờ An Hải	KX	P. Gia Viên	Q. Ngô Quyền	20° 51' 30"	106° 41' 26"					F-48-82-A-d
Phố Cấm	KX	P. Gia Viên	Q. Ngô Quyền			20° 51' 30"	106° 41' 22"	20° 51' 20"	106° 41' 31"	F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
phố Lê Lợi	KX	P. Gia Viên	Q. Ngô Quyền			20° 51' 45"	106° 41' 38"	20° 51' 11"	106° 41' 03"	F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Kim Đồng	KX	P. Gia Viên	Q. Ngô Quyền	20° 51' 30"	106° 41' 18"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Lý Tự Trọng	KX	P. Gia Viên	Q. Ngô Quyền	20° 51' 29"	106° 41' 41"					F-48-82-A-d
chợ Đà Nẵng	KX	P. Lạc Viên	Q. Ngô Quyền	20° 51' 43"	106° 41' 52"					F-48-82-A-d
chùa Lạc Viên	KX	P. Lạc Viên	Q. Ngô Quyền	20° 51' 49"	106° 41' 46"					F-48-82-A-d
Công ty trách nhiệm hữu hạn Công nghiệp Hóa chất Inchemco	KX	P. Lạc Viên	Q. Ngô Quyền	20° 51' 44"	106° 41' 44"					F-48-82-A-d
đình Lạc Viên	KX	P. Lạc Viên	Q. Ngô Quyền	20° 51' 47"	106° 41' 53"					F-48-82-A-d
đường Đà Nẵng	KX	P. Lạc Viên	Q. Ngô Quyền			20° 51' 45"	106° 41' 25"	20° 51' 43"	106° 43' 14"	F-48-82-A-d
đường Lê Hồng Phong	KX	P. Lạc Viên	Q. Ngô Quyền			20° 51' 45"	106° 41' 38"	20° 49' 30"	106° 43' 31"	F-48-82-A-d
đường Lê Lai	KX	P. Lạc Viên	Q. Ngô Quyền			20° 52' 27"	106° 42' 02"	20° 51' 45"	106° 41' 38"	F-48-82-A-d
đường Máy Tơ	KX	P. Lạc Viên	Q. Ngô Quyền			20° 51' 57"	106° 41' 28"	20° 51' 52"	106° 41' 45"	F-48-82-A-d
Trung tâm thương mại Cát Bi Plaza	KX	P. Lạc Viên	Q. Ngô Quyền	20° 51' 42"	106° 41' 43"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Đà Nẵng	KX	P. Lạc Viên	Q. Ngô Quyền	20° 51' 38"	106° 41' 59"					F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chợ Đoàn Kết	KX	P. Lạch Tray	Q. Ngô Quyền	20° 50' 41"	106° 41' 30"					F-48-82-A-d
đường An Đà	KX	P. Lạch Tray	Q. Ngô Quyền			20° 50' 40"	106° 41' 27"	20° 50' 40"	106° 42' 19"	F-48-82-A-d
đường Nguyễn Bỉnh Khiêm	KX	P. Lạch Tray	Q. Ngô Quyền			20° 50' 30"	106° 41' 32"	20° 51' 24"	106° 43' 41"	F-48-82-A-d
đường Nguyễn Văn Linh	KX	P. Lạch Tray	Q. Ngô Quyền			20° 50' 30"	106° 41' 32"	20° 50' 43"	106° 39' 25"	F-48-82-A-d
khách sạn Nam Cường	KX	P. Lạch Tray	Q. Ngô Quyền	20° 51' 01"	106° 41' 17"					F-48-82-A-d
nhà tưởng niệm Cụ Nguyễn Sơn Hà	KX	P. Lạch Tray	Q. Ngô Quyền	20° 51' 00"	106° 41' 18"					F-48-82-A-d
phố Chu Văn An	KX	P. Lạch Tray	Q. Ngô Quyền			20° 51' 09"	106° 41' 23"	20° 51' 19"	106° 41' 10"	F-48-82-A-d
phố Lạch Tray	KX	P. Lạch Tray	Q. Ngô Quyền			20° 51' 11"	106° 41' 03"	20° 49' 51"	106° 41' 51"	F-48-82-A-d
phố Lê Lợi	KX	P. Lạch Tray	Q. Ngô Quyền			20° 51' 45"	106° 41' 38"	20° 51' 11"	106° 41' 03"	F-48-82-A-d
phố Tô Hiệu	KX	P. Lạch Tray	Q. Ngô Quyền			20° 51' 01"	106° 40' 10"	20° 51' 11"	106° 41' 03"	F-48-82-A-d
sân vận động Lạch Tray	KX	P. Lạch Tray	Q. Ngô Quyền	20° 51' 10"	106° 41' 13"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Nguyễn Đình Chiểu	KX	P. Lạch Tray	Q. Ngô Quyền	20° 51' 06"	106° 41' 08"					F-48-82-A-d
Trường Trung học phổ thông Dân lập Thăng Long	KX	P. Lạch Tray	Q. Ngô Quyền	20° 50' 35"	106° 41' 37"					F-48-82-A-d
chùa Phổ Minh	KX	P. Lê Lợi	Q. Ngô Quyền	20° 51' 19"	106° 41' 14"					F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
phố Chu Văn An	KX	P. Lê Lợi	Q. Ngô Quyền			20° 51' 09"	106° 41' 23"	20° 51' 19"	106° 41' 10"	F-48-82-A-d
phố Lê Lợi	KX	P. Lê Lợi	Q. Ngô Quyền			20° 51' 45"	106° 41' 38"	20° 51' 11"	106° 41' 03"	F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Chu Văn An	KX	P. Lê Lợi	Q. Ngô Quyền	20° 51' 12"	106° 41' 16"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Chu Văn An	KX	P. Lê Lợi	Q. Ngô Quyền	20° 51' 11"	106° 41' 18"					F-48-82-A-d
hồ An Biên	TV	P. Lê Lợi	Q. Ngô Quyền	20° 51' 04"	106° 41' 30"					F-48-82-A-d
tòa nhà Ánh Dương	DC	P. Lương Khánh Thiện	Q. Ngô Quyền	20° 51' 31"	106° 41' 02"					F-48-82-A-d
đường Lương Khánh Thiện	KX	P. Lương Khánh Thiện	Q. Ngô Quyền			20° 51' 17"	106° 40' 55"	20° 51' 45"	106° 41' 25"	F-48-82-A-d
đường Trần Phú	KX	P. Lương Khánh Thiện	Q. Ngô Quyền			20° 51' 25"	106° 40' 47"	20° 52' 00"	106° 41' 14"	F-48-82-A-d
ga Hải Phòng	KX	P. Lương Khánh Thiện	Q. Ngô Quyền	20° 51' 25"	106° 41' 11"					F-48-82-A-d
tòa nhà Khách Sạn 5 Sao	KX	P. Lương Khánh Thiện	Q. Ngô Quyền	20° 51' 38"	106° 41' 12"					F-48-82-A-d
Căng Máy Chai	KX	P. Máy Chai	Q. Ngô Quyền	20° 52' 27"	106° 42' 13"					F-48-82-A-d
chợ Máy Chai	KX	P. Máy Chai	Q. Ngô Quyền	20° 52' 27"	106° 42' 05"					F-48-82-A-d
Chùa Đỏ	KX	P. Máy Chai	Q. Ngô Quyền	20° 52' 19"	106° 42' 03"					F-48-82-A-d
Công ty cổ phần Cảng Cửa Cấm Hải Phòng	KX	P. Máy Chai	Q. Ngô Quyền	20° 52' 20"	106° 42' 40"					F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Công ty cổ phần Công nghiệp tàu thủy Ngô Quyền	KX	P. Máy Chai	Q. Ngô Quyền	20° 42' 04"	106° 42' 43"					F-48-82-A-d
đường Lê Lai	KX	P. Máy Chai	Q. Ngô Quyền			20° 52' 27"	106° 42' 02"	20° 51' 45"	106° 41' 38"	F-48-82-A-d
đường Lê Thánh Tông	KX	P. Máy Chai	Q. Ngô Quyền			20° 52' 00"	106° 41' 14"	20° 51' 43"	106° 43' 14"	F-48-82-A-d
đường Ngô Quyền	KX	P. Máy Chai	Q. Ngô Quyền			20° 52' 27"	106° 42' 02"	20° 51' 56"	106° 42' 54"	F-48-82-A-d
đường Vạn Mỹ	KX	P. Máy Chai	Q. Ngô Quyền			20° 52' 03"	106° 42' 41"	20° 51' 44"	106° 42' 37"	F-48-82-A-d
phà Máy Chai	KX	P. Máy Chai	Q. Ngô Quyền	20° 52' 43"	106° 42' 13"					F-48-82-A-b
Trường Công nhân kỹ thuật Hạ Long	KX	P. Máy Chai	Q. Ngô Quyền	20° 52' 19"	106° 41' 57"					F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Nguyễn Du	KX	P. Máy Chai	Q. Ngô Quyền	20° 52' 17"	106° 42' 02"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Lạc Viên	KX	P. Máy Chai	Q. Ngô Quyền	20° 51' 58"	106° 41' 54"					F-48-82-A-d
Sông Cấm	TV	P. Máy Chai	Q. Ngô Quyền			20° 56' 52"	106° 35' 22"	20° 50' 58"	106° 45' 33"	F-48-82-A-b, F-48-82-A-d
Bệnh viện Đa khoa Ngô Quyền	KX	P. Máy Tơ	Q. Ngô Quyền	20° 51' 40"	106° 41' 36"					F-48-82-A-d
cảng Hải Phòng	KX	P. Máy Tơ	Q. Ngô Quyền	20° 52' 07"	106° 41' 25"					F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đền Tiên Nga	KX	P. Máy Tơ	Q. Ngô Quyền	20° 51' 35"	106° 41' 29"					F-48-82-A-d
đường Đà Nẵng	KX	P. Máy Tơ	Q. Ngô Quyền			20° 51' 45"	106° 41' 25"	20° 51' 43"	106° 43' 14"	F-48-82-A-d
đường Điện Biên Phủ	KX	P. Máy Tơ	Q. Ngô Quyền			20° 51' 45"	106° 40' 39"	20° 51' 45"	106° 41' 25"	F-48-82-A-d
đường Hoàng Diệu	KX	P. Máy Tơ	Q. Ngô Quyền			20° 51' 55"	106° 40' 54"	20° 52' 00"	106° 41' 14"	F-48-82-A-d
đường Lê Hồng Phong	KX	P. Máy Tơ	Q. Ngô Quyền			20° 51' 45"	106° 41' 38"	20° 49' 30"	106° 43' 31"	F-48-82-A-d
đường Lê Lai	KX	P. Máy Tơ	Q. Ngô Quyền			20° 52' 27"	106° 42' 02"	20° 51' 45"	106° 41' 38"	F-48-82-A-d
đường Lê Thánh Tông	KX	P. Máy Tơ	Q. Ngô Quyền			20° 52' 00"	106° 41' 14"	20° 51' 43"	106° 43' 14"	F-48-82-A-d
đường Lương Khánh Thiện	KX	P. Máy Tơ	Q. Ngô Quyền			20° 51' 17"	106° 40' 55"	20° 51' 45"	106° 41' 25"	F-48-82-A-d
đường Máy Tơ	KX	P. Máy Tơ	Q. Ngô Quyền			20° 51' 57"	106° 41' 28"	20° 51' 52"	106° 41' 45"	F-48-82-A-d
đường Trần Phú	KX	P. Máy Tơ	Q. Ngô Quyền			20° 51' 25"	106° 40' 47"	20° 52' 00"	106° 41' 14"	F-48-82-A-d
phố Lê Lợi	KX	P. Máy Tơ	Q. Ngô Quyền			20° 51' 45"	106° 41' 38"	20° 51' 11"	106° 41' 03"	F-48-82-A-d
phố Nguyễn Trãi	KX	P. Máy Tơ	Q. Ngô Quyền			20° 52' 05"	106° 41' 34"	20° 51' 45"	106° 41' 38"	F-48-82-A-d
phố Trần Khánh Dư	KX	P. Máy Tơ	Q. Ngô Quyền			20° 51' 45"	106° 41' 25"	20° 52' 03"	106° 41' 25"	F-48-82-A-d
siêu thị DAFUCO	KX	P. Máy Tơ	Q. Ngô Quyền	20° 52' 01"	106° 41' 24"					F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Nguyễn Thượng Hiền	KX	P. Máy Tơ	Q. Ngô Quyền	20° 51' 55"	106° 41' 41"					F-48-82-A-d
Trường Trung học phổ thông Anhxtanh	KX	P. Máy Tơ	Q. Ngô Quyền	20° 52' 03"	106° 41' 38"					F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Sông Cấm	TV	P. Máy Tơ	Q. Ngô Quyền			20° 56' 52"	106° 35' 22"	20° 50' 58"	106° 45' 33"	F-48-82-A-d
chùa Vĩnh Khánh	KX	P. Vạn Mỹ	Q. Ngô Quyền	20° 51' 24"	106° 42' 32"					F-48-82-A-d
đường Đà Nẵng	KX	P. Vạn Mỹ	Q. Ngô Quyền			20° 51' 45"	106° 41' 25"	20° 51' 43"	106° 43' 14"	F-48-82-A-d
đường Lê Thánh Tông	KX	P. Vạn Mỹ	Q. Ngô Quyền			20° 52' 00"	106° 41' 14"	20° 51' 43"	106° 43' 14"	F-48-82-A-d
đường Ngô Quyền	KX	P. Vạn Mỹ	Q. Ngô Quyền			20° 52' 27"	106° 42' 02"	20° 51' 56"	106° 42' 54"	F-48-82-A-d
đường Phủ Thượng Đoạn	KX	P. Vạn Mỹ	Q. Ngô Quyền			20° 51' 44"	106° 42' 47"	20° 51' 00"	106° 43' 05"	F-48-82-A-d
đường Phương Lưu	KX	P. Vạn Mỹ	Q. Ngô Quyền			20° 51' 27"	106° 42' 35"	20° 50' 53"	106° 42' 54"	F-48-82-A-d
đường Vạn Mỹ	KX	P. Vạn Mỹ	Q. Ngô Quyền			20° 52' 03"	106° 42' 41"	20° 51' 44"	106° 42' 37"	F-48-82-A-d
Trường Tiểu học Quang Trung	KX	P. Vạn Mỹ	Q. Ngô Quyền	20° 51' 34"	106° 42' 23"					F-48-82-A-d
Trường Trung cấp Nghề Thủy sản Hải Phòng	KX	P. Vạn Mỹ	Q. Ngô Quyền	20° 51' 49"	106° 42' 28"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Quang Trung	KX	P. Vạn Mỹ	Q. Ngô Quyền	20° 51' 34"	106° 42' 25"					F-48-82-A-d
Sông Cấm	TV	P. Vạn Mỹ	Q. Ngô Quyền			20° 56' 52"	106° 35' 22"	20° 50' 58"	106° 45' 33"	F-48-82-A-d
Tổ dân phố 1	DC	TT. An Dương	H. An Dương	20° 52' 03"	106° 36' 47"					F-48-82-A-c
Tổ dân phố 2	DC	TT. An Dương	H. An Dương	20° 52' 10"	106° 36' 36"					F-48-82-A-c
Tổ dân phố 3	DC	TT. An Dương	H. An Dương	20° 51' 56"	106° 36' 10"					F-48-82-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Tổ dân phố 4	DC	TT. An Dương	H. An Dương	20° 51' 42"	106° 36' 41"					F-48-82-A-c
Tổ dân phố 5	DC	TT. An Dương	H. An Dương	20° 51' 49"	106° 36' 51"					F-48-82-A-c
Tổ dân phố 6	DC	TT. An Dương	H. An Dương	20° 51' 59"	106° 36' 56"					F-48-82-A-c
Tổ dân phố 7	DC	TT. An Dương	H. An Dương	20° 51' 47"	106° 36' 34"					F-48-82-A-c
Tổ dân phố 8	DC	TT. An Dương	H. An Dương	20° 51' 47"	106° 36' 06"					F-48-82-A-c
Bệnh viện Đa khoa An Dương	KX	TT. An Dương	H. An Dương	20° 51' 55"	106° 36' 17"					F-48-82-A-c
Chợ Rế	KX	TT. An Dương	H. An Dương	20° 52' 03"	106° 36' 49"					F-48-82-A-c
đình Đồng Giới	KX	TT. An Dương	H. An Dương	20° 51' 48"	106° 36' 36"					F-48-82-A-c
Đường tỉnh 351	KX	TT. An Dương	H. An Dương			20° 48' 15"	106° 37' 26"	20° 53' 25"	106° 36' 11"	F-48-82-A-c
Quốc lộ 17B	KX	TT. An Dương	H. An Dương			20° 52' 58"	106° 32' 40"	20° 51' 29"	106° 38' 59"	F-48-82-A-c
Trường Tiểu học thị trấn An Dương	KX	TT. An Dương	H. An Dương	20° 51' 57"	106° 36' 33"					F-48-82-A-c
Trường Trung cấp Nghề An Dương	KX	TT. An Dương	H. An Dương	20° 52' 02"	106° 36' 44"					F-48-82-A-c
Trường Trung học cơ sở thị trấn An Dương	KX	TT. An Dương	H. An Dương	20° 51' 58"	106° 36' 32"					F-48-82-A-c
Trường Trung học phổ thông An Dương	KX	TT. An Dương	H. An Dương	20° 51' 56"	106° 36' 48"					F-48-82-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Trung học phổ thông An Hải	KX	TT. An Dương	H. An Dương	20° 51' 41"	106° 36' 41"					F-48-82-A-c
Trường Trung học phổ thông An Hải khu B	KX	TT. An Dương	H. An Dương	20° 51' 38"	106° 36' 45"					F-48-82-A-c
kênh trục chính Sông Rế (Sông Rế)	TV	TT. An Dương	H. An Dương			20° 52' 07"	106° 34' 42"	20° 51' 40"	106° 38' 55"	F-48-82-A-c
Khu đô thị PG - xã An Đồng	DC	xã An Đồng	H. An Dương	20° 50' 48"	106° 39' 00"					F-48-82-A-d
thôn An Dương	DC	xã An Đồng	H. An Dương	20° 51' 26"	106° 39' 09"					F-48-82-A-d
thôn An Trang	DC	xã An Đồng	H. An Dương	20° 51' 01"	106° 39' 15"					F-48-82-A-d
thôn Cái Tắt	DC	xã An Đồng	H. An Dương	20° 51' 24"	106° 38' 49"					F-48-82-A-d
thôn Đại Lộ Tôn Đức Thắng	DC	xã An Đồng	H. An Dương	20° 51' 10"	106° 39' 18"					F-48-82-A-d
thôn Đường 208	DC	xã An Đồng	H. An Dương	20° 51' 20"	106° 39' 17"					F-48-82-A-d
thôn Trang Quan	DC	xã An Đồng	H. An Dương	20° 50' 59"	106° 38' 53"					F-48-82-A-d
thôn Văn Cú	DC	xã An Đồng	H. An Dương	20° 51' 20"	106° 37' 49"					F-48-82-A-d
thôn Vân Tra	DC	xã An Đồng	H. An Dương	20° 51' 52"	106° 37' 33"					F-48-82-A-d
thôn Vĩnh Khê	DC	xã An Đồng	H. An Dương	20° 51' 39"	106° 38' 05"					F-48-82-A-d
cầu An Đồng	KX	xã An Đồng	H. An Dương	20° 50' 44"	106° 39' 23"					F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu An Dương	KX	xã An Đồng	H. An Dương	20° 50' 58"	106° 39' 32"					F-48-82-A-d
chợ An Đồng	KX	xã An Đồng	H. An Dương	20° 51' 09"	106° 39' 09"					F-48-82-A-d
chùa Vân Tra	KX	xã An Đồng	H. An Dương	20° 51' 47"	106° 37' 25"					F-48-82-A-c
cống Cái Tắt	KX	xã An Đồng	H. An Dương	20° 51' 40"	106° 38' 55"					F-48-82-A-d
đại lộ Tôn Đức Thắng	KX	xã An Đồng	H. An Dương			20° 50' 58"	106° 39' 32"	20° 52' 20"	106° 39' 07"	F-48-82-A-d
đình An Dương Đoài	KX	xã An Đồng	H. An Dương	20° 51' 17"	106° 39' 07"					F-48-82-A-d
đình Văn Cú	KX	xã An Đồng	H. An Dương	20° 51' 31"	106° 37' 43"					F-48-82-A-d
đình Vân Tra	KX	xã An Đồng	H. An Dương	20° 51' 46"	106° 37' 46"					F-48-82-A-d
đình Vĩnh Khê	KX	xã An Đồng	H. An Dương	20° 51' 30"	106° 38' 03"					F-48-82-A-d
Đường 208	KX	xã An Đồng	H. An Dương			20° 51' 10"	106° 39' 38"	20° 51' 29"	106° 38' 59"	F-48-82-A-d
nhà lưu niệm Lãnh tụ Nguyễn Đức Cảnh và Liệt sỹ Hồ Ngọc Lâm	KX	xã An Đồng	H. An Dương	20° 51' 13"	106° 39' 13"					F-48-82-A-d
Quốc lộ 17B	KX	xã An Đồng	H. An Dương			20° 52' 58"	106° 32' 40"	20° 51' 29"	106° 38' 59"	F-48-82-A-c, F-48-82-A-d
Trường Cao đẳng Nghề Công nghiệp Hải Phòng	KX	xã An Đồng	H. An Dương	20° 51' 19"	106° 39' 05"					F-48-82-A-d
Trường Tiểu học An Đồng	KX	xã An Đồng	H. An Dương	20° 51' 26"	106° 38' 44"					F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Trung học cơ sở An Đồng	KX	xã An Đồng	H. An Dương	20° 51' 24"	106° 38' 49"					F-48-82-A-d
Xí nghiệp Đường Sông	KX	xã An Đồng	H. An Dương	20° 50' 45"	106° 39' 09"					F-48-82-A-d
kênh đào Thượng Lý	TV	xã An Đồng	H. An Dương			20° 51' 13"	106° 39' 42"	20° 50' 42"	106° 39' 22"	F-48-82-A-d
kênh trục chính Sông Rế (Sông Rế)	TV	xã An Đồng	H. An Dương			20° 52' 07"	106° 34' 42"	20° 51' 40"	106° 38' 55"	F-48-82-A-c, F-48-82-A-d
sông Lạch Tray	TV	xã An Đồng	H. An Dương			20° 51' 20"	106° 29' 02"	20° 46' 40"	106° 45' 41"	F-48-82-A-d
sông Tam Bạc	TV	xã An Đồng	H. An Dương			20° 51' 40"	106° 38' 55"	20° 52' 02"	106° 40' 27"	F-48-82-A-d
thôn Dưỡng Phú 1	DC	xã An Hòa	H. An Dương	20° 53' 56"	106° 32' 26"					F-48-82-A-a
thôn Dưỡng Phú 2	DC	xã An Hòa	H. An Dương	20° 53' 43"	106° 32' 30"					F-48-82-A-a
thôn Hà Nhuận 1	DC	xã An Hòa	H. An Dương	20° 54' 18"	106° 32' 04"					F-48-82-A-a
thôn Hà Nhuận 2	DC	xã An Hòa	H. An Dương	20° 54' 09"	106° 32' 29"					F-48-82-A-a
thôn Hà Nhuận 3	DC	xã An Hòa	H. An Dương	20° 54' 13"	106° 32' 39"					F-48-82-A-a
thôn Hà Nhuận 4	DC	xã An Hòa	H. An Dương	20° 54' 08"	106° 32' 52"					F-48-82-A-a
thôn Ngọ Dương 1	DC	xã An Hòa	H. An Dương	20° 53' 14"	106° 32' 53"					F-48-82-A-a
thôn Ngọ Dương 2	DC	xã An Hòa	H. An Dương	20° 53' 12"	106° 33' 05"					F-48-82-A-a
thôn Ngọ Dương 3	DC	xã An Hòa	H. An Dương	20° 53' 01"	106° 32' 53"					F-48-82-A-a
thôn Ngọ Dương 4	DC	xã An Hòa	H. An Dương	20° 53' 02"	106° 33' 07"					F-48-82-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Ngọ Dương 5	DC	xã An Hòa	H. An Dương	20° 52' 51"	106° 33' 03"					F-48-82-A-a
thôn Phú La	DC	xã An Hòa	H. An Dương	20° 53' 21"	106° 32' 27"					F-48-82-A-a
thôn Tỉnh Thủy 1	DC	xã An Hòa	H. An Dương	20° 52' 14"	106° 33' 03"					F-48-82-A-c
thôn Tỉnh Thủy 2	DC	xã An Hòa	H. An Dương	20° 52' 01"	106° 32' 58"					F-48-82-A-c
Cầu Bồng	KX	xã An Hòa	H. An Dương	20° 55' 17"	106° 32' 19"					F-48-82-A-a
chợ Ngọ Dương	KX	xã An Hòa	H. An Dương	20° 52' 54"	106° 33' 01"					F-48-82-A-a
chùa Ngọ Dương	KX	xã An Hòa	H. An Dương	20° 53' 08"	106° 32' 53"					F-48-82-A-a
đền Ngọ Dương	KX	xã An Hòa	H. An Dương	20° 53' 13"	106° 32' 46"					F-48-82-A-a
đình Hà Nhuận	KX	xã An Hòa	H. An Dương	20° 54' 06"	106° 32' 38"					F-48-82-A-a
Quốc lộ 17B	KX	xã An Hòa	H. An Dương			20° 52' 58"	106° 32' 40"	20° 51' 29"	106° 38' 59"	F-48-82-A-a
Trường Tiểu học An Hòa	KX	xã An Hòa	H. An Dương	20° 53' 19"	106° 32' 51"					F-48-82-A-a
Trường Tiểu học Hà Nhuận	KX	xã An Hòa	H. An Dương	20° 54' 12"	106° 32' 26"					F-48-82-A-a
Trường Tiểu học Tỉnh Thủy	KX	xã An Hòa	H. An Dương	20° 52' 12"	106° 33' 04"					F-48-82-A-c
Trường Trung học cơ sở An Hòa	KX	xã An Hòa	H. An Dương	20° 53' 16"	106° 32' 49"					F-48-82-A-a
kênh An Kim Hải (sông Văn Dương)	TV	xã An Hòa	H. An Dương			20° 55' 11"	106° 32' 21"	20° 52' 40"	106° 33' 00"	F-48-82-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Hòa Phong (sông Ba Miếu)	TV	xã An Hòa	H. An Dương			20° 52' 40"	106° 33' 00"	20° 51' 28"	106° 33' 09"	F-48-82-A-a, F-48-82-A-c
kênh Tân Hưng Hồng (Sông Dầu)	TV	xã An Hòa	H. An Dương			20° 55' 11"	106° 32' 21"	20° 52' 07"	106° 34' 43"	F-48-82-A-a
sông Lạch Tray	TV	xã An Hòa	H. An Dương			20° 51' 20"	106° 29' 02"	20° 46' 40"	106° 45' 41"	F-48-82-A-c
thôn Khánh Trịnh	DC	xã An Hồng	H. An Dương	20° 54' 04"	106° 36' 31"					F-48-82-A-a
thôn Lê Lác I	DC	xã An Hồng	H. An Dương	20° 54' 29"	106° 36' 13"					F-48-82-A-a
thôn Lê Lác II	DC	xã An Hồng	H. An Dương	20° 54' 35"	106° 36' 09"					F-48-82-A-a
thôn Lê Sáng	DC	xã An Hồng	H. An Dương	20° 54' 52"	106° 35' 49"					F-48-82-A-a
thôn Ngô Hùng	DC	xã An Hồng	H. An Dương	20° 55' 04"	106° 36' 39"					F-48-82-A-a
thôn Ngô Yến	DC	xã An Hồng	H. An Dương	20° 54' 46"	106° 36' 33"					F-48-82-A-a
thôn Phạm Dùng	DC	xã An Hồng	H. An Dương	20° 54' 26"	106° 36' 32"					F-48-82-A-a
thôn Tất Xứng	DC	xã An Hồng	H. An Dương	20° 55' 04"	106° 36' 01"					F-48-82-A-a
thôn Thuần Tỵ	DC	xã An Hồng	H. An Dương	20° 54' 36"	106° 35' 49"					F-48-82-A-a
Cầu Kiền	KX	xã An Hồng	H. An Dương	20° 54' 52"	106° 37' 17"					F-48-82-A-a
Công ty cổ phần Cơ khí đóng tàu Thủy sản Việt Nam	KX	xã An Hồng	H. An Dương	20° 53' 52"	106° 36' 56"					F-48-82-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Công ty cổ phần Cơ khí Thương mại và Xây dựng Hải Phòng	KX	xã An Hồng	H. An Dương	20° 54' 03"	106° 36' 56"					F-48-82-A-a
Công ty cổ phần Đóng tàu Sông Cấm	KX	xã An Hồng	H. An Dương	20° 55' 15"	106° 36' 28"					F-48-82-A-a
Công ty cổ phần Thép Vạn Lợi	KX	xã An Hồng	H. An Dương	20° 53' 56"	106° 36' 58"					F-48-82-A-a
đền Vua Bà	KX	xã An Hồng	H. An Dương	20° 54' 32"	106° 36' 00"					F-48-82-A-a
đền Vua Linh	KX	xã An Hồng	H. An Dương	20° 55' 10"	106° 36' 37"					F-48-82-A-a
Đường tỉnh 351	KX	xã An Hồng	H. An Dương			20° 55' 06"	106° 40' 23"	20° 54' 41"	106° 35' 06"	F-48-82-A-a
Khu công nghiệp Nomura Hải Phòng	KX	xã An Hồng	H. An Dương	20° 54' 07"	106° 35' 26"					F-48-82-A-a
Quốc lộ 10	KX	xã An Hồng	H. An Dương			20° 39' 41"	106° 26' 16"	21° 00' 23"	106° 41' 03"	F-48-82-A-a
Trường Tiểu học An Hồng	KX	xã An Hồng	H. An Dương	20° 54' 37"	106° 36' 15"					F-48-82-A-a
Trường Trung học cơ sở An Hồng	KX	xã An Hồng	H. An Dương	20° 54' 40"	106° 36' 14"					F-48-82-A-a
Sông Cấm	TV	xã An Hồng	H. An Dương			20° 56' 52"	106° 35' 22"	20° 50' 58"	106° 45' 33"	F-48-82-A-a
thôn An Phong	DC	xã An Hưng	H. An Dương	20° 53' 38"	106° 35' 41"					F-48-82-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn Bắc	DC	xã An Hưng	H. An Dương	20° 54' 37"	106° 35' 08"					F-48-82-A-a
Thôn Đoài	DC	xã An Hưng	H. An Dương	20° 54' 49"	106° 35' 09"					F-48-82-A-a
thôn Đồng Hải	DC	xã An Hưng	H. An Dương	20° 54' 08"	106° 36' 00"					F-48-82-A-a
Thôn Hạ	DC	xã An Hưng	H. An Dương	20° 54' 26"	106° 35' 05"					F-48-82-A-a
thôn Nam Bình	DC	xã An Hưng	H. An Dương	20° 54' 08"	106° 34' 44"					F-48-82-A-a
thôn Nam Hòa	DC	xã An Hưng	H. An Dương	20° 54' 02"	106° 34' 57"					F-48-82-A-a
thôn Thắng Lợi	DC	xã An Hưng	H. An Dương	20° 54' 23"	106° 34' 38"					F-48-82-A-a
Thôn Thượng	DC	xã An Hưng	H. An Dương	20° 54' 17"	106° 34' 59"					F-48-82-A-a
Chợ Hỗ	KX	xã An Hưng	H. An Dương	20° 54' 22"	106° 34' 30"					F-48-82-A-a
đền thờ Phạm Thượng Quận	KX	xã An Hưng	H. An Dương	20° 54' 31"	106° 34' 58"					F-48-82-A-a
đình Khinh Giao	KX	xã An Hưng	H. An Dương	20° 54' 22"	106° 34' 51"					F-48-82-A-a
đường Hùng Vương	KX	xã An Hưng	H. An Dương			20° 51' 17"	106° 39' 52"	20° 53' 37"	106° 35' 31"	F-48-82-A-a
Đường tỉnh 351	KX	xã An Hưng	H. An Dương			20° 55' 06"	106° 40' 23"	20° 54' 41"	106° 35' 06"	F-48-82-A-a
Khu công nghiệp Nomura Hải Phòng	KX	xã An Hưng	H. An Dương	20° 54' 07"	106° 35' 26"					F-48-82-A-a
Quốc lộ 5	KX	xã An Hưng	H. An Dương			20° 56' 42"	106° 32' 29"	20° 51' 58"	106° 38' 56"	F-48-82-A-a
Quốc lộ 10	KX	xã An Hưng	H. An Dương			20° 39' 41"	106° 26' 16"	21° 00' 23"	106° 41' 03"	F-48-82-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trung tâm Đào tạo nghiệp vụ Bảo vệ	KX	xã An Hưng	H. An Dương	20° 53' 59"	106° 35' 01"					F-48-82-A-a
Trường Mầm non An Hưng	KX	xã An Hưng	H. An Dương	20° 54' 09"	106° 35' 53"					F-48-82-A-a
Trường Tiểu học An Hưng	KX	xã An Hưng	H. An Dương	20° 54' 07"	106° 35' 06"					F-48-82-A-a
Trường Trung học cơ sở An Hưng	KX	xã An Hưng	H. An Dương	20° 54' 05"	106° 35' 01"					F-48-82-A-a
Trường Trung học phổ thông Nguyễn Trãi	KX	xã An Hưng	H. An Dương	20° 54' 09"	106° 35' 09"					F-48-82-A-a
Trường Trung học phổ thông Tân An	KX	xã An Hưng	H. An Dương	20° 54' 12"	106° 34' 25"					F-48-82-A-a
Thôn 1	DC	xã Bắc Sơn	H. An Dương	20° 52' 52"	106° 35' 20"					F-48-82-A-a
Thôn 2	DC	xã Bắc Sơn	H. An Dương	20° 52' 43"	106° 35' 23"					F-48-82-A-a
Thôn 3	DC	xã Bắc Sơn	H. An Dương	20° 52' 29"	106° 35' 47"					F-48-82-A-a
Thôn 4	DC	xã Bắc Sơn	H. An Dương	20° 52' 30"	106° 35' 16"					F-48-82-A-a
Thôn 5	DC	xã Bắc Sơn	H. An Dương	20° 52' 24"	106° 35' 01"					F-48-82-A-c
Thôn 6	DC	xã Bắc Sơn	H. An Dương	20° 52' 36"	106° 35' 04"					F-48-82-A-a
cầu Rế 2	KX	xã Bắc Sơn	H. An Dương	20° 52' 09"	106° 34' 40"					F-48-82-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu vượt Quán Toan	KX	xã Bắc Sơn	H. An Dương	20° 53' 11"	106° 35' 43"					F-48-82-A-a
chùa Cao Linh	KX	xã Bắc Sơn	H. An Dương	20° 52' 56"	106° 35' 03"					F-48-82-A-a
Đình Nam	KX	xã Bắc Sơn	H. An Dương	20° 52' 29"	106° 34' 55"					F-48-82-A-a
đường Bắc Sơn - Nam Hải	KX	xã Bắc Sơn	H. An Dương			20° 52' 18"	106° 34' 49"	20° 49' 51"	106° 41' 51"	F-48-82-A-c
Quốc lộ 5	KX	xã Bắc Sơn	H. An Dương			20° 56' 42"	106° 32' 29"	20° 51' 58"	106° 38' 56"	F-48-82-A-a
Quốc lộ 10	KX	xã Bắc Sơn	H. An Dương			20° 39' 41"	106° 26' 16"	21° 00' 23"	106° 41' 03"	F-48-82-A-a, F-48-82-A-c
Quốc lộ 17B	KX	xã Bắc Sơn	H. An Dương			20° 52' 58"	106° 32' 40"	20° 51' 29"	106° 38' 59"	F-48-82-A-c
Trường Tiểu học Bắc Sơn	KX	xã Bắc Sơn	H. An Dương	20° 52' 34"	106° 35' 17"					F-48-82-A-a
Trường Trung học cơ sở Bắc Sơn	KX	xã Bắc Sơn	H. An Dương	20° 52' 36"	106° 35' 16"					F-48-82-A-a
kênh Tân Hưng Hồng (Sông Dầu)	TV	xã Bắc Sơn	H. An Dương			20° 55' 11"	106° 32' 21"	20° 52' 07"	106° 34' 43"	F-48-82-A-a, F-48-82-A-c
kênh trục chính Sông Rế (Sông Rế)	TV	xã Bắc Sơn	H. An Dương			20° 52' 07"	106° 34' 42"	20° 51' 40"	106° 38' 55"	F-48-82-A-c
thôn An Phú	DC	xã Đại Bản	H. An Dương	20° 55' 08"	106° 33' 50"					F-48-82-A-a
thôn Đại Đồng	DC	xã Đại Bản	H. An Dương	20° 55' 19"	106° 34' 14"					F-48-82-A-a
thôn Lê Xá	DC	xã Đại Bản	H. An Dương	20° 56' 02"	106° 35' 37"					F-48-82-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Lực Nông	DC	xã Đại Bản	H. An Dương	20° 56' 00"	106° 33' 53"					F-48-82-A-a
thôn Tân Thanh	DC	xã Đại Bản	H. An Dương	20° 55' 14"	106° 34' 02"					F-48-82-A-a
thôn Tiên Nông	DC	xã Đại Bản	H. An Dương	20° 55' 16"	106° 33' 39"					F-48-82-A-a
thôn Trại Kênh	DC	xã Đại Bản	H. An Dương	20° 56' 33"	106° 34' 10"					F-48-82-A-a
thôn Văn Tiến	DC	xã Đại Bản	H. An Dương	20° 56' 10"	106° 35' 15"					F-48-82-A-a
thôn Vụ Nông	DC	xã Đại Bản	H. An Dương	20° 55' 06"	106° 34' 07"					F-48-82-A-a
thôn Xuyên Đông	DC	xã Đại Bản	H. An Dương	20° 55' 08"	106° 34' 34"					F-48-82-A-a
Đình Đông	KX	xã Đại Bản	H. An Dương	20° 55' 19"	106° 34' 10"					F-48-82-A-a
Đình Nước	KX	xã Đại Bản	H. An Dương	20° 55' 10"	106° 33' 54"					F-48-82-A-a
đò Nống 1	KX	xã Đại Bản	H. An Dương	20° 55' 58"	106° 33' 29"					F-48-82-A-a
ga Dụ Nghĩa	KX	xã Đại Bản	H. An Dương	20° 55' 01"	106° 33' 45"					F-48-82-A-a
Quốc lộ 5	KX	xã Đại Bản	H. An Dương			20° 56' 42"	106° 32' 29"	20° 51' 58"	106° 38' 56"	F-48-82-A-a
Trường Tiểu học Đại Bản I (Cơ sở 1)	KX	xã Đại Bản	H. An Dương	20° 55' 25"	106° 34' 00"					F-48-82-A-a
Trường Tiểu học Đại Bản I (Cơ sở 2)	KX	xã Đại Bản	H. An Dương	20° 56' 02"	106° 33' 56"					F-48-82-A-a
Trường Tiểu học Đại Bản II (Cơ sở 1)	KX	xã Đại Bản	H. An Dương	20° 55' 12"	106° 34' 18"					F-48-82-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Tiểu học Đại Bản II (Cơ sở 2)	KX	xã Đại Bản	H. An Dương	20° 56' 09"	106° 35' 26"					F-48-82-A-a
Trường Trung học cơ sở Đại Bản	KX	xã Đại Bản	H. An Dương	20° 55' 27"	106° 34' 06"					F-48-82-A-a
Sông Cấm	TV	xã Đại Bản	H. An Dương			20° 56' 52"	106° 35' 22"	20° 50' 58"	106° 45' 33"	F-48-82-A-a
sông Kinh Môn	TV	xã Đại Bản	H. An Dương			20° 56' 55"	106° 32' 39"	20° 56' 52"	106° 35' 22"	F-48-82-A-a
thôn Chiến Thắng	DC	xã Đặng Cương	H. An Dương	20° 51' 02"	106° 35' 55"					F-48-82-A-c
thôn Dân Hạnh	DC	xã Đặng Cương	H. An Dương	20° 51' 16"	106° 36' 17"					F-48-82-A-c
thôn Đoàn Tiến	DC	xã Đặng Cương	H. An Dương	20° 51' 12"	106° 35' 37"					F-48-82-A-c
thôn Đồng Quang	DC	xã Đặng Cương	H. An Dương	20° 50' 45"	106° 36' 03"					F-48-82-A-c
thôn Hòa Nhất	DC	xã Đặng Cương	H. An Dương	20° 50' 53"	106° 36' 44"					F-48-82-A-c
thôn Nhất Trí	DC	xã Đặng Cương	H. An Dương	20° 50' 31"	106° 36' 31"					F-48-82-A-c
thôn Thành Công	DC	xã Đặng Cương	H. An Dương	20° 50' 25"	106° 36' 16"					F-48-82-A-c
thôn Tự Lập	DC	xã Đặng Cương	H. An Dương	20° 51' 10"	106° 36' 39"					F-48-82-A-c
cầu Đặng Cương	KX	xã Đặng Cương	H. An Dương	20° 50' 53"	106° 37' 02"					F-48-82-A-c
chợ Đặng Cương	KX	xã Đặng Cương	H. An Dương	20° 50' 53"	106° 35' 59"					F-48-82-A-c
đình Đồng Dụ	KX	xã Đặng Cương	H. An Dương	20° 51' 19"	106° 36' 26"					F-48-82-A-c
đình Tri Yếu	KX	xã Đặng Cương	H. An Dương	20° 50' 28"	106° 36' 06"					F-48-82-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường Bắc Sơn - Nam Hải	KX	xã Đặng Cương	H. An Dương			20° 52' 18"	106° 34' 49"	20° 49' 51"	106° 41' 51"	F-48-82-A-c
Đường tỉnh 351	KX	xã Đặng Cương	H. An Dương			20° 48' 15"	106° 37' 26"	20° 53' 25"	106° 36' 11"	F-48-82-A-c
Trường Tiểu học Đặng Cương	KX	xã Đặng Cương	H. An Dương	20° 50' 58"	106° 36' 03"					F-48-82-A-c
Trường Trung học cơ sở Đặng Cương	KX	xã Đặng Cương	H. An Dương	20° 51' 02"	106° 36' 09"					F-48-82-A-c
thôn Bạch Mai	DC	xã Đồng Thái	H. An Dương	20° 51' 01"	106° 38' 00"					F-48-82-A-d
thôn Hoàng Mai	DC	xã Đồng Thái	H. An Dương	20° 50' 15"	106° 38' 35"					F-48-82-A-d
thôn Kiến Phong	DC	xã Đồng Thái	H. An Dương	20° 50' 53"	106° 37' 36"					F-48-82-A-d
thôn Minh Kha	DC	xã Đồng Thái	H. An Dương	20° 51' 20"	106° 37' 03"					F-48-82-A-c
thôn Tê Chử	DC	xã Đồng Thái	H. An Dương	20° 50' 27"	106° 38' 13"					F-48-82-A-d
thôn Văn Phong	DC	xã Đồng Thái	H. An Dương	20° 51' 31"	106° 37' 31"					F-48-82-A-d
đình Hoàng Mai	KX	xã Đồng Thái	H. An Dương	20° 50' 11"	106° 38' 26"					F-48-82-A-d
đình Kiến Phong	KX	xã Đồng Thái	H. An Dương	20° 50' 50"	106° 37' 34"					F-48-82-A-c
đình Minh Kha	KX	xã Đồng Thái	H. An Dương	20° 51' 18"	106° 37' 21"					F-48-82-A-c
đình Văn Phong	KX	xã Đồng Thái	H. An Dương	20° 51' 29"	106° 37' 31"					F-48-82-A-d
đường Bắc Sơn - Nam Hải	KX	xã Đồng Thái	H. An Dương			20° 52' 18"	106° 34' 49"	20° 49' 51"	106° 41' 51"	F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 351	KX	xã Đồng Thái	H. An Dương			20° 48' 15"	106° 37' 26"	20° 53' 25"	106° 36' 11"	F-48-82-A-c
Trường Tiểu học Đồng Thái	KX	xã Đồng Thái	H. An Dương	20° 50' 52"	106° 38' 02"					F-48-82-A-d
Trường Trung học cơ sở Đồng Thái	KX	xã Đồng Thái	H. An Dương	20° 50' 54"	106° 38' 03"					F-48-82-A-d
sông Lạch Tray	TV	xã Đồng Thái	H. An Dương			20° 51' 20"	106° 29' 02"	20° 46' 40"	106° 45' 41"	F-48-82-A-d
thôn Đình Ngọ 1	DC	xã Hồng Phong	H. An Dương	20° 53' 02"	106° 33' 23"					F-48-82-A-a
thôn Đình Ngọ 2	DC	xã Hồng Phong	H. An Dương	20° 53' 08"	106° 33' 32"					F-48-82-A-a
thôn Đồng Xuân	DC	xã Hồng Phong	H. An Dương	20° 51' 45"	106° 33' 42"					F-48-82-A-c
thôn Hà Đỗ 1	DC	xã Hồng Phong	H. An Dương	20° 53' 36"	106° 33' 57"					F-48-82-A-a
thôn Hà Đỗ 2	DC	xã Hồng Phong	H. An Dương	20° 53' 41"	106° 34' 04"					F-48-82-A-a
thôn Hỗ Đông	DC	xã Hồng Phong	H. An Dương	20° 53' 59"	106° 33' 50"					F-48-82-A-a
thôn Hoàng Lâu 1	DC	xã Hồng Phong	H. An Dương	20° 52' 30"	106° 33' 50"					F-48-82-A-a
thôn Hoàng Lâu 2	DC	xã Hồng Phong	H. An Dương	20° 52' 18"	106° 34' 01"					F-48-82-A-c
xóm Ấp Phụng Dương	DC	xã Hồng Phong	H. An Dương	20° 52' 55"	106° 34' 26"					F-48-82-A-a
Cầu Hỗ	KX	xã Hồng Phong	H. An Dương	20° 54' 01"	106° 34' 00"					F-48-82-A-a
chợ Hoàng Lâu	KX	xã Hồng Phong	H. An Dương	20° 52' 32"	106° 34' 01"					F-48-82-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chùa Đình Ngọ	KX	xã Hồng Phong	H. An Dương	20° 53' 01"	106° 33' 16"					F-48-82-A-a
đình Đình Ngọ	KX	xã Hồng Phong	H. An Dương	20° 53' 01"	106° 33' 17"					F-48-82-A-a
đình Hà Đỗ	KX	xã Hồng Phong	H. An Dương	20° 53' 41"	106° 33' 42"					F-48-82-A-a
đình Hỗ Đông	KX	xã Hồng Phong	H. An Dương	20° 53' 50"	106° 33' 44"					F-48-82-A-a
đình Hoàng Lâu	KX	xã Hồng Phong	H. An Dương	20° 52' 26"	106° 34' 19"					F-48-82-A-c
Khu công nghiệp Tràng Duệ	KX	xã Hồng Phong	H. An Dương	20° 51' 54"	106° 33' 56"					F-48-82-A-c
Quốc lộ 17B	KX	xã Hồng Phong	H. An Dương			20° 52' 58"	106° 32' 40"	20° 51' 29"	106° 38' 59"	F-48-82-A-a, F-48-82-A-c
Trường Tiểu học Hồng Phong (Cơ sở 1)	KX	xã Hồng Phong	H. An Dương	20° 52' 35"	106° 33' 44"					F-48-82-A-a
Trường Tiểu học Hồng Phong (Cơ sở 2)	KX	xã Hồng Phong	H. An Dương	20° 52' 54"	106° 33' 31"					F-48-82-A-a
Trường Tiểu học Hồng Phong (Cơ sở 3)	KX	xã Hồng Phong	H. An Dương	20° 53' 30"	106° 33' 47"					F-48-82-A-a
Trường Trung học cơ sở Hồng Phong	KX	xã Hồng Phong	H. An Dương	20° 52' 49"	106° 33' 26"					F-48-82-A-a
kênh Hòa Phong (sông Ba Miếu)	TV	xã Hồng Phong	H. An Dương			20° 52' 40"	106° 33' 00"	20° 51' 28"	106° 33' 09"	F-48-82-A-a, F-48-82-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Tân Hưng Hồng (Sông Dầu)	TV	xã Hồng Phong	H. An Dương			20° 55' 11"	106° 32' 21"	20° 52' 07"	106° 34' 43"	F-48-82-A-a
sông Lạch Tray	TV	xã Hồng Phong	H. An Dương			20° 51' 20"	106° 29' 02"	20° 46' 40"	106° 45' 41"	F-48-82-A-c
thôn Đào Yêu	DC	xã Hồng Thái	H. An Dương	20° 49' 27"	106° 37' 05"					F-48-82-A-c
thôn Hy Tái	DC	xã Hồng Thái	H. An Dương	20° 50' 32"	106° 37' 15"					F-48-82-A-c
thôn Kiều Đông	DC	xã Hồng Thái	H. An Dương	20° 49' 48"	106° 37' 29"					F-48-82-A-c
thôn Kiều Trung	DC	xã Hồng Thái	H. An Dương	20° 50' 05"	106° 37' 09"					F-48-82-A-c
thôn Tiên Sa	DC	xã Hồng Thái	H. An Dương	20° 49' 40"	106° 37' 46"					F-48-82-A-d
thôn Xích Thổ	DC	xã Hồng Thái	H. An Dương	20° 50' 08"	106° 38' 03"					F-48-82-A-d
thôn Xóm Mới	DC	xã Hồng Thái	H. An Dương	20° 49' 16"	106° 37' 11"					F-48-82-A-c
cầu Hy Tái	KX	xã Hồng Thái	H. An Dương	20° 50' 16"	106° 37' 16"					F-48-82-A-c
chùa Kiều Trung	KX	xã Hồng Thái	H. An Dương	20° 50' 12"	106° 36' 46"					F-48-82-A-c
chùa Xích Thổ	KX	xã Hồng Thái	H. An Dương	20° 50' 04"	106° 38' 01"					F-48-82-A-d
đền Kiều Đông	KX	xã Hồng Thái	H. An Dương	20° 49' 59"	106° 37' 29"					F-48-82-A-c
đình Kiều Trung	KX	xã Hồng Thái	H. An Dương	20° 50' 10"	106° 36' 53"					F-48-82-A-c
đình Xích Thổ	KX	xã Hồng Thái	H. An Dương	20° 50' 03"	106° 38' 01"					F-48-82-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường Bắc Sơn - Nam Hải	KX	xã Hồng Thái	H. An Dương			20° 52' 18"	106° 34' 49"	20° 49' 51"	106° 41' 51"	F-48-82-A-c, F-48-82-A-d
Đường tỉnh 351	KX	xã Hồng Thái	H. An Dương			20° 48' 15"	106° 37' 26"	20° 53' 25"	106° 36' 11"	F-48-82-A-c
Trường Cao đẳng Nghề Giao thông Vận tải Trung ương II	KX	xã Hồng Thái	H. An Dương	20° 49' 08"	106° 37' 09"					F-48-82-A-c
Trường Tiểu học Hồng Thái	KX	xã Hồng Thái	H. An Dương	20° 49' 56"	106° 37' 18"					F-48-82-A-c
Trường Trung học cơ sở Hồng Thái	KX	xã Hồng Thái	H. An Dương	20° 49' 57"	106° 37' 26"					F-48-82-A-c
sông Lạch Tray	TV	xã Hồng Thái	H. An Dương			20° 51' 20"	106° 29' 02"	20° 46' 40"	106° 45' 41"	F-48-82-A-c, F-48-82-A-d
thôn Trạm Bạc	DC	xã Lê Lợi	H. An Dương	20° 51' 16"	106° 34' 12"					F-48-82-A-c
thôn Xóm 1	DC	xã Lê Lợi	H. An Dương	20° 51' 35"	106° 35' 14"					F-48-82-A-c
thôn Xóm 2	DC	xã Lê Lợi	H. An Dương	20° 51' 37"	106° 34' 58"					F-48-82-A-c
thôn Xóm 3	DC	xã Lê Lợi	H. An Dương	20° 51' 30"	106° 35' 08"					F-48-82-A-c
thôn Xóm 4	DC	xã Lê Lợi	H. An Dương	20° 51' 27"	106° 34' 54"					F-48-82-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Xóm 5	DC	xã Lê Lợi	H. An Dương	20° 51' 50"	106° 34' 56"					F-48-82-A-c
thôn Xóm Đông	DC	xã Lê Lợi	H. An Dương	20° 51' 27"	106° 36' 07"					F-48-82-A-c
thôn Xóm Giữa	DC	xã Lê Lợi	H. An Dương	20° 51' 37"	106° 35' 43"					F-48-82-A-c
thôn Xóm Ngoài	DC	xã Lê Lợi	H. An Dương	20° 51' 40"	106° 35' 30"					F-48-82-A-c
cầu Trạm Bạc	KX	xã Lê Lợi	H. An Dương	20° 50' 56"	106° 33' 45"					F-48-82-A-c
đình Trạm Bạc	KX	xã Lê Lợi	H. An Dương	20° 51' 18"	106° 34' 18"					F-48-82-A-c
đình Tràng Duệ	KX	xã Lê Lợi	H. An Dương	20° 51' 33"	106° 34' 56"					F-48-82-A-c
đường Bắc Sơn - Nam Hải	KX	xã Lê Lợi	H. An Dương			20° 52' 18"	106° 34' 49"	20° 49' 51"	106° 41' 51"	F-48-82-A-c
Khu công nghiệp Tràng Duệ	KX	xã Lê Lợi	H. An Dương	20° 51' 54"	106° 33' 56"					F-48-82-A-c
lăng mộ Ngài Tị Tổ họ Nguyễn Đình, Nguyễn Khoa	KX	xã Lê Lợi	H. An Dương	20° 51' 18"	106° 34' 19"					F-48-82-A-c
miếu Lương Quy	KX	xã Lê Lợi	H. An Dương	20° 51' 43"	106° 35' 29"					F-48-82-A-c
Quốc lộ 10	KX	xã Lê Lợi	H. An Dương			20° 39' 41"	106° 26' 16"	21° 00' 23"	106° 41' 03"	F-48-82-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Quốc lộ 17B	KX	xã Lê Lợi	H. An Dương			20° 52' 58"	106° 32' 40"	20° 51' 29"	106° 38' 59"	F-48-82-A-c
Trường Mầm non Lê Lợi	KX	xã Lê Lợi	H. An Dương	20° 51' 35"	106° 34' 49"					F-48-82-A-c
Trường Tiểu học Lê Lợi	KX	xã Lê Lợi	H. An Dương	20° 51' 49"	106° 35' 21"					F-48-82-A-c
Trường Trung học cơ sở Lê Lợi	KX	xã Lê Lợi	H. An Dương	20° 51' 49"	106° 35' 23"					F-48-82-A-c
kênh trục chính Sông Rế (Sông Rế)	TV	xã Lê Lợi	H. An Dương			20° 52' 07"	106° 34' 42"	20° 51' 40"	106° 38' 55"	F-48-82-A-c
sông Lạch Tray	TV	xã Lê Lợi	H. An Dương			20° 51' 20"	106° 29' 02"	20° 46' 40"	106° 45' 41"	F-48-82-A-c

(Xem tiếp Công báo số 435 + 436)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng